



NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **DÂNG HOA “LƯƠNG HOÀNG BẢO SÁM” TRONG MÙA VU LAN** (Thích nữ Giới Hương), trang 1
- **MỘT THẾ GIỚI TỪ BI** (Cư sĩ Nguyễn Giác), trang 2
- **MỘT TỜ KINH THIÊNG** (thơ Tuệ Nguyên – Thích Thái Hòa), trang 2
- **CHA MẸ: THẦY DẪN ĐẠO CỦA CON** (Vĩnh Hảo), trang 3
- **LOTUS – HOA SEN** (Tâm Minh Ngô Tằng Giao dịch thơ Rabindranath Tagore), trang 3
- **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 4
- **LỜI SÁM HỎI CỦA CHA** (Võ Hồng), trang 6
- **CHỦ TIÊU, MẸ VÀ BÔNG HOA SÚ** (Lam Khê), trang 7
- **CHÙA LÀNG, CHÙA THỊ** (Huỳnh Kim Quang), trang 8
- **MỘT NGÀY** (thơ Diêu Linh), tr. 9
- **NHŨ MẪU – MAHA PAJAPATI** (Ngọc Bảo), trang 10
- **MẸ** (thơ Tường Vân), trang 11
- **ĐẠO PHẬT VÀ MÔI TRƯỜNG** (TN. Tịnh Quang trích dịch), tr. 12
- **BẠN LÀM GÌ TRONG 60 PHÚT CUỐI ĐỜI MÌNH** (Hoàng Dũng Hùng), trang 13
- **NGƯỜI RA ĐI THẬT RỜI SAO?** (Thích Đồng Trí), trang 14
- **CẢM NIỆM VU LAN 2** (thơ Tâm Tấn), trang 15
- **GHPGVNTNHK CỬ HÀNH LỄ HÚY KỶ ĐỨC ĐỆ TỬ TẶNG THỐNG** (Việt Báo), trang 15
- **HÌNH ẢNH AN CƯ TẠI CHÙA BÁT NHÃ** (Dũng Nguyễn), tr. 16
- **HÌNH ẢNH TANG LỄ CỐ HÒA THƯỢNG THÍCH CHÍ NĂNG** (Hophap.net), trang 17
- **ĐÀI PHÁT THANH HƯƠNG SEN KỶ NIỆM 17 NĂM THÀNH LẬP**, trang 19
- **CHỮ HIẾU TRONG ĐẠO PHẬT** (GDPTVN tại Hoa Kỳ), trang 20
- **PHÁP THỰC SUNG MÃN TẠI TRƯỜNG HẠ PHVQT, AN CƯ 2011** (Huệ Trân), trang 21
- **GIẶT MÌNH, CHÚC NHAU, GIỌT TRÀ CUỐI** (thơ Huyền Vũ), tr. 21
- **NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHẢY** (Lâm Thanh Huyền - Phạm Huệ dịch), trang 22
- **TÂM CỬU MANG THÙ HẬN, CHUỐC BÁT TẬN KHỔ ĐAU** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 23
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 24
- **“CÓ THỰC MỚI VỰC ĐƯỢC ĐẠO”** (Thu Nguyệt), trang 26
- **ĐẠI LỄ VU LAN: TƯỜNG NIỆM VỀ MẸ** (thơ Nhựt Thanh - Tuyết Nguyễn), trang 26

DÂNG HOA “LƯƠNG HOÀNG BẢO SÁM” TRONG MÙA VU LAN

Thích Nữ Giới Hương

Lá bắt đầu rơi. Trời heo hút gió mây. Thời gian đang vận hành theo vòng quanh của vũ trụ để chuyển mang một mùa Vu lan nữa lại đến.

Vâng! Mùa Vu Lan Báo Hiếu năm 2011, Phật lịch 2555 đang đến. Hàng năm, chúng ta vâng lời Phật dạy, làm người con thảo, nên thường dâng tứ sự, cúng dường trai tăng lên Thập Phương Thường Trụ Tăng để hồi hướng phước báo đến Cha Mẹ quá vãng như Tôn giả Mục Kiền Liên đã thực thi trong kinh Phụ Mẫu Báo Trọng Ân. Năm nay, chúng ta có thể tô điểm thêm trong vườn Tâm Hiếu của người con Phật bằng cách “Dâng Hoa Lương Hoàng Bảo Sám” trong mùa Vu Lan báo hiếu này.

Lương Hoàng Bảo Sám còn gọi là Từ Bi Đạo Tràng Lương Hoàng Sám Pháp, là một phương pháp sám hối rất hữu hiệu và nhẹ nhàng để chuyển hóa những tâm niệm sai lầm thành trong sáng, thanh cao và đề cao tâm nguyện mình và người cùng làm bồ đề quyền thuộc với nhau, chứ không mệt mỏi nhằm chán hay bi quan. Đây là một phong cách nhìn rất hướng thiện. Bên cạnh đó, Lương Hoàng Bảo Sám cũng là một phương cách giúp chúng ta đền

trả tứ ân, đặc biệt ân Cha mẹ - Bậc sanh thành và dưỡng dục nên thân thể tứ đại của chúng ta.

Cũng như Kinh Phụ Mẫu Báo Trọng Ân đã trình bày cho chúng ta biết công ơn to lớn của cha mẹ, đặc biệt mẹ đã chín tháng cưu mang, ba năm bú sữa; Lương Hoàng Bảo Sám cũng dạy cho chúng ta biết niệm tâm ân cha mẹ như sau:

“Phải tưởng niệm ân đức dưỡng dục của cha mẹ trong việc sinh dưỡng thật sâu và nặng.

Chỉ có cha mẹ mới tự lãnh nguy hiểm, để phần yên ổn cho con.

Lớn lên thì huấn luyện tâm tánh nhân từ và tư cách lễ độ. Tha thiết cầu thầy dạy bảo để mong con thông suốt nghĩa lý sách vở của thánh hiền cũng là cha mẹ.

Chỉ có Cha mẹ mới kỳ vọng từng giờ từng phút, mong con bằng người. Sự cung cấp thì gia bảo cũng không tiếc đối với con.

Thậm chí lo cho con và nghĩ về con quá độ mà cha mẹ đã thành bệnh. Và dầu năm không xuống, vẫn miên man nghĩ đến con.

Ân cha mẹ, thế gian này thật không có cái thứ hai. Nên Đức Phật đã nói, thiên hạ không có cái ơn nào hơn cha mẹ. Người xuất gia chưa đắc đạo thì phải nỗ lực vào sự tu học, làm lành không nghĩ, tích đức không ngừng, quyết chí báo bổ cho được cái ơn cù lao dưỡng dục này” (Lương Hoàng Bảo Sám, Hòa Thượng Thích Trí Quang dịch, Phật Lịch 2553, Ấn Tông, trang 419- 421).

Thật vậy, không có ngôn từ nào diễn tả hết những tình thần và vật chất mà cha mẹ đã cho chúng ta. Khi chúng ta lớn lên, chúng ta nuôi cha mẹ hay cho cha mẹ vài đồng thì tính tháng tính ngày, kể công nhiều ít. Trong khi tấm lòng của cha mẹ đối với chúng ta thật như trời biển bao la, nói sao cho cùng. Nếu cha mẹ còn tại tiền thì chúng ta còn có cơ hội để đáp trả. Nếu không may cha mẹ đã qua đời thì thật là tiếc nuối. Trong kinh, Đức Phật đã

dạy rất nhiều cách để đền ơn cha mẹ như chúng ta thân cận phụng dưỡng, hồi hướng phước tuệ mà chúng ta đã gieo đến cha mẹ hay hướng dẫn cha mẹ quy y Tam bảo quy về nẻo thiện. Trong Lương Hoàng Bảo Sám hướng dẫn chúng ta thay vì cha mẹ, bà con quyến thuộc trong hiện đời hay quá vãng mà đành lễ Chư Phật và bồ tát trong mười phương, nguyện nương sức tha lực nhiệm mầu này mà cha mẹ và thân quyến có thể chuyển hóa đau khổ thành giải thoát an lạc như sau:

“Đại chúng hãy cùng nhau đồng một nỗi thống thiết, gieo xuống đất tất cả năm bộ phận của thân thể, phụng vì tất cả cha mẹ bà con và thân thuộc của cha mẹ, bà con từ vô thủy đến giờ, quy y và đánh lễ các đấng Đại Từ Bi Phụ của thế gian “Nam Mô Di Lặc Phật... Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát”.

“Đệ tử chúng con chí thành quy y và đánh lễ hết thầy Tam Bảo khắp cả mười phương, cùng tận hư không giới, nguyện xin Tam bảo đem năng lực từ bi mà đồng gia nhiếp thọ, làm cho cha mẹ bà con và thân thuộc của cha mẹ, bà con của chúng con, từ nay sắp đi cho đến ngày giặc ngộ, được diệt sạch tội chướng, hết sạch thống khổ, lọc sạch phiền não, trường tử ác đạo mà tự tại vãng sanh, đích thân phụng sự chư Phật mà đối diện nhận lãnh sự quyết đoán của các ngài về sự thành Phật của mình, tứ đẳng và lục độ không rời hành vi, tứ biện và lục thông hết cả chướng ngại, thực hiện mười trí lực của Phật nên trang nghiêm thân thể bằng hết thầy tướng tốt và tướng phụ, cùng ngồi đạo tràng, cùng thành chánh giác” (trang 421-423).

Chẳng những đối với cha mẹ hiện đời quá vãng, mà cả cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp trong vòng lai sanh vô thủy vô chung mà chúng ta đã từng thọ ân thì hôm nay chúng ta cũng vì các đấng sanh thành ấy mà nằm vốc tha thiết đánh lễ các bậc Đại Từ Bi Phụ trên thế gian mà sám hối và phát nguyện rằng:

“Hôm nay, tất cả đại chúng cùng sám hối trong đạo tràng này, nếu ai bị cha mẹ mất sớm, côi cút từ nhỏ, thì chỉ tưởng niệm không mà thôi, không thể gặp lại được. Vì lẽ thần thông không có, thiên nhân cũng không, không làm sao biết được cha mẹ hết quả báo nhân gian này rồi đã phải thác sanh vào đường nẻo nào. Vậy chỉ còn một cách là nỗ lực làm phước mà truy báo. Làm phước không ngừng thì hiệu quả quyết chắc đạt được. Nên trong kinh có nói, làm phước cho người quá cố cũng như tiếp tế cho người đi xa: Nếu được làm người, làm trời thì tăng thêm phước báo; nếu bị sanh ba vào ác đạo hay tằm tai nạn thì tức khắc vĩnh viễn thoát khỏi những thống khổ này, sanh gặp Phật thì nghe chánh pháp là đốn ngộ liền, khiến cha mẹ nhiều kiếp

(xem tiếp trang 5)



Tranh Nguyễn Thị Hợp

MỘT THẾ GIỚI TỪ BI

Cư Sĩ Nguyên Giác

Đức Đạt Lai Lạt Ma vừa tròn 76 tuổi hôm Thứ Tư 06-7-2011, một ngày cũng là khởi đầu cho một loạt buổi thuyết giảng, truyền pháp và hướng dẫn tu học pháp môn Kalachakra cho nhiều ngàn Phật Tử tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Trong những cuộc phỏng vấn, nói chuyện trước giờ, ngài cũng luôn luôn nhắc về lòng từ bi, nghĩa là tôn chỉ của yêu thương, tử tế, giúp người.

Những câu nói của ngài thường được báo giới nhắc tới như:

"Đây là tôn giáo đơn giản của tôi.



Giữa một thế giới đầy bạo lực, trợn cuộc đời của ngài chỉ là để biến nơi này trở thành một thế giới từ bi hơn. Ngài bước đi từ cõi nước này qua lãnh thổ nọ, nói chuyện từ đại học này qua thiên viện nọ... nơi nơi không phải để chiêu dụ cái đạo, không phải để hăm dọa những ai không theo ngài sẽ rớt xuống địa ngục, mà chỉ để làm cho cõi này trở thành từ bi hơn, để người với người thực sự tôn trọng nhau và yêu thương nhau.

Lòng từ bi của ngài thể hiện ngay trong cách xử thế đối với cả các chuyển biến tại quê nhà Tây Tạng. Khi những cuộc biểu tình xảy ra hàng loạt vào tháng 3-2008 tại Lhasa cũng như tại nhiều thành phố và thiên viện Tây Tạng, khi hàng ngàn vị sư ra phố biểu tình, và khi công an Trung Quốc đưa côn đồ trà trộn vào người biểu tình để đốt nhà, để đập các cửa tiệm và để làm mất chính nghĩa bất bạo động của Phật Giáo, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã yêu cầu tất cả tự chế, hãy ngưng ngay bạo động và nhắc nhở chư Tăng phải sống với lòng từ bi.



Không cần gì tới chùa chiền; không cần gì tới triết lý phức tạp. Trí óc của chúng ta đây, quả tim của chúng ta đây, chính là ngôi chùa, ngôi đền của chúng ta; triết lý chính là lòng từ bi."

Ngài cũng không đặt vấn đề phải tấn công tôn giáo khác, hay phải hù dọa về hình phạt đời sau đối với người khác đạo. Cái nhìn của ngài lúc nào cũng từ bi: "Tất cả các truyền thống tôn giáo lớn đều cần bản mang cùng một thông điệp, đó là yêu thương, tử bi và tha thứ... điều quan trọng là, các thông điệp này phải là một phần đời sống thường nhật của chúng ta."

Ngôn ngữ tôn trọng các truyền thống tôn giáo khác thật hiếm hoi trên đời này. Chỉ có những người có tâm độ lượng như Đức Đạt Lai Lạt Ma mới gạt bỏ mọi thứ linh tinh để nhìn vào cốt tủy của các tôn giáo và rồi mới thấy cần bao dung nhau.

Trả lời một câu hỏi rằng có thể nào một người vừa là tín đồ Ki Tô Giáo (Christianity, còn dịch là Cơ Đốc Giáo, hay Thiên Chúa Giáo), vừa là Phật Tử được không, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã trả lời:

"... Tôi đã trả lời câu hỏi này một cách gián tiếp khi tôi nói rằng niềm tin vào một Đấng Sáng Tạo có thể đi kèm với sự hiểu biết về Tánh Không. Tôi tin có thể bước đi trên đường tâm linh và hòa hài Ki Tô Giáo với Phật Giáo. Nhưng khi tới một mức độ chứng ngộ nào đó, sẽ phải cần lựa chọn giữa 2 con đường này. Tôi mới đây đã có loạt thuyết giảng tại Mỹ và một trong những thuyết giảng này là về sự kham nhẫn và bao dung. Vào cuối buổi thuyết giảng, có một nghi lễ để lập Nguyên Bồ Tát. Một linh mục Ki Tô Giáo trong hội trường muốn lập nguyện này. Tôi mới hỏi vị đó rằng, vị đó có quyền tự quyết định như thế không, và rồi vị này trả lời rằng có quyền đó, dĩ nhiên, vị này có thể lập nguyện, và vẫn là một Cơ Đốc Nhân."

Đạo Phật đã vào Hoa Kỳ với lòng từ bi như thế. Và Đức Đạt Lai Lạt Ma là hiện thân của lòng từ bi chân thật.

Lòng từ bi đó của ngài là điều mà ngài thể hiện thực sự. Hãy nhìn xem

Một Tờ Kinh Thiêng

(Kính Dâng Giác Linh ĐLHT Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN)

Trăm năm
mặc chuyên có, không;
trên đầu chữ Phật
trong lòng chữ tâm;
Gương huyền
chiếu giữa tông lâm,
xóa hư vô giữa
mê lầm thế gian;
Ngục tù
luyện chí hiên ngang,
luyện bỏ để giữa
muôn ngàn khổ ưu;
luyện kim cương
giữa nắng thiêu,
sáng lên đẹp cả
mấy chiều quang xưa.
Cảm ơn
đời nắng và mưa,
con thuyền pháp nạn
Người đưa tay chèo;
Nguyên Thiệu
chim dậy hót reo,

giữa kênh ba động
lưng đeo Lương sơn.
Can chi
sóng vỗ gió dồn,
với tâm đại nguyện,
với hồn mênh mênh;
can chi,
có Phật trong lòng;
có kiên trinh giữa
đôi dòng diệt sinh;
Có lời thơ,
có lời kinh,
có trang sử Phật
lung linh bóng huyền;
có nguồn
suối pháp uyên nguyên;
có nhân duyên giữa
tịch nhiên đôi bờ;
Người về
cát đá hóa thơ,
sử xanh non nước
thêu tờ kinh thiêng...



TUỆ NGUYÊN - THÍCH THÁI HÒA

cách ngài đối xử với dân Tây Tạng: ngài đã từ bỏ vai trò lãnh đạo chính trị, để chỉ thuần túy giữ vai trò người thầy dạy đạo. Không ai có thể ép ngài phải từ bỏ vai trò chính trị. Thậm chí nhiều vị lãnh đạo cộng đồng Tây Tạng lưu vong thỉnh nguyện rằng ngài cần phải ngồi trên ngài vàng muốn năm trường trị. Nhưng không, quyền lực chính trị chỉ là phương tiện để cứu dân, cứu nước - khi thấy cần từ bỏ là từ bỏ liền, và ngài đã thiết lập ngay một nền dân chủ, cho bầu cử tự do để chọn lên một vị Thủ Tướng Tây Tạng lưu vong. Chính Đức Đạt Lai Lạt Ma đã xóa bỏ định chế 400 năm trên ngôi lãnh đạo của dân tộc Tây Tạng.

Đó là một sự hy sinh hiếm hoi: xóa sổ một định chế lãnh đạo tôn giáo đã có truyền thống nhiều trăm năm. Và Đức Đạt Lai Lạt Ma đã làm một điều tuyệt vời như thế.

Hôm Thứ Năm 07-7-2011, các vị dân cử Hoa Kỳ đã đón ngài tới tòa nhà quốc hội, đã ca ngợi Đức Đạt Lai Lạt Ma như một cảm hứng toàn cầu, trong khi thúc giục Tổng Thống Barack Obama hãy kính với Trung Quốc để gặp vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng lưu vong.

Chủ tịch Hạ Viện Hoa Kỳ John Boehner, nhân vật quyền lực cao hàng thứ 3 Hoa Kỳ, theo Hiến Pháp Mỹ, đứng bên cạnh Đức Đạt Lai Lạt Ma và nói, "Cuộc đời ngài đã làm điển hình cao thượng cho các nước như chúng ta đang hoạt động để lan trải tự do, bao dung và tôn trọng phẩm giá con người."

Đức Đạt Lai Lạt Ma kể lại về cách Trung Quốc trong năm 1954 đưa ngài tới Bắc Kinh để dự Đại Hội Đại Biểu Nhân Dân Toàn Quốc đầu tiên, và về cách sau này ngài quan sát quốc hội Ấn Độ dưới thời Thủ Tướng Jawaharlal Nehru.

Đức Đạt Lai Lạt Ma cười, kể lại, "Tại Bắc Kinh, Quốc Hội họp lặng lẽ. Trong khi ở Ấn Độ, quốc hội họp ồn ào, và các dân biểu cứ ưa thích chỉ trích nhau. Tôi có rất nhiều ấn tượng tốt đẹp về hệ thống dân chủ này, nghĩa là tự do phát biểu, tự do nói, ai cũng bình đẳng cả."

Phải chỉ ai cũng học được điều này: Tự do và dân chủ là sản phẩm của từ bi

và bao dung. Bởi vì có từ bi mới biết thực sự tôn trọng người khác, mới mong muốn làm người khác hạnh phúc.

Từ bi là chìa khóa vậy. Một lần, Đức Đạt Lai Lạt Ma kể về một vị sư già, sau khi bị nhà nước CSTQ giam tù 20 năm, đã vượt biên trốn sang Ấn Độ. Đức Đạt Lai Lạt Ma hỏi vị sư già này, rằng trong 20 năm tù kia, nhà sư lo sợ điều gì nhất. Vị sư già trả lời, rằng trong 20 năm trong tù lúc nào cũng chỉ lo sợ có một điều: chỉ sợ rằng mình mất đi Bồ Đề Tâm, chỉ sợ có khi nào khởi lên lòng oán giận các cai tù, chỉ sợ có khi nào lòng mình khởi lên căm thù... Chỉ sợ lòng mình không giữ được từ bi, nhân nhục...

Trong một buổi họp báo tại Vancouver, Canada vào tháng 9-2006, ngài nói, "Đã tới lúc phải giáo dục mọi người, hãy ngưng mọi tranh cãi nhân danh tôn giáo, văn hóa, quốc gia, hệ thống kinh tế hay chính trị dị biệt. Chiến tranh kinh nhau chỉ vô ích. Chỉ là tự sát thôi."

Địa cầu này quả nhiên đã trở nên quá hẹp, mà không bao dung nhau là tất sẽ đẩy nhân loại dần tới chỗ hủy diệt.

Tâm lòng bao dung của ngài còn thể hiện qua câu nói trong bài phỏng vấn của báo The Daily Telegraph năm 2006, "Tôi không muốn chiêu dụ người khác cải đạo sang Phật Giáo -- tất cả các tôn giáo lớn, khi được hiểu đúng đắn, có cùng một khả thể cho sự tốt đẹp."

Nhưng, tuy từ bi và bao dung như thế, Đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn nói rõ các dị biệt tôn giáo. Ngài nói trong bài Diễn Văn Buổi Tối Lễ Nhận Giải Nobel, nơi trang 115:

"Đạo Phật không chấp nhận lý thuyết về Thượng Đế, hay một đấng sáng tạo. Đạo Phật giải thích rằng, trong tận cùng, hành động của chúng ta mới là đấng sáng tạo... Từ một điểm nhìn, Đạo Phật là một tôn giáo, từ điểm nhìn khác thì Đạo Phật là khoa học về tâm thức và không phải là tôn giáo. Đúng ra, Đạo Phật có thể là một chiếc cầu giữa 2 điểm nhìn này."

Từ bi và bao dung, nhưng vẫn trí tuệ tuyệt vời. Đó là hiện thân của Đức Đạt Lai Lạt Ma vậy.



CHA MẸ: THẦY DẪN ĐẠO CỦA CON

Vĩnh Hảo

(Kính tặng Ba Mẹ nhân mùa Vu Lan năm 2011)

Mỗi khuya thức dậy, nghe mõ nhịp nhàng, nghe chuông nhẹ điểm, hòa trong tiếng tụng kinh nho nhỏ mà tha thiết chân thành của mẹ; gần đó, hồng chung chùa sư nữ Vạn Thạnh ngân vang, xa xa vắng tiếng chuông Hải Đức dội về. Tất cả những thanh âm thiên vị, sâu lắng và đẹp đẽ nhất đã nuôi dưỡng tâm hồn nhạy cảm của tôi từ lúc bé thơ.

Tôi lớn lên từ chiếc nôi đó. Chiếc nôi đặt giữa thành phố Nha Trang bé nhỏ, hiền hòa. Trờ mình, chớp mắt, có thể nhìn thấy dáng mẹ trang nghiêm trong chiếc áo tràng lam, một mình trì tụng kinh Pháp Hoa cùng lúc với thời công phu khuya của các chùa lớn nhỏ chung quanh. Những hình ảnh và âm thanh ấy có lẽ được ghi lại rõ rệt vào tuổi lên năm, lên bảy; và đi ngược thời gian xa hơn nữa, tôi đoán chừng có cậu bé chưa thôi nôi, nằm im, mở mắt thao láo, đồng tai lắng nghe tiếng chuông mõ và giọng tụng kinh trầm ấm của mẹ hiền mỗi khuya.

Thế rồi lớn khôn lên một chút, tôi đã biết đi chùa sư nữ để tụng kinh Pháp Hoa vào mỗi tối. Tụng đọc lại những lời kinh mà mẹ tụng hàng ngày trước đó. Mỗi tối, mỗi tối, và mỗi tối tụng đọc, lời kinh lan thấm trong máu huyết tôi, để rồi một ngày nọ, tôi xin đi tu. Chuyện đi tu không đơn giản. Nhà đông người, người ý này, người ý nọ. Nhưng ba mẹ cũng đã chiều theo ý tôi. Nha Trang nhiều chùa, nhiều thầy, mẹ phân tích và so sánh cho con từng nơi, cho phép con chọn lựa. Con đã chọn vị thầy khó nhất, và ngôi chùa ở trên đồi cao nhất: chùa Hải Đức! Tập luyện và học kinh từ chùa sư nữ gần nhà, rồi xuất gia nơi ngôi chùa có tiếng chuông linh thiêng điểm vào tâm con mỗi sớm. Con trở thành chú tiểu từ đó.

Lần đầu về thăm nhà, bố ngỡ như một người khách. Đi tu khó không, khổ nhọc không? Ánh mắt ba nhìn tôi như trào ra những câu hỏi ấy. Không, ba ơi, con vui lắm, con không thấy khổ. Ở chùa, thức dậy lúc ba giờ rưỡi sáng ngồi nghe chuông, niệm Phật, đọc các kệ chú, rồi bốn giờ tụng thời công phu khuya, giống như thuở bé con thức giấc nghe mẹ tụng đọc kinh Pháp Hoa, không khó đâu. Ba không bật ra câu hỏi, tôi cũng không buông ra câu trả lời. Cha con nhìn nhau, thương yêu, đầm ấm.

Một lần khác thăm nhà, chỉ có ba mẹ ngồi bên con, chú tiểu ngơ ngác. Ba ôm vai con, nói:

"Chị con du học bên Mỹ đã lấy bằng tiến sĩ văn chương, dạy đại học bên đó, ba mẹ rất vui, rất hạnh diện. Nhưng ba có thể nói rằng có một đứa con xuất gia, ba mẹ cảm thấy phước báo vô cùng, không niềm vui nào to lớn hơn."

Mẹ gật gù tán đồng, đôi mắt tràn thương yêu nhìn chú tiểu:

"Đúng vậy, đúng vậy đó con."

Ba mẹ đâu nói chi nhiều. Chỉ ngần

ăy thôi. Tiễn con về với chùa, theo thầy bạn. Một năm, hai năm, ba năm... Con mỗi lúc một xa, không thường về thăm nhà. Sinh nhật chú tiểu, mẹ lên chùa thăm con, âm thầm tặng một bài thơ, gói theo hộp bánh dẻo.

Chiều thu thăm con ở chùa

"Đôi mùa thu trải lá
Non tây hút mặt trời
Sương lạnh thấu nắng ngả
Chuông chùa ngân chơi với..."

Dưới thấp bước lên cao
Mẹ để thành phố lại
Bỏ sắc đời hư hao
Quên chuyện đời khôn dại..."

Bằng hai bàn tay không
Mẹ ôm đẩy tâm niệm
Khuyên con luyện chí đồng
Mẹ quỳ dâng mật nguyện..."

Trở về cao xuống thấp
Sương sớm lá thu vàng
Trên đồi như nai nhỏ
Áo nhật-bình màu lam..." (*)

Mật nguyện của mẹ là gì, chưa bao giờ mẹ nói ra. Con cũng chưa bao giờ hỏi. Mẹ con lặng lẽ giao cảm tâm với tâm.

Mười năm, mười lăm năm, con trôi giạt những phương trời. Ba mẹ âm thầm dõi theo bóng con, học ở đâu, tu ở đâu, hành đạo ở đâu... Thoảng khi tương ngộ, chỉ im lặng nhìn con, chú tiểu năm xưa đã trưởng thành. Bao năm học đạo, phước duyên thọ giáo các bậc đạo hạnh chân tu, biết tâm chí hạnh nguyện bây giờ đặt ở cảnh giới nào!

Mười bảy năm, về thăm ba, thấp hương khóc tràn. Nhớ nụ cười ba hiền lành, bao dung... Con đứng nơi bàn thờ, tụng cho ba bài Tâm Kinh Bát Nhã như ba vẫn thường tụng mỗi ngày. Ba không thuộc nhiều kinh, ba chỉ biết tụng duy nhất bài kinh ngắn Bát Nhã. Giọng ba tụng lí nhí, nhỏ nhỏ, không chuông không mõ. Giờ con cũng tụng cho ba, không mõ không chuông và không cả lời.

Hai mươi năm, giữ áo ca-sa, thôi không làm tiểu nữa. Mẹ vui con có bạn đời tốt, nhưng mẹ cứ khóc. Mẹ ơi, mẹ đừng khóc nữa. Dù thế nào, con vẫn còn là chú tiểu năm xưa đây mà! Con biết và con tin như vậy.

Mẹ thấy không? Hai mươi hai năm sau kể từ ngày xa mẹ, khi chân con hãy còn chập chững trong dòng đời, bỗng một phút quay nhìn, thấy mình chưa hề rời xa chốn ấy. Vẫn là cảnh giới cao đẹp, trong sáng, tĩnh lặng của năm nào. Từ đó, con đã viết tặng các chú tiểu, mà cũng là tặng ba mẹ: *Thiên Thần Quét Lá*. Tác phẩm ấy không nói gì cao siêu, chỉ nói cái chí nguyện ban đầu của người học đạo. Chí nguyện ấy, một khi đã phát khởi,

làm sao có thể mất đi được? Dù không còn để chòm, không còn mặc áo nâu, nhưng việc quét lá, là trách nhiệm của con kia mà! Con biết chí nguyện của con không kiên cường như mẹ mong đợi. Nhưng con đường, vắng, thưa mẹ, con đường ấy, con đã thấy.

Bốn mươi năm, nhìn lại. Tóc đã ngã hai màu trên đầu, mà lòng vẫn như con trẻ, thiết tha nhớ giọng đọc Bát Nhã của ba; nhớ lời kinh Pháp Hoa mẹ tụng; nhớ tiếng chuông chùa nuôi dưỡng tâm con từ ấu thời. Chính những âm thanh, ngôn từ, cảm xúc, ý chí, tâm tư ấy, đẩy con xa khỏi vòng tay yêu thương của ba mẹ đến

mấy mươi năm. Và trên bước viễn hành, con đường càng lúc càng mở rộng theo sự điều dắt bởi các bậc thầy của con. Nhưng con không bao giờ quên rằng, ba mẹ chính là những vị thầy dẫn đạo ban đầu, đưa con vào lộ trình thăng trầm của một thiên thần quét lá.

California, 19.7.2011.

(*) Thơ của nữ sĩ Tâm Tấn, thân mẫu của tác giả.



"Hủy hình thủ chí tiết
Cát ái từ sở thân
Xuất gia hành Phật đạo
Thệ độ nhất thiết nhân"

Lotus

On the day when the lotus bloomed,
alas, my mind was straying,
and I knew it not. My basket was empty
and the flower remained unheeded.

Only now and again a sadness fell upon
me, and I started up from my
dream and felt a sweet trace of a
strange fragrance in the south wind.

That vague sweetness made my heart
ache with longing and it seemed to
me that it was the eager breath of the
summer seeking for its completion.

I knew not then that it was so near, that
it was mine, and that this
perfect sweetness had blossomed in the
depth of my own heart.

RABINDRANATH TAGORE

(1861 – 1941)



Hoa Sen

Vào ngày sen nở, chao ôi, tâm hồn tôi
bồng bồng hồi lang thang,
Tôi đâu có biết rõ ràng. Lặng hoa
trống rỗng, hoa vương chốn nào.

Giờ đây lại thấy buồn sao, giạt mình
tĩnh mịch, xiết bao ngỡ ngàng
Thấy mùi hương lạ dịu dàng, ướp
trong làn gió phương Nam thổi về.

Hương thơm thoang thoảng để mê
làm lòng tôi chợt tái tê mơ màng
Tưởng chừng mùa hạ mặn nồng, thờ
hơ tha thiết cầu mong vẹn phần.

Tôi nào ngờ thấy quá gần, hương
ngào ngào tỏa ngát thăm trong tôi,
Hương hoa toàn hảo tuyệt với nở ra
trong đáy lòng tôi thơm lừng.

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(chuyển ngữ)

QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG III LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC XEM DUY THỨC HỌC

F.- DUY THỨC HỌC VÀ THIÊN ĐÀI TÔNG:

Thiên Đài là tên của một ngọn núi. Nguyên do, Đại sư Trí Giả đời nhà Tùy an trú nơi núi Thiên Đài hồng dương Giáo Nghĩa của Thiền sư Huệ Tư và đồng thời kiến lập một học phái Giáo Quán gọi là Thiên Đài Tông. Tông Thiên Đài thuyết minh bản tánh đầy đủ ba ngàn lý, nên cũng gọi là Tánh Cụ Tông. Đầu tiên Tông Thiên Đài do hai ngài, một là ngài Tuệ Văn đời Bắc Tề, hai là ngài Huệ Tư Nam Nhạc đời nhà Tùy, hai vị cùng nhau khai sáng. Đại sư Trí Giả đệ tử của Thiền sư Huệ Tư -- là người tổng hợp những giáo nghĩa của hai ngài nói trên, cùng lúc căn cứ nơi Kinh Pháp Hoa, Kinh Niết Bàn và Luận Đại Trí Độ thiết lập thành tông phái. Đại sư Tổng Y Nhơn nói: "Giáo nghĩa chính yếu của Tông Thiên Đài thường sử dụng như là, căn cứ nơi Kinh Pháp Hoa làm cốt tủy của tông phái, chọn Luận Trí Độ làm kim chỉ nam, y nơi Đại Kinh (Kinh Đại Niết Bàn) để hộ trì hệ phái, nương theo Đại Phẩm (Kinh Đại Phẩm Bát Nhã) làm phương pháp quán chiếu, tất cả không ngoài mục đích dẫn dắt mọi giới tăng trưởng tín tâm, dẫn các Kinh để trợ lực, thường lấy các tâm làm kinh, lấy các pháp làm tờ dệt, tổ chức thành bộ phái siêu quần, vượt ra ngoài các tông phái khác". Bao nhiêu câu giải thích trên cũng đủ nói lên tổng quát về cương yếu của Tông Thiên Đài. Cương yếu của Tông Thiên Đài thì không đồng quan điểm với các tông phái khác. Địa vị của Tông Thiên Đài sở dĩ được tồn tại là nhờ nương nơi lý tánh của các kinh luận nói trên. Ngoài trừ Kinh Pháp Hoa đích thực là yếu tố cốt cán duy nhất của Tông Thiên Đài phát huy.

1.- Địa Vị Duy Thức Trong Phán Giáo:

Tông Thiên Đài sử dụng 5 Thời và 8 Giáo để phê phán toàn bộ Phật Pháp. Xin trình bày sơ lược qua một vài quan hệ với Duy Thức của Tông Thiên Đài. Vấn đề Hóa Pháp Tứ Giáo là một trong những giáo nghĩa của Tông Thiên Đài được đề cập trước hết. Hóa Pháp Tứ Giáo gồm có bốn lãnh vực như là Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo và Viên Giáo.

a>- Tạng Giáo:

Tạng Giáo cũng gọi là Tam Tạng Giáo. Hạnh Quả của Tạng Giáo sở dĩ được kiến lập là căn cứ nơi Phẩm Hiền Thánh của Câu Xá (1) để phân vị. Lý do, Tạng Giáo phần lớn đều giảng pháp thuộc Tiểu Thừa, như Kinh A Hàm nói về pháp quả của Thinh Văn và Duyên Giác. Thêm nữa,

Phẩm Hiền Thánh của Luận Câu Xá thường trình bày thứ bậc thuộc Hạnh Quả của sự đoạn hoặc chứng chơn. Năm ngôi vị của Pháp Tướng Duy Thức, nếu như so sánh với Phẩm Hiền Thánh của Luận Câu Xá, tuy Hạnh Quả không giống nhau, nhưng cũng không khác nhau về danh vị. Và lại trong Kiến Đạo, Cảnh Tướng Duyên An Lập Đế Thập Lục Tâm, v.v... cũng đều căn cứ nơi Phẩm Hiền Thánh của Luận Câu Xá để thiết lập, thường gọi là Pháp Môn Tứ Hưởng Tứ Quả, v.v...

b>- Thông Giáo:

"Thông nghĩa là giống nhau. Ba Thừa bảm tánh thì giống nhau. Giáo nghĩa đây thuyết minh nhân duyên tức là không, nguyên lý của bốn chân đế là vô sanh, là pháp môn sơ cấp của Ma Ha Diễn (Đại Thừa). Thật sự, bậc Bồ Tát đều thông suốt cả Nhị Thừa" (2). Từ nơi nguyên lý trên, Thông Giáo là giáo lý dung thông chung cho cả ba Thừa, như A Hàm, Bát Nhã và Bồ Tát Hạnh đều thuộc về Thông Giáo cả.

c>- Biệt Giáo:

Biệt Giáo là giáo lý không quan hệ với Nhị Thừa. Như nói: "Biệt tức là không chung cùng, nghĩa là người nói pháp không quan hệ chút nào đến ba Thừa". "Giáo lý Biệt Giáo là giáo lý thuyết minh giá danh của nhân duyên và nguyên lý vô lượng của bốn chân đế." Biệt Giáo ở đây là chỉ trình bày địa vị thứ bậc tu hành của Bồ Tát Thừa trở lên, gồm nói rõ 52 ngôi vị tu tập của Bồ Tát Hạnh. 52 ngôi vị như là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hưởng, Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác. Hạnh Thinh Văn đối với giáo lý Biệt Giáo của Bồ Tát Thừa thì hoàn toàn không biết đến, giống như người đi và điếc. Những địa vị thứ bậc tu hành của Bồ Tát Thừa trên đây, bên Duy Thức lại căn cứ nơi Kinh Hoa Nghiêm làm chỗ nương tựa để thành lập.

d>- Viên Giáo:

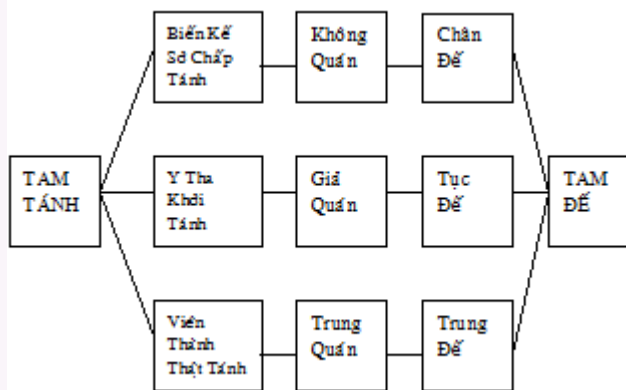
Chữ Viên nghĩa là không biến đổi. Đây là giáo lý tối cao của Tông Thiên Đài. "Viên Giáo chính là thuyết minh rõ ràng và đầy đủ sự lý không biến đổi, không sai khác về vấn đề không thể nghĩ bàn của Nhân Duyên và Trung Đạo của Nhị Đế. Giáo lý của Viên Giáo chỉ trừ những bậc lợi căn tối thượng mới có thể thông đạt đến" (3). Như Kinh nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh, chúng sanh và chư Phật thật sự không phải là hai, nhiệm và tịnh đều viên dung với nhau một cách tự tại." Từ đó cho thấy, thể tánh của các pháp thì đầy đủ đạo lý viên dung. Còn giáo nghĩa của Duy Thức lại căn cứ nơi thâm mật của ba Thời Giáo nói trên để phê phán, cho nên cũng tương đương với Thông Giáo của Tông này, nghĩa là giáo nghĩa của Duy Thức sử dụng Thông Giáo để trình bày ba Thừa. Kinh Giải Thâm Mật nói rằng: Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh phát huy

chỉ thú của tất cả Thừa. Thiên Tông thì cũng thuộc về loại Biệt Giáo. Kinh Hoa Nghiêm lại dùng Biệt Giáo để trình bày Viên Giáo. Riêng Kinh Pháp Hoa thì hoàn toàn thuộc về Viên Giáo.

2.- Tam Quán, Tam Đế và Tam Tánh, Nhị Đế Của Duy Thức:

Học lý đặc biệt của Tông Thiên Đài là Nhứt Tâm Tam Quán. Nhứt Tâm Tam Quán nghĩa là tùy theo một niệm động nào, hoặc tùy theo Tâm duyên một pháp nào, Tâm ngay lúc đó không lìa đương niệm. Mỗi lần nhứt Tâm thì phải đầy đủ Tam Quán (ba pháp quán) ở trong. Tam Quán gồm có: Không Quán, Giả Quán và Trung Đạo Quán. Mỗi một pháp đều có thể vận dụng ba pháp quán nói trên để quán sát. Chỉ cốt yếu ở chỗ, Tâm khi khởi lên một niệm thì phải thể hiện cùng lúc gồm đủ cả ba pháp quán này. Trung Luận nói: "Nhân duyên là nơi để sanh ra các pháp, ta nói các pháp tức là nói không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi là nghĩa trung đạo." (4) Nhứt Tâm Tam Quán chính là tư tưởng thâm áo của Tông Thiên Đài. Ngày nay, Tam Quán theo phổ thông thường gọi là ba thứ nhận thức. Mỗi một pháp đều có ba nhận thức về phương diện Không, Giả và Trung Đạo. Nếu như dựa theo ba pháp quán nói trên, ba Đế cũng được giải thích như sau: mỗi một pháp đều có đủ ba Đế. Ba Đế gồm có: "Tục Đế, Chân Đế và Trung Đế." Quán các pháp đều không (Không Quán) là chỉ cho Chân Đế. Quán các pháp đều giả hợp (Giả Quán) là chỉ cho Tục Đế. Còn quán Không và Giả không hai (Không Giả bất nhị quán), nghĩa là quán thật tướng của các pháp thuộc loại Chân (Không) và quán thật tướng của các pháp thuộc loại Tục (Giả), cả hai đều viên dung với nhau một cách không ngăn ngại, nên gọi là Trung Đế. Những pháp quán này cần nên quán với lập trường khách quan thì mới thể hiện được diệu nghĩa của Trung Đạo.

Tam Quán và Tam Đế vừa trình bày, nếu như phối hợp với Duy Thức thì có thể dung thông không ngăn ngại nhau. Sự dung thông này được so sánh qua hình thức bản đồ tiêu biểu sau đây:



Theo phương diện Chân Đế, những pháp thuộc về Biến Kế Sở Chấp Tánh thì hoàn toàn không có thật thể, nên quán sát chúng nó đều thuộc về loại Không. Theo phương diện Tục Đế, những pháp thuộc về Y Tha Khởi Tánh do bởi nhân duyên sanh, nên quán sát chúng nó đều thuộc về loại Giả Có. Nếu đứng trên lập trường Chân và Giả không hai, thật tướng của các pháp thuộc về Viên Thành Thật Tánh, nên quán sát chúng nó đều là Trung Đạo. Người nào thông suốt được lý lẽ này thì có thể đạt đến chỗ dung thông một cách không ngăn ngại vậy.

3.- Một Niệm Ba Ngàn và Muôn Pháp Duy Thức:

Một niệm (nhứt tâm) nghĩa là chỉ có

một thứ tâm niệm, hoặc chúng ta chỉ phát khởi một thứ Ý Thức. Tông Thiên Đài giải thích chỉ trong một tâm niệm thì có đầy đủ cả ba ngàn chư pháp và ba ngàn chư pháp không lìa khỏi một tâm niệm này. Ba ngàn nghĩa là trong mười (10) Pháp Giới (4 bậc Thánh và 6 bậc Phàm), mỗi một pháp giới đều có chín (9) cõi ở trong. Nếu như tính luôn Thế Giới Chân Như là một cõi trong 9 cõi, tất cả hợp lại thành 100 Pháp Giới (10 x 10 = 100 Pháp Giới). Hơn nữa, mỗi một Pháp Giới đều thể hiện mười Như Thị (10 Như Thị). Như Thị nghĩa là Như Thị Tướng (hình tướng như thế), Như Thị Tánh (tánh chất như thế), Như Thị Thể (bản thể như thế), Như Thị Lực (năng lực như thế), Như Thị Tác (sự tác dụng như thế), Như Thị Nhân (nguyên nhân như thế), Như Thị Duyên (quan hệ như thế), Như Thị Quả (kết quả như thế), Như Thị Báo (báo ứng như thế), Như Thị Bổn Mạt Cứu Cánh (gốc và ngọn đến cứu cánh đều cũng như thế), v.v... Mỗi một Pháp Giới đều có 10 Như Thị và tính chung 100 Pháp Giới thì có 1.000 Như Thị. Thêm nữa, mỗi một Như Thị thì bao gồm ba phần: Chánh Báo (chúng sanh), Y Báo (quốc độ) và năm Ấm. Từ đó, một ngàn (1000) Như Thị thì bao hàm ba ngàn Pháp (3000 Pháp) ở trong, thường gọi là Ba Ngàn Chư Pháp. Ba Ngàn Chư Pháp và một trăm Pháp Giới đều có đủ trong một niệm. Những thứ đạo lý này cùng với đạo lý Vạn Pháp Duy Thức thì đồng xướng lên một điệu như nhau. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Người nào muốn biết rõ tất cả chư Phật trong ba đời, nên quán thể thánh của pháp giới thì ngộ được hết thảy đều do tâm tạo." Nói chung, Duy Tâm của Duy Thức và Nhứt Tâm của Tông Thiên Đài, cả hai đều giống nhau không khác.

4.- Tánh Cụ và A Lại Da Duyên Khởi:

Pháp Môn Tánh Cụ của Tông Thiên Đài giảng là "Một Niệm Ba Ngàn, Một Tâm Ba Quán, Một Pháp Ba Đế, tất cả không lìa khỏi Tánh." Tánh ở đây là chỉ cho Thể Tánh. Thể Tánh của tất cả pháp vốn sẵn có nên gọi là Tánh Cụ. Pháp Môn Tánh Cụ so sánh với thuyết Chủng Tử của tất cả pháp vốn sẵn có của Duy Thức chủ trương thì nghĩa tương tự với nhau.

Như thuyết Như Lai Tạng Duyên Khởi của Tánh Cụ giải thích thì cũng giống với thuyết A Lại Da Duyên Khởi của Duy Thức thành lập. Chủng Tử của tất cả pháp đều chứa trong Thức A Lại Da thì cũng giống

như Lý của tất cả pháp là Tánh Cụ, nếu như phân tích thì cả hai đều dung thông với nhau. Như Lai Tạng của Chân Như thường nương nơi mê và ngộ. Như Lai Tạng nếu nương nơi mê thì bị sanh tử và nếu như nương nơi ngộ thì chúng quả Niết Bàn. Đặc điểm huân tập của Thức A Lại Da thì cũng có hai loại, một loại lưu chuyển và một loại hoàn diệt, nghĩa là từ vô thì đến nay, tất cả chúng tử của các pháp huân tập trong Thức A Lại Da cũng có hai loại, một loại thuộc về nhiễm và một loại thuộc về tịnh. Thức A Lại Da nếu như huân tập những chủng tử thuộc loại nhiễm thì bị lưu chuyển trong phiền não sanh tử, còn nếu như huân tập



những chủng tử thuộc loại tịnh thì được hoàn diệt để thành Bồ Đề Niết Bàn. Tông Thiên Đài dùng thuyết Tánh Cụ thì cũng giống như Duy Thức dùng thuyết Chủng Tử. Thuyết Chân Như của Tông Thiên Đài tức là thuyết Thật Tánh của Duy Thức, cả hai hoàn toàn không khác nhau.

5.- Lục Tức và Duy Thức Vị:

Tông Thiên Đài ngoài vấn đề giảng giải hệ thống Hạnh Vị của Tứ Giáo lại còn trình bày riêng về thuyết Lục Tức. Lục Tức nghĩa là sáu ngôi vị tu chứng của Bồ Tát, từ phạm phu đến quả Phật. Lục Tức của Tông Thiên Đài so sánh với năm ngôi vị Hạnh Quả của Duy Thức thì giống nhau. Sự so sánh này được trình bày như sau:

*> Thứ nhất, ngôi vị "Lý Tức" và ngôi vị "Danh Tự Tức" thì cũng giống như "Tứ Tánh Niết Bàn" của Duy Thức và cũng chính là "Chủng Tánh Sẵn Có" của phạm phu.

*> Thứ hai, ngôi vị "Quán Hạnh Tức" thì cũng giống như "Tứ Lương Vị" của Duy Thức.

*> Thứ ba, ngôi vị "Tương Tợ Tức" thì cũng giống như "Gia Hạnh Vị" của Duy Thức.

*> Thứ tư, ngôi vị "Phần Chứng Tức" thì cũng giống như "Thông Đạt Vị" và "Tu Tập Vị" của Duy Thức. Phần "Chứng Tức" nghĩa là phần chứng của Thập Địa.

*> Thứ năm, ngôi vị "Cứu Cánh Tức" thì cũng giống như "Cứu Cánh Vị" của Duy Thức. "Cứu Cánh Vị" là ngôi vị tu chứng của Bồ Tát đã đạt đến hai quả Chuyển Y và tất cả đều được viên mãn.

(còn tiếp)

Chú thích:

1. Được thấy trong "Phật Giáo Các Tông Phái Nguyên Lưu".
2. Được thấy trong "Thiên Đài Tứ Giáo Nghi và Hoa Nghiêm Giáo Nghĩa Chương", quyển 2.
3. Được thấy trong "Thiên Đài Tứ Giáo Nghi và Hoa Nghiêm Sơ Sao", quyển 3, trang 77.
4. Được thấy trong "Trung Luận Tụng".

DÂNG HOA "LƯƠNG HOÀNG BẢO SÁM" TRONG MÙA VU LAN

Thích Nữ Giới Hương

(tiếp theo trang 1)

và bà con nhiều đời giải trừ lo sợ và đồng đều giải thoát, nên đó là **cách trả ơn tối thượng chí từ chí hiếu của những người có trí**. Đại chúng hãy hoài niệm một cách chân thành thông thiết, gieo xuống đất tất cả năm bộ phận của cơ thể, phụng vi cha mẹ quá khứ và bà con xa xưa mà quy y và dâng lễ các đấng Đại Từ Bi Phụ của các thế gian: "Nam Mô Di Lặc Phật... Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát".

"Đệ tử chúng con chí thành quy y và dâng lễ hết thầy Tam bảo khắp cả mười phương, cùng tận hư không giới, nguyện xin Tam bảo đem năng lực từ bi mà nhiếp thọ và cứu vớt, làm cho cha mẹ quá khứ và bà con nhiều đời của chúng con, từ nay sắp đi cho đến ngày giác ngộ, diệt hết tội lỗi, thoát hết tội báo và sạch hết phiền não, triệt hạ ba thứ chướng ngại và loại trừ năm thứ sợ hãi, làm hạnh bồ tát để cảm hóa tất cả, dùng tám giải thoát mà tẩy sạch tâm trí và đem bốn đại nguyện mà tiếp độ muôn loài, trực tiếp nhìn thấy dung nhan từ bi của Phật và trực tiếp lãnh nhận, chánh pháp vi diệu của ngài, không đứng dậy khỏi chỗ ngồi mà sạch hết tất cả phiền não, tùy ý du hành hết thầy quốc độ, hạnh nguyện sớm viên mãn để sớm bước lên tuệ giác vô thượng" (trang 423-427).

Cuối lời, nguyện xin Tam bảo chứng minh cầu cho cha mẹ, bà con quyến thuộc nhiều đời nhiều kiếp của chúng ta chuyển hóa mỗi dây ái luyến ràng buộc chằng chịt của mười hai loài trong sáu nẻo luân hồi, thành mối quan hệ thân thiện mỹ "Bồ tát làm bạn lữ", đời đời làm thiện hữu tri thức nhắc nhở nhau đến ngày cùng thành chánh giác, lợi lạc hữu tình.

"Nguyện từ đây sắp đi cho đến ngày giác ngộ, từ biệt tam đồ, đoạn tuyệt tứ sanh, hòa đồng với nhau như nước với sữa, vô ngại với nhau in như không gian, vĩnh viễn làm thân thuộc chánh pháp cho

nhau, làm bà con từ bi với nhau, cùng nhau tu tập vô lượng giác tuệ, thành tựu đầy đủ kho tàng công đức, dùng mãnh tinh tiến không ngừng không nghỉ, làm bồ tát hạnh không chán không mệt, đồng đẳng tâm chư Phật, đồng đẳng nguyện chư Phật, được ba thứ bí mật của Phật Đà, chúng pháp thân đầy đủ năm phần, thực hiện tuệ giác vô thượng thành bậc Chánh Biến Tri" (trang 275).

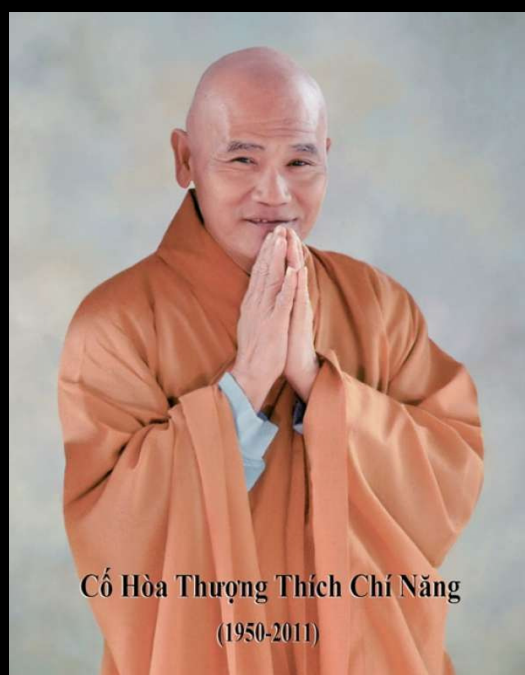
"Nguyện xin Tam bảo đem nước đại bi mà rửa sạch tội lỗi như bồn cho hết thầy chúng sanh hiện chịu khổ trong A-tì địa ngục và tất cả các địa ngục khác, làm cho họ thân tâm thanh tịnh; rửa sạch tội lỗi như bồn cho chúng con cùng sám hối trong đạo tràng hôm nay, cùng cha mẹ, sư trưởng và thân quyến của chúng con, làm cho thân tâm thanh tịnh tất cả" (trang 242).

Tóm lại, niệm thâm ân cha mẹ, thay thế cha mẹ mà trì tụng Lương Hoàng Bảo Sám, thay cha mẹ mà sám hối, quy y, dâng lễ, và phát nguyện hướng về Bồ đề tâm, để cha mẹ vĩnh viễn thoát khổ trong sáu cõi mà sanh về cõi thiện. Đó là hiệu quả của sức cảm ứng khó nghĩ bàn vận hành từ tâm lực hiểu hạnh của chúng ta "Nhất thiết duy tâm tạo".

Đó là những đóa hoa mang đậm nét hiểu thảo mà Lương Hoàng Bảo Sám đã hiển tặng cho chúng ta. Đó là cách trả ơn tối thượng chí từ, chí hiếu của những người con hiểu thảo trong những mùa Vu Lan sắp về.

Nhân gian sẽ đẹp biết bao từ những hạt giống tươi tắn hiểu thảo này. Xin hãy cùng nhau gieo trồng!

Mùa Thu tại Chùa Hương Sen,
ngày 15 tháng 07 năm 2011
Thích Nữ Giới Hương



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 - U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1000

Phật Lịch 2555

CÁO BẠCH

Nam Mô Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Trưởng Lão, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
Kính thưa chư thiện nam, tín nữ Phật tử,

Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ thành tâm kính cáo bạch đến chư tôn đức Tăng, Ni và đồng hương Phật tử mười phương

Cố Hòa Thượng Thích Chí Năng, thế danh Lê Bán Hỷ thượng Nguyên hạ Bàng, tự Chí Năng, Hiệu Giác Hoàng, thuộc Thích Phái Lâm Tế Liễu Quán, đời thứ 44, sinh tháng 3 năm 1950 tại Bình Định, Việt Nam, Phó Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch GHPGVNTNHK, Giáo Thọ Sư Chùa Quang Thiện, Trụ Trì Chùa Đại Bi Quan Âm, San Bernardino, California, Hoa Kỳ, đã viên tịch vào lúc 5 giờ rưỡi sáng ngày 7 tháng 7 năm 2011 (nhằm ngày mùng 7 tháng 6 năm Tân Mão), tại Chùa Đại Bi Quan Âm, San Bernardino, California, Hoa Kỳ, trụ thế 62 năm, Đạo lập 45.

Lễ Rửa Nhục Thuận về Chùa Đại Bi Quan Âm, vào lúc 10 giờ sáng, Thứ Sáu, ngày 15 tháng 7 năm 2011.

Lễ Truy Niệm, Cung Tụng Kim Quan và Trà Tỳ vào lúc 10 giờ sáng Thứ Hai, ngày 18 tháng 7 năm 2011.

Chùa Đại Bi Quan Âm tọa lạc tại 2138 West Lincoln Avenue, San Bernardino, California 92411, Hoa Kỳ. Điện thoại: (909) 880-2729.

Ngưỡng mong chư tôn Thiền Đức mười phương nhất tâm hộ niệm cho Giác Linh Cố Hòa Thượng Tán Viên Tịch cao đăng Phật Quốc.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,

Thành kính cáo bạch,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK,
Quyển Chủ Tịch,



Sỹ môn Thích Tín Nghĩa

Tang Lễ Truy Niệm Cố HT Thích Chí Năng July 18, 2011 - HoPhap.Net



LỜI SÁM HỐI CỦA CHA

Võ Hồng

L.T.S.: Bài tùy bút này được nhà văn Võ Hồng viết đã từ lâu, chúng tôi trích lại từ trang nhà vohong.de (nay không còn hoạt động). Bài đã cũ, nhưng mỗi lần đọc lại là mỗi lần người đọc rơi lệ. Thương ông, thương những đứa con của ông; quý ông, quý văn tài và đức hạnh của ông. Đọc lại truyện này không phải chỉ trong mùa Vu Lan, mà có thể là mỗi tuần, hay mỗi tháng; đọc để nhớ, để thương cha của mình, đọc để nhắc mình làm người cha thật xứng đáng cho những đứa con thơ dại. (Vĩnh Hảo)

Đã đến lúc cha viết những lời sám hối chân thành gửi con. Chắc con rất ngạc nhiên. Con đang tốt xa vì thương cha cô đơn, ân hận vì không được ở gần cha để săn sóc tuổi già, cũng có thể tưởng tượng cha đang nhẹ nhàng trách con... Vậy mà làm sao có sự ngược đời. Con hãy bình tĩnh nghe cha nói.

Là con gái lớn của một gia đình mất mẹ, con đã chịu bao nỗi thiết tha. Mẹ chết khi con mới lên chín và gia đình chỉ gồm một người cha và ba đứa con dại. Đầu có còn ai để trông cậy nhờ vả? Thường thì một người nghèo khó nhất cũng có ông hay bà, chú bác hay cô dì cậu mợ, không họ gần thì họ xa, ở kề cận láng giềng. Đấng này gia đình ta vừa định cư ở thành phố mới được một năm, chỗ láng giềng qua lại không hơn hai hay ba nhà lân cận.

Cha đi dạy học ở trường tư, lương tính trả theo giờ, nghỉ dạy giờ nào miễn trả giờ ấy. Đã vậy mà chỗ dạy đâu có gì bảo đảm. Ai cũng có thể thay thế cha được bất cứ lúc nào. Nhà trường là một cơ sở của Hội Phật Giáo mà má con và phía ngoài con lại là người Thiên Chúa Giáo. Rồi thằng em của con, mãi lên tám mới được chính thức đi học và phải cho học ở một trường tư thực gần nhà. Lại nhằm một trường của Thiên Chúa Giáo. Cha biết có bao nhiêu khó khăn rồi rằm cứ tuần tự dẹt thành tấm lưới bủa vây cha. Cứ mỗi cuối năm học là chuẩn bị nhận một bức thư "cám ơn" của Ban quản trị nhà trường. Cứ đầu năm học là hồi hộp chờ đợi coi niên khóa này mình được phân phối cho dạy bao nhiêu giờ một tuần. Có những lần phiền muộn, cha lặng lẽ ra ngồi ở cuối sân, lần nhỏ những bụi cỏ dại, cho quên đi, cho lãng quên, cho tan loãng... Cha tránh không dám gặp các con ngay lúc đó, sợ đang cơn bức bối phiền muộn, nếu lỡ gặp điều trái ý mà không giữ được bình tĩnh.

Vậy mà cái "lỡ" đã xảy ra. Hôm đó cha vừa về, vừa bỏ mũ, vừa tháo nịt thì con chạy lên hét cha nghe cái gì đó. Đang uất ức vì việc ở trường, con lại gây thêm điều rắc rối nên sẵn cái nịt trên tay cha vục con một cái. Cha vội vàng dừng lại, nhìn con mờ to mắt, mặt nhăn đau đớn... Con ơi, hình ảnh đó cứ theo mãi cha, ám ảnh cha suốt hơn ba mươi năm nay.

Có thể là con đã quên, chắc chắn là con không giận, nhưng mà cha thì cha cứ nhớ. Con có lỗi, bắt năm xuống đánh năm roi ba roi, cách phạt đó ngó vậy mà vẫn thanh nhã. Vì đánh có kèm lời dạy, có này sinh lời hứa. Cái roi bé từ một cành cây còn dính đôi lá xanh non vẫn được nhìn

như một người bạn chơi của đứa nhỏ phạm lỗi. Chở cái nịt! nó được chế tạo ra hàng loạt để cột, để siết để bó... nó lạnh lùng, nó vô tri, nó mang dáng vẻ một dụng cụ giảo nhim.

Sao cha nỡ có hành động tàn bạo như vậy với con? Mới lên chín, con đã nhận trách nhiệm lo lắng cho gia đình. Con tính tiền chợ, con trả tiền điện, con đưa tiền rác, con ngó chừng em, nhắc chị Hai tắm em, tự tay bôi thuốc vào mụn lở cho em. Rồi cái nhìn đi xa hơn một chút: dọn dẹp cái này cho gọn gàng, xếp đặt cái kia cho tươm tất.

Con đâu có hưởng nhiều êm đềm tuổi thơ với cha? Lúc nhỏ thì con lúc thức bên gối ông bà. Có lẽ đó là những ngày ngọt ngào nhất của con bởi ông bà thương vỗ vập, đòi cái gì cũng có, muốn cái gì cũng cho. Sáu tuổi theo cha mẹ về Đà Lạt con phải một mình coi chừng em giúp mẹ. Rồi mẹ con bệnh, gia đình bị xé nát, con lại theo ông bà về quê, cha đưa mẹ xuống Sài Gòn chữa bệnh. Ba năm sau mẹ con mất, con biến thành người quản lý của một gia đình.

Chín, mười tuổi là cái tuổi nhớ trước quên sau, cái tuổi miệng hay ăn vặt và hát nghêu ngao, là dàn bày đồ chơi ra rồi bỏ vãi đó không đẹp, là tuổi đi chơi phố có mẹ cầm tay. Con thì không, con phải đứng vững như một thân cây che hai cây nhỏ đứng kề. Không có mẹ nhẹ nhàng vuốt ve và nói lời dịu ngọt, không có kinh nghiệm về cái không khí yêu thương, con phải tự tìm lấy. Đi chợ qua hàng trứng vịt lộn, thấy có cái trứng quá già bị nứt phát ra tiếng kêu chíp chíp từ bên trong, con nài nỉ mua về gỡ con vịt bé xíu ra nuôi. Ngày hè năm đó cha có việc phải đi Quảng Ngãi nửa tháng, nhà vắng cha, con ghé chợ mua về một con heo để nuôi cho vui nhà, sẵn sóc chơi đùa với heo để quên niềm cô quạnh.

Sao nỡ giận con, trách con mà tàn bạo với con? Đầu có để để xử sự minh bạch, giải quyết rạch ròi ở đời? Thì ngay chính cha: chị Hai cầm cũng số tiền đó đi chợ mà có bữa cho ăn được, có bữa chẳng ra chi, nhưng cha biết nói sao? Con thúc cha nói nhưng cha cứ ngại ngùng, sợ lỡ chị giận, chị bỏ đi nơi khác. Từ khi mẹ con mất, cha thêm rụt rè cam phận, đã có quá nhiều âu lo và bốn phận dành cho cha rồi mà. Thằng em của con mới vừa bị sốt, cha vẫn phải đi dạy cho hết buổi rồi đạp xe hấp tấp về nhà, kêu xích lô chở nó đi bác sĩ. Đầu năm, con út bị chó nhà bạn cắn nơi đùi, vậy là cha suốt đêm nằm lo lắng, mãi đến khi trở mình mới hay nước mắt đã chảy đầm đìa.

Cha có cảm tưởng là chưa bao giờ con nhận một sự dịu dàng nào từ cha. Một người đàn ông nghiêm trang thật khó biết nên dịu dàng như thế nào. Không thể pha chế giọng nói, "biên tập" câu nói, hoa hòe điều nói. Cha chân tình thường chỉ lo nghĩ đến bốn phận nên nhiều khi quên mất sự dịu dàng. Thương yêu tha thiết trong lòng nhưng khó tìm cách để biểu hiện cho tinh tế, tránh xa công thức, thành ra cha con ta sống âm thầm, cha gắng lo sao cho các con không thiếu thốn về vật chất, được đầy đủ về học vấn. Nhưng còn về tình cảm thì, mất đi một người mẹ là tối tăm hết một nửa bầu trời. Cha cố gắng giữ cho nửa còn lại được sáng bằng cách ở vậy nuôi con. Nếu tục huyền, sợ chỉ còn một phần tư còn sáng. Nhưng giữ cho

được một nửa cũng không dễ, bởi bao nhiêu thiếu sót, bao nhiêu khuyết điểm phần cha! Chỉ cần một nét mặt trầm ngâm, một cái nhíu mày u uất là đủ làm tắt đi nụ cười nơi mắt các con. Chỉ lỡ dùng một tiếng la rầy hơi nặng là tiếng đó cứ đè nặng dài ngày trên tâm hồn các con.

Bức thư ân hận của nhà văn Livingstone Larnod đã làm xúc động những người cha. Người cha trong truyện đã rầy con vì cách con lau mặt, mắng con vì giầy không đánh bóng, la con vì trong bữa ăn sáng đã bị đổ sữa, ngồi ti tay lên bàn, nhai không kĩ càng. Khi con chào đi học, cha lại rầy "đi thẳng lưng". Trên đường ở trường về con lại bị rầy vì chơi bị dọc đường để làm rách bí tất. Buổi tối con bước vào phòng, giọng cha còn bất bình hỏi "Cái gì?", và bắt ngó con chạy lại ôm chặt cổ cha, đầy tình thương yêu rồi bỏ chạy lên gác. Người cha bất giác thấy cái tâm hồn đại lượng của con, thấy cái hẹp hòi của mình, con còn con nít mà cha bắt làm người lớn, cha ngồi bên giường nhìn con ngủ mà lòng đầy ân hận.

Con ơi, những cái lỗi dồn dập trong một ngày của người cha Larnod vẫn quá nhẹ so với chỉ một cái vệt dây nịt của cha. Và nhả nhận quá, đẹp quá, cái hôn của đứa nhỏ so với cái nhắm mắt đau đớn của con. Cuộc sống của họ sung túc nên dẫu khuyết điểm mà chúng vẫn thuộc loại sang. Chúng như được son phấn điểm trang, như được bọc trong nhung lụa: giầy đánh bóng, ngồi bàn ăn làm đổ sữa, như nàng công chúa đầm đĩa nước mắt khóc vì cảnh hoa héo. Phần cha con ta thì niềm đau lớn hơn, bởi cuộc sống thường ngày của một đứa nhỏ chín tuổi mồ côi mẹ đã phải mang chằng chịt những vết roi vô hình.

Mẹ con chết, cha ở vậy nuôi con, người ta khen cha và mừng cho các con. Thì cũng có đúng, nhưng mấy ai tìm hiểu sâu để thấy cho bao nhiêu cái khó khăn. Dẫu không làm ra đồng tiền đi nữa, không đẹp như á hậu, không giỏi như bà Curie, dẫu ốm đau không giúp ích được gì cho chồng cho con, nhưng sự có mặt của mẹ tựa viên đường làm cho chén nước mắm thêm ngon, như ngọn gió làm cho căn phòng thêm mát. Những đêm mưa sục sùi, những đêm gió ào ào, mưa từng trận vã rào rào trên lá cây ngoài hiên, tiếng gió rít qua khe cửa, ba đứa con chắc thêm mong có được mẹ ngồi giữa, ba đứa bu quanh, hơi ấm từ mẹ tỏa ra, bàn tay mẹ vuốt ve, tiếng nói mẹ êm nhẹ... Tất cả những cảnh đó, mỗi đứa

con có thể đang nằm trong chăn mà tưởng tượng, hai đứa lớn dễ tưởng tượng hơn vì có thời gian sống cạnh mẹ, tội cho con út, chỉ biết mặt mẹ qua tấm hình. Thiếu thốn nhiều lắm. Mùa hè ngọt ngào với đủ thứ trái cây chín bày đầy chợ: xoài, thơm, cam, mít, vú sữa... nhưng ai nhớ cho, ai lưu ý mua giùm cho các con ăn? Cha thì chỉ lo được cái bao quát, làm được cái đại khái. Đặt vào thực tế, nhiều khi thiệt thà lúng túng như con rùa bị lật ngửa. Ai lại đi tin lời bà bán hàng, mua pyjama con trai đem về cho con gái bận. Hoặc vô tâm tới mức đi chợ Tết, cứ tuốt quần thẳng con lên bày, mặc thử cái quần mới để trả mua.

Nhưng rồi năm tháng lặng lẽ trôi, các con lớn lên và cha già đi. Kỷ niệm gần nhất là kỳ cha bị bệnh, con chạy lo hết mọi mặt để đưa cha vào bệnh viện. Cha được thông thả không ngờ, chỉ cần làm theo lời con, đưa tay lên, há miệng ra, co chân lại, đứng thẳng dậy, bước chậm chậm. Khỏi lo khỏi nghĩ, khỏi cần nhắc tính toán, khỏi trừ liệu trước sau. Trời ơi sao mà dễ chịu vậy! Khỏi phải tìm đến Niết Bàn, Thiên Đường, cứ được thế này đã là hạnh phúc quá rồi. Con đang đóng vai người Mẹ và cha trở thành đứa nhỏ lên bốn lên năm.

Sau một tháng lành bệnh trở về, cha nhìn những đứa nhỏ gặp trên đường với con mắt khác. Dẫu nó ốm o ghẻ lở, mẹ nó vừa ảm vừa phát vô đít, dẫu nó đi lững chững cha nó vừa dặt vừa la, dẫu nó nằm ngo ngoe trong nôi vừa khóc ằng ặc... thì cha cũng cứ tưởng tượng vài chục năm sau đứa nhỏ đó sẽ lớn sẽ khôn, sẽ đi trở lại người cha hôm nay, sẽ bế trở lại người mẹ hôm nay đi bệnh viện, lo lắng bữa cơm, chạy mua hộp thuốc. Chắc không đứa con nào giận cái phát vào đít, cái trót ngang lưng.

Gần đây một cô hàng xóm tổ chức mừng sinh nhật, búi ngùi nhớ lại mới ngày nào. Cô nói: "Mới ngày nào... hồi em lên 12 tuổi... má em tắm cho em... Da em không được trắng, 'Bá' cứ tưởng còn đất, 'Bá' cứ kỳ quái..." Mười hai tuổi mà còn được mẹ tắm? Lòng cha xúc động cơ hồ nước mắt muốn rơi, vì cha nghĩ đến con, đến đứa nhỏ mới lên chín đã phải quần vai trách nhiệm, và đã nhận sự bất công tàn bạo của người cha, dẫu chỉ một lần.

Này con, mỗi cơn mưa, nước cuốn đi chỉ bỏ sót lại một viên sỏi, nhưng sau ba mươi năm đủ thành một đồng sỏi lớn rồi.

Hãy thứ lỗi cho người cha cô đơn tự xét thấy mình đầy khuyết điểm.



CHÚ TIỂU, MẸ VÀ BÔNG HOA SỨ

Lam Khê (TN Hạnh Tâm)

Tôi là một đứa trẻ khác thường. Người ta đã nói vậy ngay khi tôi vừa mới trời đầu ra khỏi cái cung tối tăm chật hẹp trong bụng mẹ. Vừa chào đời, việc đầu tiên của tôi là mở to đôi mắt ra nhìn khắp lượt. Mọi thứ xung quanh có vẻ sáng sủa lạ lẫm quá khiến tôi mãi mê nhìn quên cả việc khóc thét lên khi bà mẹ đánh một phát vào mông đau điếng.

- Chà! Thăng bé lì đòn dữ à nghe. Nó mở to đôi mắt thao láo ra nhìn chứ không thèm khóc. Ờ... Ờ...! Sao! Sao hả con? Lạ quá phải không. Nặng tới hơn ba ký lô đấy. Quả là mẹ khỏe mạnh sanh con bụ bẫm mà.

Sau khi được tắm rửa sạch sẽ và đặt lên giường nằm, tôi liền quay sang nhìn người mẹ vừa sanh thành ra mình. Mẹ của tôi còn khá trẻ. Và hẳn đây là lần vượt cạn đầu tiên nên trông bà đỡ dẫn dắt mọi việc không buồn nhìn con. Khi nghe tôi chòi đạp ọ ẹ, mẹ chỉ hơi khẽ xoay nghiêng người liếc qua. Ngay lập tức tôi nhận ra ánh mắt buồn bã có phần nặng nhọc u ám của bà. Biết mẹ mệt, tôi ngoan ngoãn nằm yên. Khung cảnh lạ lẫm khiến đầu óc còn non nớt của tôi cứ miên man nghĩ ngợi.

Có nhiều tiếng chộn rộn chung quanh làm tôi chú ý. Một bà mẹ sanh con vừa được đưa lên phòng. Những người thân đang vây quanh săn sóc. Đứa trẻ ra đời cùng ngày với tôi, trông nhỏ xíu như búp tay người lớn và đỏ hồng như cục than lửa. Thăng bé cứ ngo ngoe khóc thét lên làm bố nó sốt ruột, chốc chốc lại bước đến nhìn con lo lắng. Cô ý tá đầy kinh nghiệm thân nhiên nói:

- Bé khóc to vậy là tốt chứ không sao đâu. Dù sanh sớm mấy tuần nhưng lúc mẹ mang thai được chăm sóc kỹ nên cháu sanh ra đã khỏe. Cho bé bú sữa mẹ một thời gian là cháu sẽ chóng lớn ngay.

Là đứa bé khác thường, nên tôi có thể nghe và hiểu hết những sự việc quanh mình. Tôi thắc mắc vì sao những bà mẹ sanh con luôn có nhiều người tới lui thăm hỏi, riêng mẹ của tôi chỉ có một thân một mình. Có thể bố và những người trong gia đình tôi chưa kịp đến. Vì không thể nói được nên tôi chỉ biết nằm yên chờ đợi. Tôi đã chờ đợi trong bụng mẹ suốt một thời gian dài... với ước mong ngày ra đời sẽ được sự chào đón của cả đại gia đình thân thuộc. Thế mà giờ đây mọi việc dường như khác hẳn.

... Người mẹ bọc kín đứa con trong chiếc khăn lông rồi vội và bước đi. Đứa bé không khóc cũng không ngo ngoay. Mẹ đang đưa bé về nhà. Bé sẽ được gặp những người thân trong gia đình chưa từng gặp. Mọi việc chắc sẽ ổn thôi. Bé nghĩ vậy nên yên tâm thiếp ngủ trong vòng tay ấm áp của mẹ.

... Trời hửng sáng. Gió se lạnh. Tôi giật mình thức giấc khi nghe có nhiều tiếng người lao xao. Có ai đó vừa bế tôi lên, cất giọng tức tối:

- Con thấy nó bỏ đứa bé dưới gốc cây sứ trước cổng chùa. Con rượt theo thì nó chạy bọc xuống đám ruộng khô rồi băng ra lộ mất hút. Nó còn trẻ măng hà. Lãng nhăng bậy bạ rồi ôm bầu tâm sự... sanh con ra đem bỏ cửa

chùa. Thật là đồ...

Có tiếng vị sư nhỏ nhẹ nói:

- Thôi... cô đừng lớn tiếng làm gì. Người ta cũng vì hoàn cảnh mà bỏ con. Người có công sanh thì nhà chùa có công dưỡng. Chỉ tội nghiệp cho một sanh linh bé nhỏ, vừa chào đời đã không còn gặp mẹ. Tuổi thơ nào có tội tình gì...

Ồi! Người ta đang nói về mẹ của tôi đấy. Tôi lơ mơ hiểu ra rồi bất ngờ cất tiếng khóc to. Lần đầu tiên sau khi chào đời tôi mới biết khóc. Tôi khóc khi biết mình là đứa trẻ bị mẹ bỏ rơi. Tôi khóc vì ước mơ về một mái ấm gia đình có bố mẹ... đã không bao giờ thành hiện thực.

Năm tháng trôi qua. Tôi góp mặt và trở thành một thành viên bé nhỏ trong ngôi chùa rộng toạ lạc tại vùng ven. Từ buổi đầu tiên được đón nhận vào chùa, tôi phát hiện không chỉ có mình mà còn nhiều đứa trẻ khác. Những anh chị em không cùng huyết thống của tôi cũng chỉ mới lên dăm bảy tháng cho đến một vài tuổi. Những đôi mắt thơ ngây ngược nhìn đứa trẻ lạ vừa được sư phụ bế vào là tôi, nửa tò mò nửa thích thú. Sau này tôi còn có nhiều em trai em gái nữa. Bởi người ta cứ thản nhiên đem bỏ những đứa con vô thừa nhận trước cổng chùa. Khi tôi bắt đầu đi học, thì số anh chị em của mình đã già hơn chục.

Vừa chập chững biết đi, tôi được sư phụ cạo tóc chùa lại ba chỏm. Mọi người đến chùa tò mò về thích thú khi nhìn mấy chú Tiểu nhỏ để thương ngộ nghĩnh. Sư phụ đặt tên khai sinh cho tôi là Hiếu Tâm. Một cái tên nghe thật đạo vị. Sư chú tôi vốn là nhà thư pháp nghiệp dư. Trong chùa ngoài ngõ treo đầy những bức tranh thư pháp với mỗi một chữ tâm rất ấn tượng. Sư phụ tâm đắc lắm bèn lấy chữ tâm đặt cho cả đám đệ tử nhóc tỳ của mình. Nào là Mẫn Tâm, Khánh Tâm, Minh Tâm, Phước Tâm...

Ngay khi lọt lòng mẹ, tôi là đứa bé biết suy tư và hay cá nghĩ. Tuổi thơ sống yên ấm dưới mái chùa, tôi cũng tinh nghịch, tham gia các trò chơi quậy phá cùng các sư huynh sư đệ của mình. Sau những cuộc vui chơi ấy, tôi lại quay về với bản chất trầm lặng cổ hủ. Tôi thường ngồi yên... chỉ để nhìn lá rơi nắng đổ bên sân chùa. Thích nhất là ngắm đàn bồ câu bay sà xuống khi tôi vừa công phu cúng thí thực xong. Chị gà mái nhà hàng xóm hay dẫn đàn con bé bỏng sang chùa kiếm ăn. Ăn xong mẹ con quây quần nằm sưởi nắng. Tiếng chim hót líu lo. Tiếng gà kêu chích chích nghe thật vui tai. Tôi nhìn đến nỗi quên cả công việc của mình làm sư huynh Mẫn Tâm phải la toáng lên:

- Thưa sư chú! Hiếu Tâm không chịu quét sân... cứ đứng nhìn đầu đầu không hà.

Tôi và Mẫn Tâm được sư chú phân công quét sân trước. Mẫn Tâm lớn hơn tôi một tuổi lại ý mình là sư huynh nên thường phó mặc cho tôi làm. Tôi cũng không lấy thế làm phiền lòng. Một mình tôi vừa quét sân... vừa quan sát người ra vào lễ chùa. Những bà mẹ ông bố hạnh phúc bên những đứa con xinh xắn của họ. Những ông cụ bà lão trang nghiêm trong chiếc áo tràng lễ Phật. Phật tử của chùa đều quen mặt biết tên mấy chú Tiểu ra vào lễ chùa. Những bà mẹ ông bố hạnh phúc bên những đứa con xinh xắn của họ. Những ông cụ bà lão trang nghiêm trong chiếc áo tràng lễ Phật. Phật tử của chùa đều quen mặt biết tên mấy chú Tiểu ra vào lễ chùa.

- Con nhỏ thế mà đã có căn duyên ở

chùa, thật phúc đức lắm...

Tôi luôn để mắt dõi tìm một hình ảnh thân quen. Gương mặt người mẹ trẻ lâu ngày đã lu mờ nhưng tận trong sâu thẳm tâm hồn thơ dại, ánh mắt đăm chiêu buồn tẻ ấy vẫn còn phảng phất. Mẹ hẳn đã quên đi núm ruột của mình. Mà nếu có nhớ tìm tới... thì chắc bà không thể nhận ra đứa bé đỏ hồng ngày nào trong số những chú Tiểu có cùng một gương mặt hồn nhiên trong sáng.

- Sư huynh! Có khi nào... ba mẹ chúng ta đến chùa tìm lại đứa con mà họ đã vứt bỏ?

Mẫn Tâm nghe tôi nói liền trở mắt nhìn:

- Làm gì có chuyện đó. Mình là con của Phật, con của sư phụ rồi. Còn ba mẹ nào nữa mà tìm kiếm.

Sư vô tư đôi khi là liều thuốc nuôi dưỡng những tâm hồn thánh thiện. Ngay từ khi chào đời tôi đã không có được sự vô tư ấy. Tôi đã nhìn thấy mẹ của mình. Cái nhìn thoáng qua khi vừa chạm mặt ngưỡng cửa cuộc đời.

- Chú Tiểu! Cho chú mượn chiếc xe điện tử nè. Chơi vui lắm đó.

Cậu bé khoảng tuổi tôi nhưng vóc dáng ốm nhom đang niềm nở khoe món đồ chơi đắt giá. Tôi cười cười lắc đầu. Món đồ chơi lạ này làm tôi thích thú. Nhưng chúng tôi cũng có nhiều đồ chơi của Phật tử đem đến chùa cho. Mẹ của cậu bé đang ngồi nói chuyện với sư phụ bên nhà khách:

- Thăng bé sanh non, cứ trời trở gió là nóng đầu sổ mũi. Uống biết bao thuốc men, tắm dưỡng toàn đồ bổ mà nó vẫn ốm trơ xương. Con dẫn cháu đi chùa, lạy Phật bà Quan Âm phù hộ cho được mạnh giỏi...

Gương mặt rạng ngời hạnh phúc của người mẹ đang nói về đứa con trai ốm yếu của bà. Hình ảnh vừa quen vừa lạ làm tôi ngỡ ngàng nhìn sững. Sự đời như gió thoảng mây bay... mọi việc tưởng đã trôi mà sao cứ chập chờn như có như không.

* * *

Hiếu Tâm thường ra ngồi chơi dưới gốc cây sứ trước cổng chùa. Chú ngồi học bài luôn tiện lượm hoa rụng đem vào cho cô Phước ở nhà bếp. Cô bảo hoa sứ phơi khô có thể đem bán được. Nhưng cô dùng để kết tràng hoa cúng Phật. Hiếu Tâm có cảm giác cây sứ này luôn có một mối nhân duyên đặc biệt với mình.

- Ngày nào cô cũng thấy chú Tiểu ra ngồi lượm hoa sứ khô.

Hiếu Tâm ngẩng lên. Một bà khách đứng dưới tàng cây đang nhìn chú mỉm cười. Hiếu Tâm ngạc nhiên vì mình chưa từng gặp bà.

- Sao cô lại biết là con... thường ra đây lượm hoa sứ.

- Vì ngày nào cô cũng đi qua chùa mà.

- Nhà cô ở gần đây ?

- Ờ... Cô ở xa lắm. Cô chỉ về chơi nhà người quen ít bữa.

- Vậy cô đến chùa lễ Phật?

- Ừ! Cô thích lên chùa. Mấy chú Tiểu ở chùa thật dễ thương. À... Mà Tiểu còn ba mẹ không?

Hiếu Tâm lắc đầu:- Tiểu không biết... Vì khi mới sanh ra, đã bị mẹ đem bỏ trước cổng chùa rồi.

- Thế à!... Thật tội nghiệp. Mà chú lượm hoa sứ khô để làm gì vậy?

- Dạ. Hoa sứ rất thơm. Quý cô trong chùa hay dùng kết tràng hoa cúng Phật. Dưới gốc cây hoa sứ này từng có một câu chuyện cổ tích đấy cô à.

Bà khách tò mò hỏi:- Chuyện cổ tích

thời nay sao? Chú kể cho cô nghe được không?

Tôi gật đầu nghiêm nghị:

- Dạ được chứ. Nếu cô thích nghe. Chuyện là thế này... Hồi đó cách đây chưa lâu lắm... có người mẹ sanh một đứa con trai tại bệnh viện. Vì không có tiền trả viện phí nên bà bồng con trốn đi trong đêm khuya. Đứa bé bụ bẫm nhưng nó không khóc cả khi bà mẹ đánh vào mông. Lúc người mẹ bồng con trốn đi thì đứa bé đã ngủ thiếp trên tay bà... Và khi tỉnh dậy, nó thấy mình nằm dưới gốc cây sứ này, chung quanh đầy hoa rụng. Người mẹ đã bỏ đi. Đứa bé được sư phụ đem vào chùa nuôi nấng cho đến bây giờ...

Một chiếc xe máy vừa chạy qua làm bụi tung mù. Bà khách đưa tay dụi mắt. Bà có vẻ xúc động, dò hỏi:

- Đứa bé bị bỏ dưới gốc cây sứ buổi sáng sớm hôm ấy... là chú Tiểu sao?

Hiếu Tâm nhìn bà:

- Cô biết câu chuyện đó?

- Là vì lúc ấy cô cũng ở gần đây...

Cô nghe người ta kể về đứa bé bị bỏ rơi dưới gốc hoa sứ trước cổng chùa... Thời gian rồi cô quên mất. Không ngờ đứa bé ấy chính là chú bây giờ. Mấy chú Tiểu ở chùa đều bị mẹ bỏ lại dưới gốc cây sứ này à?

- Dạ không! Chỉ có Tiểu là bị mẹ bỏ dưới gốc cây sứ này thôi. Lúc ấy vì có người trông thấy nên mẹ bỏ vội rồi chạy đi ngay. Sau này Tiểu nghe cô Phật tử nói lại...

Một đàn bồ câu bay sà xuống sân. Hiếu Tâm cầm rổ hoa đứng lên lễ phép nói:

- Đã tới giờ công phu, Tiểu phải vào chùa cúng thí thực.

Bà khách nhanh tay ngắt lấy một bông hoa sứ trắng còn tươi rói trên cành xuống. Bà bước tới nói thật khẽ vào tai chú:

- Chú Tiểu bị bỏ rơi dưới gốc cây sứ này... Vậy là chú vẫn còn mẹ, phải không? Có duyên gặp Tiểu ở đây... nghe cậu chuyện của Tiểu, cô cảm động lắm. Vậy cho cô gửi tặng chú bông hoa sứ này. Mẹ chú vì hoàn cảnh nào đó mà không dám thừa nhận đứa con... Hẳn bà cũng đau khổ lắm. Chú Tiểu... chú đừng trách bà ấy... Bây giờ chú là con nhà Phật rồi... Bà ấy đâu có biết cũng không thể nhìn con.

Hiếu Tâm thần thờ cầm lấy bông hoa và khi chú định thần ngược lên thì bà khách đã đi xa rồi. Ôi! Lời nói và ánh mắt buồn sâu thẳm ấy... phải chăng đó là đoạn kết có hậu cho câu chuyện cổ tích về đứa bé bị mẹ bỏ rơi năm nào.



CHÙA LÀNG, CHÙA THỊ

Huỳnh Kim Quang

Ở quê tôi, đa phần các làng đều có chùa và đình. Ngày xưa lúc còn bé, tôi và những đứa trẻ trong làng hay đến chùa và đình vào những dịp lễ để vui đùa và ăn ké theo người lớn. Những hình ảnh về các sinh hoạt lễ hội của chùa và đình vẫn còn in đậm trong ký ức tôi cho đến ngày nay.

Thật ra lúc còn nhỏ, tôi chẳng hiểu được ý nghĩa về sự có mặt của chùa và đình trong làng, cũng như những sinh hoạt lễ lạt thường kỳ tại các ngôi chùa và đình đó có tác động thế nào đến đời sống văn hóa và tâm linh của người dân. Nhưng càng lớn tôi càng nhìn ra được vai trò quan trọng của chùa và đình trong làng. Ở đây tôi chỉ xin nói riêng về vai trò của chùa làng, vì nó gắn liền với cuộc đời tôi kể từ thời tằm bé.

Nói đến vai trò của chùa làng, tôi xin kể cho các bạn nghe một sự kiện xảy ra trong làng tôi lúc tôi còn rất nhỏ. Chuyện là thế này, tại làng tôi, có một họ tộc theo đạo Thiên Chúa. Lúc đó tôi không biết và cũng không phân biệt được họ theo Tin Lành hay Công Giáo. Họ không đông đảo lắm chỉ có mấy gia đình. Họ thường tụ tập tại các tư gia này để đọc kinh, làm lễ. Họ là những gia đình có nhiều người ăn học khá hơn người dân khác trong làng. Vì vậy, họ mở lớp học, dạy trẻ em trong làng tại nhà riêng. Tôi là một trong những đứa bé tham dự vào các lớp học mẫu giáo a, b, c... tại những ngôi nhà của họ tộc theo đạo Thiên Chúa này. Ấn tượng mà tôi còn nhớ mãi là cái cảm giác ngỡ ngàng kích thích sự tò mò muốn xem và nghe lúc các gia đình này tụ họp để đọc kinh. Nhưng lúc đã nhìn thấy họ đọc kinh và nghe âm điệu là lạ, nhìn cây đèn bạch lạp màu trắng xanh xao, thì mình lại có cảm giác ngỡ ngờ, xa lạ sao đó... Cho nên, đa phần bọn trẻ chúng tôi chỉ đến xem một lát thì bỏ về. Dân trong làng, những người lớn tuổi khác thì không thấy có mặt ở đó dù chỉ để xem. Lúc đó, tôi có cảm nhận mấy gia đình theo đạo ấy là một ốc đảo lẻ loi trong cái làng của mình.

Mấy năm sau, tôi rời làng, lên tỉnh để học. Bằng đi một thời gian vài năm, khi tôi về lại thì hoàn cảnh đã thay đổi. Hầu như đa phần trong số các gia đình họ đạo ấy đều bỏ đạo đi theo chùa. Những người con cháu trong các gia đình họ đạo đó đã không còn tiếp tục giữ đạo nữa. Có lần về chùa làng trong dịp lễ tôi thấy họ đi chùa lễ Phật và sinh hoạt chung với bà con trong làng. Cái ốc đảo họ đạo kia hầu như đã bị chuyển hóa toàn bộ.

Ở chùa làng, thường những vị thầy trú trì làm rất nhiều việc cho dân làng. Ngoài việc trông nom chăm sóc ngôi chùa, mà chùa nào cũng có ruộng đất canh tác riêng để tự túc, việc lễ lạt hàng tháng, hàng năm tại chùa, vị trú trì còn kiêm luôn việc coi ngày giờ tốt, xấu để cưới hỏi, ma chay, xây cất và sửa chữa nhà cửa, thậm chí sửa chuồng bò, chuồng heo cũng nhờ thầy xem ngày tốt. Những khi dân làng có chuyện tang chế thì

vị thầy ở chùa làng là người tận tình cố vấn, hướng dẫn, và thực hiện các lễ nghi cho tang quyến. Chùa làng còn là nơi để dân làng đến uống trà, trò chuyện, tâm sự đủ mọi thứ trên đời. Tôi nhớ trong thời kỳ chiến tranh, chùa làng cũng là nơi để dân ở những làng khác chạy giặc đến tạm cư một thời gian, khi bình an thì quay về lại làng cũ. Vì vậy, có thể nói chùa làng là cái ngôi từ đường của bá tánh trong làng. Nó gần gũi, hữu ích, thân thiện, và không thể thiếu trong sinh hoạt hàng ngày của người dân. Tôi vẫn không quên hình ảnh rất cảm động của người dân làng mang, xách, đội từng trái bầu, trái bí, củ khoai, cái bắp chuối, rổ rau sống, giỏ bánh mứt đến chùa làng trong những dịp lễ cúng. Họ xem đó như là chuyện bình thường của người trong nhà, trong họ nên làm nhà từ đường cúng giỗ. Với tình cảm thiêng liêng, sâu sắc và truyền thống lâu đời như vậy, dân làng xem chùa làng, xem đức Phật, xem ông thầy như người nhà với tất cả sự kính trọng và thân yêu.

Trong ngôi làng như thế thì đâu còn chỗ nào cho một tôn giáo mới này sinh và phát triển.

Có người nói, chùa chiền gì mà lung tung quá, mê tín dị đoan quá, không hợp với Phật Pháp! Chùa chiền gì mà đi xem bói, đi coi ngày tốt xấu để cưới hỏi, để xây chuồng bò, chuồng heo!

Những phàn nàn và thậm chí chỉ trích trên, không phù hợp với thực tế. Tại sao?

Bởi vì tập tục bị phàn nàn đó là của người dân chứ không phải của chùa. Chùa làng nếu muốn phục vụ cho dân thì trước hết phải đáp ứng theo một số nhu cầu của họ, mà ở đây là những tập tục đã có từ lâu đời. Chùa cũng không thể quay lưng hay chống đối cực đoan với các tập tục đó mà phải lần hồi thay đổi bằng những phương thức hợp tình hợp lý, nếu không chùa sẽ trở thành một thứ ốc đảo bị cô lập trong cộng đồng làng xã địa phương. Nhắc tới điều này, tôi nhớ, trước Cộng Đồng Vatican 2 vào đầu thập niên 1960, Công Giáo cũng vì cảm con chiền thấp nhang, thờ cúng ông bà tổ tiên nên khi truyền vào Á Châu thì bị thất bại, không thể phát triển, vì bị người dân chống đối, tẩy chay. Do đó, Cộng Đồng Vatican 2 mới để cho con chiền được tiếp tục giữ tập tục truyền thống của họ. Trước Cộng Đồng Vatican 2, Giáo Hội Công Giáo cũng chỉ trích việc thờ cúng ông bà là mê tín dị đoan, là hủ tục cần phải thay đổi để sống theo nếp sống văn minh.

Dĩ nhiên, chùa là nơi để thực hiện mục đích chuyển mê khai ngộ cho con người, tức là có nhiệm vụ giáo dục, điều hướng, và giúp con người khai mở tâm và trí, để xây dựng niềm tin trong chánh kiến, phát triển trí tuệ và mở rộng lòng từ bi. Nhưng việc chuyển mê khai ngộ thì còn tùy theo căn cơ của con người và hoàn cảnh của xã hội mà ứng dụng phương thức, cũng như có mau chậm khác nhau. Muốn chuyển hóa dân làng từ mê tín sang chánh tín cần phải chuẩn bị một số việc cần thiết như sau.

Thứ nhất, nâng cao dân trí bằng con đường mở mang trường học, khuyến khích và hỗ trợ cho dân làng và con em của họ có điều kiện học hành tới nơi tới chốn để tránh tình trạng thất học, hay học ít nên thiếu nhận thức chính xác. Trong trường hợp này, chùa làng có vai trò rất lớn và rất hữu dụng trong việc giúp giáo dục con em của dân làng bằng cách biến chùa thành trường học, thành nơi dạy kèm cho các em. Tương cũng nên nhắc lại rằng ngày xưa khi đất nước chưa thành lập hệ thống giáo dục chính thức thì chùa là trường học, là trung tâm văn hóa đào tạo nhân tài cho xã tắc.

Thứ hai, giúp dân làng ngày càng hiểu biết thêm về Phật Pháp. Đây chính là sứ mạng trọng đại mà chùa là cơ sở nền tảng để thực hành. Chùa cần thường xuyên giảng giải Phật Pháp trong các lễ lạt hàng tuần, hàng tháng, hàng năm, hay trong các khóa tu học đặc biệt. Chùa là thư viện, là trung tâm ấn hành, biểu tặng và khuyến khích quần chúng đọc kinh sách Phật học.

Thứ ba, các vị trú trì cần được đào tạo có trường lớp căn bản về khả năng chuyên môn làm trú trì. Các vị trú trì không thể thiếu một số yếu tố cần thiết như trình độ Phật học căn bản, biết các khoa nghi lễ tổng quát, biết cách tiếp xử với quần chúng Phật tử nông thôn, có tấm lòng từ bi hỷ xả đủ để có thể bao dung, tận tụy phục vụ cho dân làng mà không đòi hỏi điều gì vượt ngoài hoàn cảnh tại địa phương cho phép.

Tuy nhiên, đó chỉ là lý thuyết. Thực tế, thì không đơn giản như vậy. Dân làng thường là thành phần nông dân có học thức thấp, sống giản dị, chất phác, thuần hậu và giữ gìn tập tục một cách bền vững. Cho nên, người dân làng ít hiểu biết thấu đáo tinh hoa triết lý và giáo pháp đức Phật để đem ứng dụng vào cuộc sống hàng ngày. Niềm tin của dân làng, vì vậy, cũng rất mộc mạc và pha lẫn tính huyền thoại đôi khi không phù hợp với chánh tín, rất khó để thay đổi lối sống theo tập tục lâu đời. Hơn nữa, các vị tăng, ni trú trì các ngôi chùa làng thường là gốc gác từ gia đình nông thôn mà ra, không phải là những vị tăng, ni có trình độ văn hóa và Phật học cao - những vị có trình độ văn hóa và Phật học cao thì thấy không thích hợp với vai trò trú trì ngôi chùa làng - nên cũng khó lòng mà thực hiện các phương thức chuyển hóa dân làng hiệu quả. Từ thực tế đó cho thấy rằng chúng ta, trước hết, là phải chấp nhận hiện thực khiếm khuyết ở một số mặt mà không thể đòi hỏi sự hoàn hảo quá lớn. Rồi thì, song song với việc duy trì sự có mặt của chùa làng là để ra và thực hiện các phương thức chuyển hóa và hoàn thiện lần hồi tùy theo hoàn cảnh ở mỗi địa phương.

Nhân đây tôi cũng xin đề cập đến một sự kiện rất đáng quan ngại về tình hình chùa chiền tại nông thôn Việt Nam ngày nay. Với đà phát triển của xã hội theo chiều hướng kinh tế thị trường những năm gần đây, bộ mặt nông thôn Việt Nam đang ngày càng biến dạng trong chiều hướng tiêu cực: đất đai trồng trọt mùa màng ngày càng bị mất vì nhường chỗ cho các hãng xưởng mọc lên; vành đai các đô thị lớn mở rộng đến các miền nông thôn; nhiều dân quê không còn thấy việc làm ruộng là phương kế sinh nhai thích hợp nên tìm cách vào các thành phố để kiếm công ăn việc làm; tuổi trẻ nông thôn sau khi học xong thì đa phần đều chọn sống ở thành thị nên, không quay về miền quê nữa; đình, chùa ở nhiều làng vì vậy cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng thậm chí có nơi còn không

có tăng, ni nào trú trì để hướng dẫn Phật tử tu học và duy trì cơ sở vật chất. Các tổ chức Giáo Hội dường như vẫn chưa quan tâm đúng mức hầu như ra kế hoạch cụ thể và khả thi để duy trì và phát triển hệ thống chùa làng. Thêm vào đó, đa phần tăng, ni đều không muốn về làm trú trì ở các ngôi chùa làng, vì nhiều lý do, mà trong đó có lý do chùa làng không phải là đất phát triển, không thích hợp với bằng cấp cao mà họ đã thành đạt, v.v...

Tình hình này nếu còn tiếp tục kéo dài thì thành trì kiên cố lâu đời nhất để bảo vệ Phật Giáo, bảo vệ văn hóa truyền thống dân gian Việt Nam sẽ bị sụp đổ!

Khi làn sóng văn minh phương Tây mà đi theo là các trào lưu văn hóa mới, các thị trường kinh tế tư bản tự do thổi vào Việt Nam trong các thập niên đầu thế kỷ hai mươi và đặc biệt là trào lưu toàn cầu hóa trong vài thập niên qua, mô thức sinh hoạt của xã hội Việt Nam đã lần lần thay đổi: sức mạnh của đô thị hóa, công nghiệp hóa, tin học hóa ngày càng phát triển lôi kéo theo đó là sự gia tăng dân số tại thành thị đến mức chóng mặt mà hệ quả không tránh khỏi là xã hội nông thôn đứng trước tình trạng thụt lùi cả về mật dân số lẫn sức duy trì và phát triển đủ để đáp ứng những biến động dồn dập đưa tới.

Chùa chiền, do đó, cũng bị cuốn hút theo cơn lốc thời đại. Về mặt khách quan, đó là nhu cầu không thể cưỡng và còn rất cần thiết đối với các tôn giáo nói chung và Phật Giáo nói riêng, cũng như các cộng đồng xã hội khác. Ngược lại, về mặt chủ quan, đó là thách thức đầy nguy cơ cho Phật Giáo nếu không biết cách thích nghi để vừa bảo vệ truyền thống, vừa phát triển đạo giáo, và vừa tránh được những bế tắc khó thoát. Trong bối cảnh đó, chùa chiền ngày càng được kiến tạo nhiều hơn tại các thành phố, nhưng lại bị lãng quên ở miền quê, miền núi xa xôi. Số lượng tăng, ni cũng càng lúc càng gia tăng ở thành thị. Đó là tin vui vì theo lý thuyết một ngôi chùa có mật sẽ giảm đi một nhà tù, một người xuất gia đầu Phật sẽ bớt đi một người xấu tạo bất ổn cho xã hội.

Đến đây, một vấn đề khác cần được đặt ra là, với tình trạng phát triển của Phật Giáo qua hình thức chùa chiền và tăng, ni có mặt đông đảo có thực sự giúp ích cho cộng đồng xã hội bớt những tệ nạn, những bất an hay không? Chưa có một nghiên cứu hay thống kê nào đầy đủ và khả tín về vấn đề này được thực hiện và đưa ra cho đến nay để có thể giúp người ta có nhận định và chứng thực cụ thể. Tuy nhiên, những nhà lãnh đạo Phật Giáo và cả hàng ngũ cư sĩ Phật tử có quan tâm đến vận mệnh của đạo pháp và dân tộc cũng cần phải nghiêm chỉnh xem xét và thẩm định lại chuyện này.



Xem xét và thẩm định để làm gì, có lợi ích gì?

Câu trả lời đã quá rõ, đó là có, rất có lợi ích. Vì sao? Bởi vì, chúng ta không thể một mặt thì cho rằng Phật Giáo đang phát triển, chùa chiền và tăng, ni đông đảo, nhưng mặt khác, trên thực tế xã hội, lại từng ngày từng giờ chính chúng ta chứng kiến vô số những bất an mang lại từ các tệ nạn xã hội: rượu chè cờ bạc, hút xách, xì ke ma túy, băng đảng hoành hành, tuổi trẻ sa đà trong những cuộc truy hoan, ăn chơi, lêu lổng hay bị bán cho các tổ chức tội phạm chuyên mua bán trinh tiết, tham những tràn ngập khắp nơi và ngay cả trong học đường, trong chùa chiền, gian dối, lừa gạt, trộm cắp, và chạy theo chủ nghĩa kim tiền để chỉ biết có tiền và xoay lưng lại với tất cả nguyên tắc đạo đức truyền thống, v.v...

Tất nhiên, về mặt hành chánh và pháp lý, đó không phải là trách nhiệm của Phật Giáo, nhưng về mặt đạo đức và tâm linh, nếu Phật Giáo có mặt trong hoàn cảnh xã hội với những bất ổn và tệ nạn như vậy mà không làm gì để cải thiện, để giúp ích giảm thiểu thì cũng cần phải đặt lại vai trò và hiệu quả của sứ mệnh truyền bá chánh pháp mà chúng ta thường xuyên nói đến. Nếu chúng ta, những Phật tử tăng, ni và cư sĩ, cho rằng đó là chuyện của các cơ quan chức năng nhà nước, còn mình thì chỉ chú tâm vào việc hoằng pháp, hướng dẫn tu học cho quần chúng. Vậy thì, chúng ta cũng nên suy nghĩ lại về hiệu quả của sự hướng dẫn tu học đó có tác động thực tiễn và hữu ích đến mức nào đối với từng cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội chung quanh. Nếu trong khu phố, trong làng có ngôi chùa mà cùng lúc cũng là nơi xảy ra nhiều tệ nạn xã hội thì những vị có trách nhiệm hoằng pháp trong ngôi chùa đó cần phải xem xét lại hiệu quả xã hội của công tác hoằng pháp mà mình đã thực hiện.

Tại hải ngoại, từ khi cộng đồng người Việt định cư tạo nhiều miền của nhiều quốc gia trên thế giới từ Mỹ Châu, Âu Châu tới Úc Châu, chùa chiền được xây dựng lên ngày càng nhiều, nhất là ở Hoa Kỳ, nơi có dân số người Việt và tăng, ni Phật Giáo Việt Nam đông đảo nhất. Chỉ riêng tại thành phố Santa Ana, miền nam tiểu bang California, đã có tới ba, bốn chục ngôi chùa. Nhiều chùa rất bề thế, khang trang, rộng rãi, và đồ sộ. Nhưng cũng có nhiều chùa thuộc loại "cái gia vi tự" nhỏ hẹp, thiếu nhiều phương tiện, không đủ không gian để tổ chức các khóa tu học và lễ lạt thường kỳ. Ngay tại Santa Ana, trong một khu vực chưa quá vài dặm vuông, đã có tới mười mấy ngôi chùa, có thể gọi là làng chùa, chứ không phải là chùa làng như ở thôn quê Việt Nam. Một cách nào đó, làng chùa ở hải ngoại là mô thức chùa làng ở nông thôn Việt Nam, dù hoàn cảnh thì khác xa. Nhưng, tựu trung đó là thành trì để giữ Đạo.

Tình trạng chùa chiền như vậy có nhiều quá tới mức lạm phát không?

Đổi với tôi thì không. Vì sao? Về mặt hình thức, ít nhất đó là chứng cứ rõ rệt cho thấy sự ổn định và phát triển vững mạnh của các cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại trong hơn ba mươi năm có mặt tại những quốc độ này. Hơn nữa, sự có mặt của những ngôi chùa Việt Nam

trên đất khách quê người, ngay tại các quốc gia mà chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Ky Tô Giáo, như vậy cũng làm cho cư dân bản địa phần nào biết đến Phật Giáo Việt Nam qua hình ảnh, qua nghệ thuật kiến trúc, qua hình tượng Phật, Bồ Tát, và qua hình bóng của vị Tăng Sĩ Phật Giáo Việt Nam. Đó cũng là cách giới thiệu gián tiếp đạo Phật Việt Nam cho thế giới Tây Phương, chưa nói đến, trên thực tế có rất nhiều người Mỹ, Canada, Pháp, Đức, Úc đã trở thành Phật tử dưới sự hướng dẫn của chư tăng, ni Phật Giáo Việt Nam hành đạo tại những đất nước này.

Về mặt sinh hoạt văn hóa, đạo đức và tâm linh, dù là ngôi chùa có rất ít sinh hoạt thì cũng có thể quy tụ được một vài vị tăng, ni và vài ba chục Phật tử đến để tu học, tụng Kinh, bái sám, cử hành các lễ lộc theo truyền thống dân tộc và Phật Giáo Việt Nam. Đối với những ngôi chùa bề thế có nhiều chương trình sinh hoạt phong phú như dạy tiếng Việt cho con em người Việt, dạy võ, dạy hội họa; in ấn sách báo, kinh điển; tổ chức các buổi ra mắt hay giới thiệu các tác phẩm văn học Phật Giáo; tổ chức các buổi lễ lớn trang nghiêm và công cộng đúng truyền thống Phật Giáo Việt Nam như lễ Phật Đản, Vu Lan, Tết Nguyên Đán, Rằm Tháng Giêng, v.v...; tổ chức các thời thuyết pháp, các khóa tu học hàng tuần, hàng tháng, các ngày Thọ Bát Quan Trai, huân tu Tịnh Độ, thực tập Thiền, và các khóa tu học Phật Pháp đặc biệt, v.v...

Về mặt bảo vệ truyền thống Đạo Phật Việt Nam, tại hải ngoại, nơi mà người Việt sinh sống là lãnh địa lâu đời của Công Giáo và Tin Lành với cơ sở vật chất và phương tiện quảng bá sung mãn thì sự có mặt của tăng, ni và chùa chiền là cách tiếp cận, duy trì và phát triển đạo Phật Việt Nam cho các cộng đồng người Việt sống tha hương. Hơn nữa, con em người Việt tại hải ngoại từ tấm bé đã được giáo dục trong môi trường văn hóa và học đường khác hẳn với thế hệ cha mẹ, nghĩa là chúng rất dễ lãng quên hay bỏ hẳn truyền thống tôn giáo của giống nòi. Trong bối cảnh đó, sự có mặt của nhiều ngôi chùa ngay tại những khu vực có người Việt định cư là nhu cầu cần thiết và cấp bách. Còn nữa, sự có mặt của nhiều ngôi chùa ngay trong các khu dân cư có người Việt là điều thuận tiện cho việc đi chùa của những người cao niên không thể tự mình lái xe đi xa.

Có người nói sinh hoạt chùa chiền và nếp sống tăng, ni Việt Nam ngày nay trong và ngoài nước có vẻ như không những đi xa với truyền thống thiền môn mà còn đi ngược lại đời sống Tăng già thời Phật. Nhận định đó về mặt bề ngoài thì đúng, nhưng chắc chắn là chưa xét tới nhiều yếu tố khác rất quan trọng. Đó là yếu tố thời đại và xã hội.

Điều cần nói ngay ở đây là, sứ mệnh hoằng pháp là đem giáo pháp chuyển mê khai ngộ của đức Phật để giáo hóa quần sinh. Nhưng để thực hiện sứ mệnh ấy người tăng sĩ Phật Giáo phải dẫn thân vào cuộc đời, vào xã hội, phải đem Phật Pháp vào tận thành thị nông thôn, vào tận từng gia đình, mà không phải chờ đợi người dân đến với mình, giống như ngày xưa đức Phật đi du hóa từ làng này sang làng khác, từ thị tứ kia đến thị tứ nọ. Sự có mặt của ngôi chùa trong từng làng mạc, trong từng khu phố chính là thể hiện sứ mệnh nói trên một cách tích cực và cụ thể.

Phật Giáo lưu truyền tại thế giới này cho đến nay đã trên hai mươi lăm thế kỷ, trải qua biết bao biến thiên của thời

cuộc, biết bao thăng trầm của lịch sử, và biết bao chuyển đổi của các nền văn minh, mà vẫn tồn tại và không ngừng phát triển là vì nguyên do gì, nếu không phải dựa vào hai yếu tố bất biến và tùy duyên. Bất biến đối với lý tưởng cốt lõi giải thoát và giác ngộ, nhưng tùy duyên với thời đại và hoàn cảnh sở tại. Ngày nay, trong thế giới toàn cầu hóa, sinh hoạt thiền môn trên non cao, trong rừng sâu núi thẳm cô tịch đã không còn là phương thức kiến hiệu để mang thông điệp giải khổ của đức Phật đến cho bá tánh vạn dân. Giờ đây, trong xã hội bùng phát nhanh như hỏa tiễn của nếp sống văn minh khoa học kỹ thuật, dù là tăng sĩ hay cư sĩ cũng không thể đẩy mình ra ngoài lề cuộc đời bằng lối sống chậm tiến, lạc hậu, và cổ hủ mà mong làm tròn trọng trách hoằng dương Phật Pháp. Trong bối cảnh thời đại và xã hội như thế, chùa chiền không thể là những am tranh xiêu vẹo, bởi vì nơi đó sẽ không thể thực hiện được các Phật sự mang tầm vóc cộng đồng rộng rãi, và có sức thu hút nhiều người thuộc các thành phần và giai tầng xã hội, đặc biệt là giới trẻ.

Thế hệ tăng, ni Việt Nam đầu tiên ra nước ngoài định cư và hoằng pháp từ khoảng ba chục năm nay không phải vì miếng cơm manh áo hay vì chùa to Phật lớn mà phải tận tụy hy sinh cuộc đời tu hành của mình để lao tâm khổ tứ đi xây từng viên gạch, lấp từng vũng nước đọng, trồng từng cội tùng non hầu tạo dựng một ngôi Tam Bảo có đủ điều kiện thuận tiện và an tâm cho một đạo tràng tăng tín đồ tu học. Đó là công đức không nhỏ của những nhà truyền bá chánh pháp lúc ban đầu. Tôi đã từng chứng kiến cảnh tượng rất xúc động tại một số ngôi chùa ở Hoa Kỳ mà tôi có dịp ghé thăm, khi thấy những vị trú trì vừa là giảng sư thuyết pháp, vừa là đạo sư hướng dẫn tu học cho đồng hương Phật tử, vừa là kinh sư đáp ứng nhu cầu nghi lễ cho bà con người Việt trong vùng, vừa tự túc nấu ăn, vừa làm hương đăng dọn dẹp trong ngoài chùa, vừa công phu bái sám, nghĩa là làm tất cả mọi việc cần làm. Nếu không có những vị tăng sĩ hy sinh như thế thì ngày nay làm gì có hàng trăm ngôi chùa tại hải ngoại?

Với hoàn cảnh xã hội và sinh hoạt thiền môn ở hải ngoại, ngay cả trong nước nữa, như thế, tất nhiên, không thể nào không ảnh hưởng đến con đường tu tập của tăng, ni. Nhưng, ảnh hưởng tới mức nào và như thế nào thì còn phải tùy thuộc vào bản lãnh tu tập và nội lực tâm

linh của từng vị. Đánh giá ảnh hưởng đó lên con đường tu tập của chư tăng, ni thì không thể chỉ nhìn bề ngoài, hay chỉ nhìn thoáng qua trong một giai đoạn nào đó. Người xưa có nói rằng "cái quan định tội," nghĩa là muốn phán xét một người nào đó thì tốt nhất là hãy đợi đến lúc đầy nắp quan tài của người đó rồi hãy khẳng định.

Đề cập đến vấn đề bản lãnh tu tập và nội lực tâm linh của tăng, ni và cư sĩ tại hải ngoại, tôi xin đơn cử hai trường hợp mà tôi từng chính mắt chứng kiến cũng như từng nghe người khác chứng kiến thuật lại về sự ra đi của Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Trí Chơn (ngày 14 tháng 3 năm 2011 tại Santa Ana, California) và Cố Giáo Sư Phạm Công Thiện (ngày 8 tháng 3 năm 2011 tại Houston, Texas). Hòa Thượng Thích Trí Chơn là vị tăng sĩ Phật Giáo Việt Nam đã hy sinh mấy chục năm dài để hoằng pháp, xây dựng chùa chiền và giáo dục tăng, ni trẻ. Nhìn bề ngoài Ngài là người rất đa đoan Phật sự. Nhưng khi Ngài viên tịch thì quả thật là nội lực tâm linh và tu chứng đạt đến mức phi thường. Bệnh ung thư, sức khỏe suy kiệt trầm trọng, nhưng Ngài vẫn bình thản, tự tại. Ngài biết trước ngày ra đi. Đến giờ phút cuối cùng trước khi viên tịch Ngài rất minh mẫn và tinh tấn lạ thường. Ngài ra đi trong tinh giác và bình an. Giáo Sư Phạm Công Thiện cũng vậy, là vị cư sĩ mà hành trạng lúc sinh tiền không giống ai cả. Nhưng, đến khi lâm chung thì rất bất khả tư nghì. Ông biết trước ngày ra đi và ngay trước khi lâm chung ông còn tinh giác trí chú và bất ẩn hộ thân. Đúng là Phật Pháp rất mau nhiệm và hành trạng của chư tăng, ni cũng như cư sĩ, những vị hành trì Phật Pháp, cũng rất thậm thâm vi diệu!

Như thế thì đâu phải trong thời đại văn minh khoa học kỹ thuật vượt bậc, trong xã hội vật chất xa hoa phóng dật, trong cuộc sống mà con người bị cuốn hút theo giờ giấc và công việc lại không có những hành giả thành tựu đại nguyện và đại hạnh của bồ tát?

Để kết thúc bài viết này, tôi xin mượn mấy câu thơ nổi tiếng của Cố Thi Sĩ Huyền Không viết về ngôi chùa trong bài thơ Nhớ Chùa:

*"Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lung
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông."*

Huyền Kim Quang

Một Ngày

(...về Mẹ)

*Có một lần Mẹ ra cửa gọi con
Như ngày con thơ con nô đùa ngoài ngõ
Chợt nhớ ra con đi xa từ dạo đó
Mẹ rưng rưng ngối khóc ở bên thềm
Rồi một ngày, một ngày nữa, thật dài thêm...
Mẹ đợi con về vàng như chiếc lá
Nổi nhớ mong sao mà da diết quá!
Mẹ gọi con trong tiềm thức về ôa
Đã bao ngày cứ lặng lẽ trôi qua
Mẹ ra ngoài hiên ngối như bất động
Đổi mắt chờ con trong niềm vô vọng*



*Không khóc được nữa rồi sao mắt vẫn còn cay
Và một ngày, con sợ lắm! Ngày mai...
Khi con về thềm xưa không còn thấy Mẹ
Là lúc con biết mình không còn trẻ
Vắng Mẹ trong đời trẻ nhỏ cũng già nua.*

ĐIỀU LINH



Nhũ Mẫu (Maha Pajapati)

Ngọc Bảo

Ấn Độ có những con sông dài bắt nguồn từ những dãy núi tuyết trùng trùng điệp điệp ở thật xa. Từ thượng nguồn, giòng sông đi qua những con thác đổ, lặng lẽ trôi theo những con suối nhỏ lạnh giá, rồi cuộn cuộn chảy qua những khe núi và thung lũng, giòng nước chảy xiết càng ngày càng trở nên thẳm màu với những mảnh vụn cát đá cuốn theo, cho đến khi nó đổ vào những đồng bằng ở dưới. Ở nơi đồng bằng mênh mông con sông cũng bắt đầu mở rộng, giòng nước lạnh giá trở nên ấm áp dần, bồi lên mặt đất những phù sa cát đá màu mỡ. Giòng sông luân lưu đổi mới không ngừng giữa những tàu thuyền đi lại tấp nập trên mặt nước.

Mẹ của Phật, Hoàng hậu Maya, đã mất sớm ngay khi vừa sanh hạ ra ngài. Như những giòng sông trường giang, bà cùng người em gái là Gotami đã từ quê hương núi tuyết trên cao đi xuống đồng bằng phía dưới để về sống với vị quốc vương của thành Ca Tỳ La Vệ, một thành phố xinh tươi với những tòa nhà quét vôi màu trắng giữa những cây lá xanh mướt. Họ được quý trọng và nuông chiều hết mực; hàng ngày họ mặc áo gấm lụa lượt là, đeo những đồ trang sức quý giá, đi dạo trong vườn ngự uyển ngắm những con công xòe cánh rực rỡ bên bờ ao sen.

Maya lâm bồn trong một ngày đặc biệt đầy những hiện tượng lạ nhiệm mầu và rồi qua đời mấy ngày sau đó. Gotami ôm lấy đứa bé giữa tiếng reo hò vui mừng của mọi người, rồi khóc cho người chị quá cố trong tang lễ của hoàng hậu. Sau đó Gotami đã hạ sanh con trai riêng của bà, nhưng giao con cho người vú nuôi, còn bà tự tay nuôi nấng săn sóc cho người cháu ruột, con của Maya. Bà và nhà vua hồi hộp chờ đợi cho qua những ngày tháng bất trắc đầu tiên của đứa trẻ mới chào đời - nhưng cả hai bé đều mạnh khỏe, không có vấn đề. Đến ngày lễ đặt tên, bà ôm trên tay đứa cháu ruột, con trai của Maya và nghe nhà vua thì thầm bên tai mấy lần "Siddhartha" (Tất Đạt Đa), có nghĩa là "toàn thịnh", và con trai của Gotami được gọi là "Nanda".

Với tình thương hết mực của một người mẹ, Gotami đã tự tay chăm chút từng miếng ăn thức uống, cho đến những áo quần, trang sức cho hai đứa bé từ những bước đầu chập chững. Hai đứa trẻ lớn lên cùng với nhau. Khi cả hai được ba tuổi, Gotami hạ sanh một con gái đặt tên là Sundari-nanda. Sundari lúc nào cũng quấn quít bên mẹ, trong khi hai đứa bé trai càng ngày càng xa dần, vì phải bận rộn trong việc học hành, cả về văn lẫn võ, để trở thành người lãnh đạo tài ba sau này. Lớn lên một chút, họ bắt đầu săn sóc đến bề ngoài, vẽ những vết sạm nhỏ màu đen gần mắt, tô môi đỏ, bôi dầu thơm gỗ đàn hương lên người. Đến tuổi thanh niên, họ để râu, vẫn khăn quanh đầu, lịch lãm trong những bộ trang phục sang trọng thêu chỉ vàng.

Họ trở thành những vị hoàng tử trẻ có cung điện riêng biệt với nhiều cung tần mỹ nữ. Khi Tất Đạt Đa được

hai mươi chín tuổi, chàng kết hôn với Yasodhara, một nàng công chúa nổi tiếng đẹp tuyệt trần.

Suốt trong những năm tháng ấy, Gotami đã biết đứa cháu trai của bà có điều gì không an ổn trong tâm. Tính tình ít nói, trầm mặc, chàng như lúc nào cũng ở một thế giới sâu kín nào đó, ít khi nào tận hưởng hoàn toàn những thú vui trước mắt. Và rồi bất ngờ một đêm, Tất Đạt Đa đã lặng lẽ biến mất khỏi cung điện, gởi trả về theo người xa nặc mớ tóc dài mới cắt và những quần áo sang trọng. Tất Đạt Đa ra đi dứt bỏ hết những duyên ái ràng buộc, ngay khi Yasodhara vừa hạ sanh đứa con trai đặt tên là Rahula (La Hầu La). Gotami đã khóc hết nước mắt, tưởng chừng như không bao giờ gặp lại đứa cháu ruột, đứa con nuôi thân yêu.

Bảy năm sau, Tất Đạt Đa trở về thành Ca Tỳ La Vệ, một con người mới hoàn toàn. Tất Đạt Đa của ngày xưa không còn nữa, bây giờ đã trở thành một bậc Giác Ngộ, được gọi là Đức Phật, Đức Thế Tôn. Vua Tịnh Phạn và Gotami cho làm lễ tiếp đón ngài trọng thể, tuy nhiên, một số vị trưởng thượng trong bộ tộc Thích Ca vốn kiêu mạn tỏ vẻ không khâm phục. Đức Phật quy phục họ bằng cách thị hiện thần thông, phân thân làm nước và lửa, rồi cho mưa từ trên bầu trời trong sáng rơi xuống chỉ tưới ướt một số người. Yasodhara cho người ra cúng dường Đức Phật, nhưng không đi đón, đợi Đức Phật đích thân về đến cung điện mới bước ra cung nghinh ngài. Tất cả mọi người đều hoan hỉ nghe Đức Phật thuyết về những chân lý đã tỏ ngộ, và dốc lòng quy y ngay theo ngài.

Rồi Đức Phật ra đi, mang theo Nanda và người em họ là Ananda đi cùng. Rahula, lúc đó đã bảy tuổi, quyến luyến đi theo cha và ở lại với ngài. Gotami lại khóc hết nước mắt, bà thấy tuổi già đang đến và cảm thấy cô đơn hơn bao giờ. Chẳng bao lâu sau, vua Tịnh Phạn cũng băng hà, để lại bà và Sundari-Nanda hoàn toàn lẻ loi. Cũng từ đó, Gotami càng ngày càng lãnh vai trò chỉ đạo hơn, nhất là đối với những phụ nữ yếu đuối tìm đến bà. Do đó, bà bắt đầu được gọi là Maha Pajapati, có nghĩa là "thủ lãnh của một đám đông".

Mùa thu đến, thời tiết bắt đầu mát dần, mặt đất cũng khô đi sau những ngày mưa dầm dề của mùa hạ. Đức Phật một lần nữa lại trở về Ca Tỳ La Vệ để tìm cách ngăn ngừa chiến tranh giữa hai bộ tộc Koliya và Thích Ca. Pajapati, lúc đó đã phát tâm muốn xuất gia, bèn yêu cầu được diện kiến Đức Phật. Khi ngài đưa tay ra đỡ lấy bà, người mẹ, người dì đã nuôi dưỡng ngài từ thuở ấu thơ, bà ngỏ lời cầu xin:

"Bạch Thế Tôn", bà nói, đôi giòng lệ tuôn rơi, "xin ngài chấp nhận cho tôi đi theo, cho hàng phụ nữ được gia nhập Tăng đoàn, sống trong khuôn khổ của Giáo Pháp."

Ngài nhìn bà lòng đầy thương cảm, nhưng dường như có một khoảng cách xa xôi giữa hai người. Ngài đã vượt qua mọi nỗi cô đơn của một con người, nhưng biết rằng con đường ngài đi

theo đó là một cuộc hành trình cô đơn, đầy cam go thử thách - và khi đạt được cứu cánh rồi vẫn không phải là chấm dứt, mà còn tiếp tục mãi mãi. Tuy ngài là một bậc giác ngộ, đã thành Phật nhưng vẫn là một con người, vẫn ở trong những điều kiện duyên hợp và tương đối của đời sống. "Phật Pháp không lìa thế gian giác" - giác ngộ không phải là một bảo vật quý giá để thụ đắc và nắm giữ, mà là một cái gì sinh động nơi tâm, phải được thâm nhập, khai phá, và luân chuyển với thực tại trước mắt. Đức Phật nhận biết rõ hơn ai hết về tánh Không, tánh bình đẳng và không phân biệt nơi vạn pháp. Nhưng với trí tuệ thấu suốt, ngài cũng nhìn thấy sự phức tạp trong môi trường sống của con người, với những liên hệ nhân quả chẳng chịt, và ảnh hưởng của những thói quen tập quán trong xã hội. Tuy tánh Phật không khác, nhưng con người sinh ra với tính khí chất khác nhau, nên được xếp đặt những vai trò khác nhau. Người nam mạnh mẽ, cương cường, nên đảm nhiệm việc gây dựng sự nghiệp, xông pha tranh đấu ngoài trường đời. Người nữ vốn yếu mềm hơn về thể chất lẫn tinh thần, nên ở nhà lo việc tề gia nội trợ, nuôi dưỡng gia đình. Xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ còn nặng nề nhiều thành kiến và giai cấp. Một phụ nữ bỏ nhà ra đi sống đời lang thang sẽ bị nhìn với con mắt đầy nghi kỵ và thiếu thiện cảm. Trách nhiệm tinh thần đặt nặng lên vai ngài cho những sự thay đổi có tính cách cách mạng trong xã hội.

Và lại, bà là nhũ mẫu, lại già rồi, bỏ nhà ra đi thật không thích hợp chút nào, không những thế còn phải đối đầu với biết bao nhiêu gian khổ nữa.

Ngài từ tốn nói: "Pajapati, xin người bỏ ý định đó đi. Điều đó không thể nào được đâu."

Nhưng bà vẫn tiếp tục. "Bạch Thế Tôn, ngài có biết là bây giờ chúng tôi hoàn toàn bơ vơ, không còn gì để nương tựa, không còn gì để luyện tiếu nữa không? Tất cả mọi thứ trên thế gian này đều vô thường, giả tạm, có đó rồi mất đó. Giáo pháp ngài tuyên giảng là con đường giải thoát mở ra cho mọi người. Xin chấp nhận cho chúng tôi được xuất gia theo ngài tu tập, sống cuộc đời thanh tịnh trong khuôn khổ tăng đoàn."

"Thôi đi, người đừng nói nữa", Ngài lại nói. "Phụ nữ phải ở lại nhà. Thế giới này sẽ ra làm sao nếu phụ nữ không ở nhà lo tề gia nội trợ?"

Bà lại năn nỉ xin mấy lần nữa, nhưng Ngài vẫn từ chối. Rồi ngài ra đi về thành Vesali cùng với tăng đoàn, và bà bị bỏ lại đằng sau.

Cùng lúc đó, những phụ nữ càng ngày càng tìm đến Pajapati, có khi từng đoàn

một, để xin được giúp đỡ và hỗ trợ, vì giờ đây họ trông trải một mình, chẳng còn chồng hay con trai - đó là không kể đám cung tần mỹ nữ trong cung ngày xưa giờ đây đã trở thành mất phương hướng. Tất Đạt Đa trở về đã đem theo đi một số lớn những người con trai, những người chồng trong bộ tộc Thích Ca gia nhập vào tăng đoàn, khiến đám phụ nữ trở thành cô quả, sống cuộc đời như góa bụa. Rồi chiến tranh xảy ra giữa bộ tộc Koliya và Thích Ca, làm chết thêm nhiều người nam trong vùng. Các góa phụ tìm đến Pajapati có đến 500 người, tất cả đều cô đơn không còn ai, chỉ còn biết nương vào nhau mà sống.

Pajapati đã có nhiều công đức tích lũy từ nhiều quốc độ Phật trong thời quá khứ. Khi là người đứng đầu một ngũ nô lệ gánh nước, bà đã săn sóc cho năm vị Bích Chi Phật. Trong một kiếp khác, bà đã cúng dường 500 vị Phật Bích Chi. Chàng tử xa xưa đó đã khiến bà lãnh hội được ngay những lời giảng của Đức Phật. Xuất gia không phải chỉ là một ước muốn thay đổi hoàn cảnh, mà là một chí nguyện thiết tha muốn được giải thoát khỏi vô minh phiền não, luân hồi sinh tử. Bà là người có nhiều năng lực - có sự nhất tâm, toàn ý, với một nguồn ý chí mạnh mẽ vô tận. Pajapati ngồi xuống dưới đất cạo bỏ mái tóc của mình, rồi choàng lên người những mảnh vải màu vàng. Yasodhara, giờ đây không có chồng, cũng chẳng còn con, cũng làm theo, tiếp đó là Sundari-nanda, và một số cung phi mỹ nữ, cùng 500 người đàn bà khác đều làm như vậy. Rồi họ bắt đầu lên đường đi về hướng thành Visali.

Những làng mạc lúc ấy như những áp chiến lược với hàng rào bao bọc chung quanh để ngăn chặn những con thú dữ như hổ, voi rừng đến xâm nhập, ngay cả những kẻ xấu. Đoàn người nữ đông đảo này đi qua nhiều làng mạc khác nhau, đôi khi nghĩ lại nơi những nhà khách, gây sự chú ý ở các địa phương, đi đến đâu dân chúng ồn ào tụ tập lại đến thăm hỏi họ. Họ băng qua những con sông lạch, vòng qua những hồ nước, lội qua những cánh đồng đầy nước bùn lầy. Họ ngủ dưới những cây khuyh điệp và cây butô, hay dưới những bụi tre trúc, và đôi khi, họ phải lội xuống suối để giặt quần áo, gặp những con cá sấu, con tê giác đang bơi trên sông. Ngày qua ngày, họ lê từng bước chân mệt mỏi vượt qua cuộc hành trình 150 dặm, nếm mùi gian khổ chưa từng có với những mệnh phụ, những công nương cao quý sống một cuộc đời nhung lụa êm ấm từ trước tới nay.





Khi họ đến Visali, đám người đàn bà đứng trước cổng tịnh xá, Pajapati đứng phía trước, thân hình tiều tụy, quần áo rách nát lấm lem, đôi chân đất sưng vù chảy máu với những vết trầy xước. Cánh cổng đóng chặt, đám người nữ tui thân, than khóc sâu thẳm. Mọi người trong thành bắt đầu chú ý, đến tụ tập chung quanh. Nghe tiếng ồn ào, Đại đức Ananda bước ra hỏi thăm:

"Lệnh Bà Pajapati, tại sao người lại đến đây khóc than như vậy?"

"Ananda, vì Đức Thế Tôn không cho phụ nữ chúng tôi được gia nhập tăng đoàn! Xin hãy giúp chúng tôi, nói dùm với Đức Thế Tôn chấp nhận chúng tôi đi!"

Nhìn Pajapati khóc lóc thảm thiết, Ananda động lòng thương xót, vào gặp Phật năn nỉ xin ba lần, cố tìm cách thuyết phục ngài chấp nhận cho họ được xuất gia, nhưng Đức Phật vẫn nhất mực từ chối. Cuối cùng, Ananda hỏi Phật:

"Bạch Thế Tôn, người nữ có khả năng giác ngộ, thành tựu đạo quả không, nếu họ cũng từ bỏ đời sống thế tục mà xuất gia sống khép mình trong khuôn khổ của giáo pháp và giới luật mà ngài đã đề ra?"

Phật trả lời rằng người nữ có khả năng làm được.

Ananda nghe vậy cảm thấy khích lệ, bèn bồi thêm:

"Bạch Thế Tôn, theo như ngài nói người nữ có khả năng tu tập để thành tựu đạo quả, như vậy thì Lệnh Bà Pajapati cũng có thể làm được điều đó. Và lại, bà đã có công nuôi dưỡng ngài từ nhỏ bằng chính sữa của mình, đã chăm lo cho ngài với biết bao nhiêu ân tình. Nay bà đã từ bỏ tất cả, không kể tuổi già sức yếu chịu bao gian khổ để đến đây, lẽ nào ngài nữ lòng nào từ chối? Nếu Thế Tôn chấp nhận bà thì đó cũng là một đại hạnh cho nữ giới được có cơ hội xuất gia theo tăng đoàn, sống trong khuôn khổ giáo pháp và giới luật mà Đức Như Lai đã tuyên dương."

Với những lời nói tâm lý đó, Ananda đã thuyết phục được Đức Phật. Ngài đành phải chấp nhận cho Mahapajapati và phái đoàn phụ nữ được xuất gia, với điều kiện phải tuân theo Bát Kinh Pháp, trong đó tỷ kheo ni phải hoàn toàn chịu phục tùng và ở vị trí thấp hơn tỷ kheo, dù đó là người nhỏ hơn rất nhiều.

Giới luật của tăng đoàn khởi đầu chỉ có bốn giới, dần dần qua những lỗi lầm các đệ tử đã phạm, Đức Phật tăng lên càng ngày càng nhiều. Khi chấp nhận Mahajapati, ngài còn đặt thêm 84 điều luật nghiêm ngặt riêng cho các tỷ kheo ni, ngoài 277 giới luật có sẵn. Đức Phật có bất công đối với nữ giới hay không? Làm sao chúng ta, với tầm nhìn hạn hẹp, có thể phán đoán được hành vi của một vị Phật, một bậc giác ngộ đã vượt khỏi những phân biệt đối đãi thường tình? Có điều chắc chắn là, tầm nhìn của ngài không phải chỉ hạn hẹp với những gì trước mắt, mà bao trùm một tương lai dài rộng, cho đến nhiều thế kỷ về sau. Theo tiên đoán của ngài, giáo pháp của Đức Thích Ca sẽ bị diệt vong sớm 500 năm, nếu nữ giới được xuất gia và sống trong khuôn khổ tăng đoàn. Thiên cơ như thế nào, có lẽ chỉ có Đức Phật mới biết được. Ngài đã cố

tìm cách ngăn chặn không để cho điều ấy có thể xảy ra – tuy nhiên, khi không còn có thể từ chối được Mahapajapati, ngài chỉ còn cách cứu vãn bằng những hàng rào cản của giới luật.

Tất cả những giới luật Đức Phật đặt ra đó không làm suy yếu Mahapajapati. Từ nhiều kiếp trước bà đã có cơ duyên gặp gỡ những vị Phật và đã phát nguyện một ngày nào đó cũng sẽ trở thành một vị A La Hán. Nay nhân duyên đã đến, tâm nguyện xưa càng kiên cố hơn bao giờ hết, không gì có thể làm cản trở được. Bà nói lớn: "Được rồi! Tôi sẽ chấp nhận và giữ gìn những giới luật này như đang đeo một vòng hoa sen quý trên đầu vậy!"

Thế là từ đó, bộ mặt của các đường phố trong vùng thay đổi với hình bóng những tỷ kheo ni trong chiếc áo vàng, đầu cao trọc, ngày ngày đi khất thực quanh các làng mạc. Họ chia ra từng cặp, có khi từng nhóm, ở trong những mái nhà tranh vách đất. Một số ít còn ở một mình trong rừng, ngủ dưới các tàng cây như phải nam. Họ chấp nhận sống cuộc đời kham khổ, tuân thủ theo những giới luật nghiêm khắc do Đức Phật đặt ra.

Ngày xưa, Gotami đã bế ẵm, ân cần nuôi nấng, dạy dỗ Tất Đạt Đa, ngày nay, bà học lại từ ngài những chân lý cao siêu giải thoát. Phật dạy:

"Này Gotami, nếu pháp môn nào đưa đến khát vọng mong cầu, ngã mạn, ưa thích chốn phồn hoa náo nhiệt, không làm cho an vui, không gợi lên niềm tôn kính, không làm cho tinh tấn và có trí tuệ đạo hạnh, pháp môn ấy không phải là Chánh Pháp, không phải là Giới Luật của Như Lai. Còn bất luận pháp môn nào không đưa đến khát vọng mong cầu, không ngã mạn, làm cho an vui, ưa thích nơi yên tĩnh thanh tịnh, gợi lên niềm tôn kính, làm cho tinh tấn và có trí tuệ đạo hạnh, thì đó đúng là Chánh Pháp, là Giới Luật của Như Lai."

Gotami tận dụng mọi cơ hội để tu học với Đức Phật, nhất tâm tọa thiền, chẳng bao lâu chứng được đạo quả A La Hán. Các mệnh phụ dòng Thích Ca cùng xuất gia với bà cũng đều được đắc quả như vậy. Nhưng trong hàng nữ đệ tử của Phật, bà được liệt vào hàng "Cao Hạ Đệ Nhất" với khả năng vượt trội, đạt được sự chứng ngộ sâu xa nhất. Bà trình lên Đức Phật: "Nay tôi ở trong không lặng hoàn toàn" – sự không lặng của trạng thái Niết Bàn tịch tịnh trong thiền định. Nhìn lại đoạn đường đã trải qua từ vô số kiếp, bà nói kệ như sau:

Từ bao kiếp nay

Tôi đã lang thang

Là vợ, là mẹ, là con,

Là cha, là anh, là ông nội, ông ngoại

Trong vô minh, không biết, không hiểu

Nay được gặp Thế Tôn

Tất cả đều đoạn diệt

Thân này là thân cuối cùng

Sanh tử sẽ không còn trở lại!

Vài năm sau đó bà thỉnh cầu Đức Phật cho điều chỉnh lại giới luật để được bình đẳng hơn giữa nam và nữ tỷ kheo, nhưng ngài đã cương quyết từ chối.

Pajapati sống đến 120 tuổi. Một ngày nọ, thấy trong người yếu mệt, biết duyên trần đã dứt, bà xin Đức Phật cho bà được nhập diệt. Lúc đó mặt đất rung chuyển dữ dội, trời mưa như trút nước—mưa như nước mắt khóc thương của những người ở lại. Đức Phật đến, chứng minh cho bà được nhập Niết Bàn.

Lúc ấy, những hiện tượng lạ xảy ra—Gotami tự phân ra thành nhiều thân, hòa vào trong hư không, bay bổng bồng bềnh, lướt trên ngọn cây, tỏa năng lượng đầy sức nóng. Rồi bà nằm xuống, vượt qua các tầng thiền sâu kín trong tiến trình nhập diệt, như một vị Phật.

Hoa trời là tả rơi, các ngọn núi đều chuyển động, và trong ngày tang lễ, mặt trời, trăng và sao đồng xuất hiện một lúc. Sau lễ trà tỳ, xá lợi của bà để lại nhiều vô số, được Ananda gom lại đem giao cho Đức Phật.

Ngài nói: "Pajapati là một thân đại thụ trong cây của Ni Đoàn."



Mẹ

"Àu... ơ!... Gió đưa cây cải về trời
Rau răm ở lại chịu đời đắng cay!"

*Những ngày thơ ấu ngỡ xa xăm
Nay bỗng hoà theo ánh trắng răm
Long lanh đáy mắt soi ký ức
Vạn lời cảm tạ Mẹ ân thâm*

*Ngày Ba cùng Mẹ kết trăm năm
Những tưởng đẹp đôi duyên sắc cảm
Con út ra đời hai tháng tuổi
Vĩ đâu chia cách kẻ dương - âm?*

*Từ đó bốn ba vai Mẹ gầy
Thân cô lặn lội suốt đêm ngày
Bán buôn tần tảo nuôi bầy trẻ
Âm thầm Mẹ nuốt lệ mi cay*

*Còn đâu sắc thắm của giai nhân
Má đỏ môi son đẹp tuyệt trần
Một thời ong bướm lao xao tới
Thủy chung lòng Mẹ chỉ nhất tâm*

*Đêm đêm đến chùa tụng Pháp Hoa
Mẹ bế con theo, nhỏ nhất nhà
Thâm nhập kinh văn từ thuở ấy
Tám tuổi con đầu Phật xuất gia*

*Mẹ ngăn dòng lệ phút chia ly:
"Con út Mẹ ngoan chẳng ai bì
Gắng công tinh tấn lo tu học
Trí tuệ trau dồi nhớ khắc ghi!"*

*Năm tháng trôi qua ôi! thật nhanh
Thoáng chốc nay con đã trưởng thành
Biết đâu đánh đổi thanh xuân Mẹ
Bằng suốt thời gian việc học hành*

*Còn biết bao câu chuyện về Người
Bút mực nào tả hết Mẹ ơi!
Nay con chỉ chạnh lòng nhớ lại
Mấy chuyện vu vơ nhỏ nhặt thôi!*

*Nửa vòng trái đất có là xa?
Bên con bình minh chim hát ca
Bên Mẹ hoàng hôn mưa lất phất
Cầu mong sức khoẻ Mẹ an hoà*

*Vu Lan này con vẫn tự hào
Hoa hồng trên áo đẹp thanh cao
Nâng niu, trân quý ôi! tình Mẹ
Nguồn suối mát trong mãi ngọt ngào.*

"À ... ơ ! ... Mỗi đêm mỗi thắp đèn trời
Cầu cho cha mẹ sống đời với con."

July 24th 2011

TƯỜNG VÂN



ĐẠO PHẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

THEO QUAN ĐIỂM CỦA NHỮNG NHÀ BÌNH LUẬN PHƯƠNG TÂY

Thích nữ Tịnh Quang trích dịch

Hai nghìn năm trước, nhân loại không có kinh nghiệm với sự đe dọa nghiêm trọng thực sự đối với sự sống còn của mình. Khi bước vào thiên niên kỷ này, chúng ta có một sự khủng hoảng ngày càng tệ hơn về môi trường của trái đất, và điều này đã làm dấy lên một sự đe dọa thực sự đối với sự tồn tại của con người trên quy mô toàn cầu. Hệ sinh thái của trái đất có cơ nguy cơ thoái hóa nếu sự suy thoái của môi trường không được lùi lại. Sự suy thoái của trái đất sẽ để lại hệ sinh thái của nó trong tình trạng mất thăng bằng này và sẽ khiến trái đất không thể thích hợp cho sự sống con người tồn tại. Vấn đề môi trường tiếp tục nổi rộng qui mô thông qua các vấn đề như ô nhiễm biển, hiệu ứng nhà kính và sự tàn phá các khu rừng với mức độ lớn do nền văn minh vật chất đã được thúc đẩy xuyên qua những tiến bộ trong khoa học và công nghệ. Nếu không dừng lại được sự ảnh hưởng của chu kỳ phá hoại này, thì con người cần phải xét lại cách sống của mình và những giá trị đạo đức liên quan đến việc sống với môi trường thiên nhiên (Damien 2003).

Vấn đề ô nhiễm môi trường vẫn tiếp tục gây ra mối đe dọa đối với sức khỏe của chúng ta xuyên qua sự biến đổi về khí hậu và trái đất ngày càng nóng dần lên; sự kiện này đã tác động đến ý thức bảo vệ môi trường nâng lên toàn cầu. Tuy nhiên, điều này là một trong những giới luật cơ bản được đặt ra bởi Đức Phật khoảng hơn hai mươi lăm thế kỷ trước cho Phật tử thực hành, đạo Phật đã tồn tại hàng nghìn năm, những sơn lâm tự được thành lập trong các khu rừng và đồi núi đã chứng tỏ rằng cuộc sống hài hòa với thiên nhiên của đạo Phật. (Barua & Basilio 2009).

Với quan điểm rằng đạo Phật đại diện cho con đường tử bi, vị khai sáng đạo Phật là bao hàm tổng thể của lòng tử bi đó, vì vậy ngài được nhìn một cách tôn kính như là một bậc bảo hộ cho tất cả chúng sinh với tấm lòng tử bi. Những lời dạy của Đức Phật cho các môn đồ được nhấn mạnh vào việc thực thi lòng yêu thương, tránh làm thương tổn đến bất kỳ hình thái nào của sự sống trên trái đất. Theo học thuyết này, việc bảo hộ tất cả các dạng hình thái của sự sống không những tốt đẹp đối với phúc lợi của con người mà còn bảo hộ cho các loài động vật và thực vật khác. Do vậy triết học Phật giáo quan niệm rằng tất cả dạng sống trong vũ trụ là các thực thể bình đẳng trong tự nhiên, và sự sống của tất cả con người, động vật và thực vật trong thế giới này đều có sự quan hệ với nhau, phụ thuộc vào nhau và phát triển tương quan với nhau (Sahni, 2008).

Sự Tương Quan giữa Đạo Phật và Môi Trường

Với mục đích khảo cứu phương pháp mà đạo Phật và sự bảo vệ môi trường có sự liên đới lẫn nhau, điều

này rất cần thiết để quan tâm đến khái niệm tất yếu đầu tiên trong học thuyết đạo Phật. Theo đạo Phật, vấn đề môi trường thì không thể lãng tránh được. Triết lý Sơ khởi và Phát triển của đạo Phật đều quan tâm đến môi trường mà chúng ta đang sống, hoặc các hiện tượng tự nhiên mà chúng ta kinh nghiệm, như vô thường, khổ, không và vô ngã, và những hình thái không thể biết được về trạng thái biến chuyển của thiên nhiên. (Yamamoto & Kuwarhaha, 2009).

Đạo Phật nhìn nhận thiên nhiên như là nền tảng cho sự sống xuyên qua quan điểm tích cực. Thí dụ, khái niệm về tính Bất nhị của đạo Phật về đời sống và môi trường cùng phát sinh trong sự tùy thuộc là thường được đề cập đến trong Giáo pháp. Khái niệm này cho rằng sự sống và môi trường của chính nó thì ở trong bản chất hai hiện tượng khác biệt, nhưng chúng nó vốn là bất nhị (không tách rời nhau) trong ý nghĩa căn bản. Các tư tưởng Phật học nền tảng khác được biết như là lý Duyên sinh, trong đó cho rằng không có sự vật nào tồn tại và vận hành một cách độc lập, mà là mỗi một thực thể tồn tại vì sự tương quan mà nó có với những cái khác trong môi trường, hoặc những điều kiện liên hệ đến các thể thức khác ở trong trái đất. Về cơ bản, từ khái niệm này đạo Phật mang lại những giá trị quý báu đối với môi trường, cũng như quan điểm của đạo Phật cho phép việc nghiên cứu môi trường và thiên nhiên nói chung như là thành phần thiết yếu của một hệ thống cân bằng sự phức tạp và rắc rối. Hơn nữa, vì tình trạng phá hoại môi sinh có quan hệ với sự tàn phá của con người, bằng học thuyết Bất nhị của sự sống và môi trường của chính nó, sự ngăn chặn việc tàn phá môi trường trở nên căn bản (Yamamoto & Kuwahara, 2009).

Học thuyết Duy thức trong đạo Phật Đại thừa cho thấy rằng tâm thức tâm trong lĩnh vực tâm thức của con người có quan hệ cùng với thế giới vật lý sống ngòi, núi rừng và đất đai, do đó sự tàn phá môi trường chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến tâm thức sâu sắc của con người, nên đạo Phật chỉ ra mối quan hệ đa dạng ngoài ý thức tồn tại của con người và môi trường xung quanh con người. Vì vậy theo đức tin của người Phật tử, những thách thức về môi trường sẽ gây ra đau khổ cùng với sự ô nhiễm môi sinh và sự suy thoái được thực hiện bởi bất kỳ tình trạng trực tiếp hay gián tiếp sẽ ảnh hưởng đến sự tồn tại của mọi loài hoặc những hình thái của sự sống trên thế giới. Vì tác động đến sự sống, điều quan trọng để loại bỏ tai họa đối với sự hủy diệt môi trường là xuyên qua học thuyết về việc thực tập hạnh Bồ tát để liễu đạt phương pháp (Shahni, 2008).

Hiện nay sự khát khao đối với vật chất của con người có thể được cho là một điều kiện cần thiết để duy trì và phát triển hệ thống Xã hội Kinh tế trong xã hội, vì vậy những thách thức môi trường không chỉ là sự thể hiện của cái xấu hoặc những sự tham muốn tiêu cực và tham đắm, tuy nhiên chúng nó được

xem như là nguyên nhân và biểu hiện của việc tăng trưởng sự tham đắm tiêu cực, vì vậy điều cần thiết cho việc thực hành lý thuyết của đạo Phật là để vượt qua những tham đắm tiêu cực này và làm thay đổi hệ thống Xã hội kinh tế. Triết học hay tư tưởng hiện tại của đạo Phật là việc xuất hiện của vấn đề môi trường và hiện tượng thiên nhiên ấy thì không thể tránh được. Tuy nhiên, mục tiêu của đạo Phật là để vượt qua những thách thức này như đã diễn tả ở trên (Barua & Basilio 2009).

Phương Pháp để Vượt Qua Những Thách Thức Môi trường của Phật Giáo

Sự thay đổi xã hội có thể thúc đẩy con người quản chế những thách thức thuộc về môi trường, hoặc đối phó với những hiện tượng tự nhiên mà đạo Phật đã đưa ra những yêu cầu, dù rằng nó không phải là một cuộc cách mạng toàn diện, nhưng đúng hơn nó phải là sự thay đổi nhịp nhàng có hệ thống vững chắc. Sự thay đổi mà đạo Phật cung cấp tương tự như câu nói nổi tiếng của một nhà sư bình dân tại Ấn Độ và được biết đến như Mahatma Gandhi, ông ta phát biểu rằng: "Những cuộc di chuyển tốt ngay nơi bước chân (chậm chạp) của con ốc sên." Điều này gợi ý rằng thành quả của một cuộc cách mạng xã hội với sự quan hệ đến những thách thức môi trường khởi động từ một người, rồi với nhiều người để bắt đầu cho việc chấp nhận vấn đề môi trường xuyên qua sự cân nhắc của các cá nhân đó, sự giáo dục chính là tối ưu. Quan điểm của đạo Phật cho rằng giáo dục là công cụ/tài nguyên duy nhất có thể cung cấp động lực cho nhận thức này khi vấn đề môi trường bắt đầu ảnh hưởng trực tiếp vào đời sống chúng ta như những trở ngại thuộc về của mỗi cá nhân (Sweare, 2005).

Vì vậy, điều quan trọng là giúp mọi người đạt được sự hiểu biết và nhận thức sâu hơn về những thách thức môi trường. Từ quan điểm đạo Phật, ý thức sự xuất hiện của hiện tượng thiên nhiên là phù hợp với học thuyết của giáo lý Tương tức-mọi vật trong thế giới này đều liên kết với nhau, vì vậy nguyên lý cơ bản để ổn định thế giới của chúng ta chủ yếu quan hệ đến sự cộng sinh với đa sinh học trong tự nhiên. Hơn nữa, giáo lý của đạo Phật có quan niệm rằng

khi chúng ta có ý thức và hiểu biết về tự nhiên và những nguyên nhân của vấn đề môi trường, chúng ta sẽ đánh giá lại lối sống hiện tại của mình trong khi nuôi dưỡng những nền móng của giá trị và đạo đức, vì lý do đó đạo Phật yêu cầu chúng ta có trách nhiệm đối với thiên nhiên cũng như với các thể hệ tương lai khác. Cuối cùng, điểm mấu chốt để giảm thiểu những thách thức môi trường bằng sự kết hợp với giáo dục của đạo Phật, như thể đảm bảo rằng mỗi người chịu trách nhiệm cá nhân của mình với mục tiêu hiểu biết vấn đề và là một phần của giải pháp. Ngoài ra thông điệp của Đức Phật dành cho mọi người và xã hội nói chung sẽ giúp họ hướng dẫn đời sống của mình trong một phương cách tương tự (Damien, 2003).

Buddhism and the Environment from the Viewpoint of the Western Commentators

Collected by *Thich nu Tinh Quang*

In the past two millennia, humanity has not experienced a truly serious threat to their survival. As we begin this millennium, there is an increasingly worsening crisis in the earth's environment, and this has aroused a real threat to human existence on a global scale. It is likely that the earth's ecosystem will degenerate if environmental degradation will not be reversed. Degeneration of the earth will leave the earth's ecosystem in a state of imbalance which will render it impossible for the human race to exist. Environmental problems continue to expand in scale through environmental problems like marine pollution, green house gasses and the destruction of forests to a large extent due to the materialistic civilization which has been fuelled by advances in science and technology. Humanity has to therefore re-examine their lifestyles and ethical values regarding living with nature if it is ever to break free the hold of this destructive cycle (Damien, 2003).

As the issue of environmental pollution continues to pose a threat to our



health through global warming and climate change, it has led to increased awareness of environmental protection globally. However, this is among the basic laws that were set out by Buddha, about 25 centuries ago for Buddhists to follow. For the thousands of years that Buddhism has existed, the Buddhist forest monasteries, being established in the forests and mountains have manifested harmonious living with nature. (Barua, & Basilio 2009).

Due to the notion that Buddhism represents a way of compassion, the founder of the Buddhist faith entrenched a total compassion, and thus he is therefore respectfully viewed as the protector of all beings, who is also compassionate. Buddha's teachings to his followers stressed on the practice of loving-kindness, to avoid harming any form of life on earth. According to this doctrine, protecting all forms of life is not only good for the wellbeing of mankind, but also for the protection of animals and vegetation. This Buddhist philosophy therefore views all life forms in the universe as equal entities in nature, and in this world, the lives of all people, animals and plants is interrelated, dependent on each other, and has to develop in a mutual fashion (Sahni, 2008).

The Relationship between Buddhism and the Environment

In order to study how Buddhism and environmental protection are interrelated, it is essential to first consider the concept of inevitability in Buddhist doctrines. In Buddhist philosophy, environmental problems are not inevitable, expetive or essential. Early Buddhist philosophies consider the environment that we live in or the natural phenomena that we experience as suffering, void, impermanence and non-self, and the incomprehensible form of nature's transitory state (Yamamoto & Kuwahara, 2009).

Currently Buddhism recognizes nature as fundamental to life through a positive manner. For example, Buddhist concepts like the non-duality of life and its environment and the origination in dependence are commonly referred to in Buddhist teachings. This concept purports that life and its environment are in essence two very different phenomena, but also that they are non-dual in the basic sense. The other fundamental Buddhist ideology is known as the origination in dependence concept, which poses that any living entity does not exist and act independently, but rather every entity exists because of the relationship it has with others in the environment, or the conditions that relate to other entities within the earth. Essentially, these concepts from Buddhism bring out the precious value of the environment, as well as in the Buddhist view enables one to examine the environment and nature in general as an essential component of a complex and intricate balanced system. In addition, because environmental destruction is interconnected to personal destruction through the non-duality of life and its environment, preventing environmental degradation becomes fundamental (Yamamoto & Kuwahara, 2009).

The consciousness-only doctrine in Mahayana Buddhism indicates that the eight alaya-consciousness (alayashiki) in the realm of human's consciousness is interrelated to the physical world such as rivers, mountains forests and earth.

Consequently environmental destruction will definitely affect the deep human consciousness. Buddhism therefore points to an intricate relationship, beyond a consciousness of human existence and their natural surroundings. Therefore, according to the Buddhist faith, environmental challenges will cause suffering while the environmental pollution and degradation undertaken by any being directly and indirectly affect the existence of all beings or form of life in the world. Because all life is affected, it is important to remove the affliction of environmental destruction in order for the theoretical way of practicing Bodhisattva to be attained (Sahni, 2008).

Currently, the desire of material things by humans can be said to be a necessary condition in order to maintain and develop the socioeconomic system in society. Therefore, environmental challenges are not only a depiction of evil or negative desires and passions, but they are viewed as a cause and manifestation of increasing negative passions. It is therefore necessary for the theoretical practice of Buddhism to overcome these negative passions, and to alter the socioeconomic system. The current Buddhist philosophy or ideology is that the occurrence of natural phenomena and environmental problems are inevitable. However, the purpose of Buddhism is to overcome these challenges as described above (Barua, & Basilio 2009).

How Buddhism Overcomes Environmental Challenges

The social change that would enable humanity manage environmental challenges, or deal with natural phenomena that Buddhism offers proposes that it cannot be a radical revolution, but rather it should be a gradually sustained systematic change. The change that Buddhism offers is similar to a famous quote by a popular Buddhist monk in India known as Mahatma Gandhi. He stated that "Good travels at a snail's pace". It suggests that the accomplishment of a social revolution with regard to environmental challenges starts with one person. For individual people to begin accepting environmental problems as their personal concern, education is vital. The Buddhist perspective suggests that education is the only tool/resource which can provide the impetus for this awareness when environmental problems begin to directly affect our lives as personal problems (Swearer, 2005).

It is therefore important for people to gain a deeper understanding and awareness of environmental challenges. From a Buddhist perspective, recognizing the occurrence of natural phenomena is justified by the doctrine of origination in dependence where everything in this world is connected. Thus the main principles for sustaining our world are essentially linked to symbiosis and biodiversity in nature. The Buddhist perspective further has the view that when we shall get to understand and be aware of nature and the causes of environmental problems, we shall start to re-evaluate our present lifestyles while nurturing the foundations of values and ethics, thus enabling us to become responsible towards nature, as well as for other future generations.

Finally, a substantial point for mitigating environmental challenges and incorporating Buddhism in such education is by ensuring that each individual takes personal responsibility with the aim of understanding the problem and being part of the solution. In addition, the Buddha message to individuals and the society in general will enable them to conduct their lives in a similar manner (Damien, 2003).

References:

- Barua, M., & Basilio, A. (2009). *Buddhist Approach to Protect the Environment in Perspective of Green Buddhism*. Retrieved from <http://mingkok.buddhistdoor.com/en/news/d/2471>
- Damien, K. (2003). *The Nature of Buddhist Ethics*, New York, St. Martins Press.
- Sahni, P. (2008). *Environmental Ethics in Buddhism: A Virtues Approach*, Routledge Publishing.
- Swearer, D. (2005). *An Assessment of Buddhist Eco-Philosophy*, Retrieved from <http://www.hds.harvard.edu/cswr/resources/print/dongguk/swearer.pdf>
- Yamamoto, S., & Kuwahara, V. (2009). *Symbiosis with the Global Environment: Buddhist Perspective of Environmental Education*. The Journal of Oriental Studies, vol. 8, pp 440-465.

BẠN LÀM GÌ TRONG 60 PHÚT CUỐI ĐỜI MÌNH

Hoàng Dũng Hùng



Đó là câu hỏi của một hãng Thông tấn ở phương Tây đưa ra trong một cuộc thăm dò ý kiến với đông đảo người dân ở nước Anh. Câu hỏi với tình huống giả định là một thiên thạch sắp đâm vào trái đất và bạn chỉ còn 60 phút nữa sống trên cõi đời, bạn sẽ làm gì trong 60 phút ngắn ngủi ấy...

Kết quả thăm dò cho thấy 54% người Anh cho biết họ sẽ ở bên cạnh hoặc nói chuyện điện thoại với người thân yêu; 13% người ngồi chấp nhận hậu quả sắp đến với một ly rượu Champagne; 9% chọn dùng thời gian ấy cho chuyện "sex"; 3% ngồi cầu nguyện; 2% cho biết họ sẽ ăn món ăn ngây mỡ mà bình thường họ phải kiêng; 2% tuyên bố họ sẽ gây ra những hành động cướp phá và số còn lại thì đưa ra những ý kiến khác...

Đã có bao giờ chúng ta tự đặt ra cho mình câu hỏi này? Thật vậy trong một thế giới mong manh đầy bất ổn, mọi khả năng thảm họa từ thiên nhiên hay từ con người đều có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Chúng ta không thể biết chắc điều gì xảy ra vào ngày mai và thậm chí cũng không thể biết chắc điều gì sẽ xảy ra với chúng ta trong một giờ sắp tới...

Ấn tượng với cuộc thăm dò, tôi thường đặt câu hỏi này với các bạn trẻ đồng nghiệp của mình và có lần tôi mang câu hỏi này vào một diễn đàn của bạn trẻ trên mạng xã hội hỏi các bạn ấy. Và rồi tôi nhận được nhiều câu trả lời thật thú vị... Đại đa số các bạn trẻ đều cho biết, họ sẽ dành khoảng thời gian quý báu cuối cùng này cho những người thân yêu nhất hoặc làm những việc mà trong đời sống bình thường dù có nhiều cơ hội nhưng vì nhiều lý do chưa kịp làm...

Tôi thật băn khoăn vì tại sao đa số người và cả tôi, khi được hỏi lại có suy nghĩ giống nhau là đợi đến lúc cuối cùng mới dành khoảng thời gian quý báu ấy cho những người thân yêu? Phải chăng còn gì quý giá hơn là khoảng thời gian thiêng liêng và sau cùng nhất của mình. Cái đó mới đủ xứng đáng để thể hiện tấm lòng của mình với người thân yêu. Dù lý giải như

thế nào đi nữa thì cũng dễ dàng nhận thấy là mối quan hệ tình cảm của con người là cái quan trọng nhất vượt lên trên cả tiền bạc, vật chất và danh vọng trong đời thường... Và có lẽ do mọi người bị cuốn hút và chạy theo những nhu cầu trước mắt hằng ngày, mà quên mất điều quan trọng nhất đối với mình, rất có thể đến một lúc nào đó bất ngờ chúng ta vĩnh viễn không còn cơ hội để thực hiện...

Rồi trên chuyến tàu về quê cuối năm, trong âm thanh xịch xịch đều đặn của những chiếc bánh sắt lăn tròn trên đường sắt. Ngồi đối diện với tôi là một nhà sư cao tuổi. Tranh thủ trên tuyến đường còn dài, tôi gợi chuyện và lại hỏi nhà sư sẽ làm gì trong 60 phút cuối cùng ấy... Nhà sư trầm ngâm một lúc, rồi từ tốn nói rằng: "Mỗi chúng ta đều có nghiệp lực rất sai khác nhau, nếu đợi đến lúc ấy e là quá trễ... Tại sao phải chờ đến giây phút cuối mới giật mình, hoảng hốt nghĩ xem mình nên làm điều gì... Cõi Ta bà thật mong manh nhưng đầy vẻ đẹp và hấp dẫn, không nhận ra điều quan trọng của cuộc sống chỉ là do ta không biết tận hưởng sự có mặt của mình mà thôi... Nếu ta biết tận hưởng những gì đang diễn ra trong ta, quanh ta, chúng ta sẽ không đánh mất điều gì cả... Mọi cái đã có sẵn ngay bây giờ và ở đây, cái quan trọng của cuộc sống chẳng gì khác hơn đó chính là cái đang là... Khi thường xuyên thực hành được sự có mặt và tận hưởng cuộc sống bây giờ và ở đây, chúng ta sẽ không cần tìm kiếm thêm một điều gì nữa và chẳng có giây phút nào là cuối cùng cả..."

Và cũng ngay lúc đó tôi nhìn qua cửa sổ tàu. Ánh sáng thanh khiết của một ngày mới rực rỡ đang chiếu xuống cánh đồng bát ngát hiền hòa... Những bông lúa trĩu hạt hồn nhiên đắm mình trong nắng sớm. Đoàn tàu vẫn âm ỉ lao đi, tạo ra những cơn gió chuyển động hai bên làm đung đưa nhành lúa mới. Hạt lúa phản chiếu tia nắng tạo nên những ánh sáng vàng đẹp để lạ thường, vẻ đẹp ấy hình như tôi chưa từng cảm nhận được bao giờ...



NGƯỜI RA ĐI THẬT RỒI SAO?

Thích Đồng Trí

(Thành kính tưởng niệm Giác Linh cố Hòa Thượng Thích Chí Năng)

Cách đây mấy hôm, vào một buổi sáng, khi tôi đang dạo bộ ngoài sân Chùa, chợt có một vị Tăng ngừng xe hơi gấp, bước vào hỏi:

Thầy có nghe tin tức gì chưa?

Tin tức gì vậy?

Thầy Chí Năng từ trần rồi!

Từ trần? Sao vậy? Có thật không?

Nghe nói vậy đó, Thầy liền hệ xem sao.

Thật khó mà tưởng tượng là Thầy Chí Năng đã viên tịch. Xin được gọi Cố Hòa Thượng Thích Chí Năng bằng tiếng "Thầy" đầy thân thương ân tình, gần gũi như tôi vẫn thường gọi Ngài khi còn tại thế. Bởi lẽ Thầy vừa đến tuổi 62, trông bên ngoài vẫn còn khỏe mạnh, nhanh gọn, minh mẫn lắm. Tôi tìm cách liên hệ về Chùa Đại Bi Quan Âm-Nam Cali thì được xác nhận về tin tức này. Mấy ngày nay tôi miên man suy nghĩ, hồi tưởng và những hình ảnh của Thầy như một cuốn phim hiện về tâm trí tôi...

Lần đầu tiên tôi biết đến Thầy là lúc Thầy về Tu Viện Nguyên Thiều, Bình Định năm 1993, thăm lại quê hương, chứ Tôn Đức, quay phim và chụp hình cảnh sinh hoạt Trường lớp và Tăng Ni sinh Tu Viện Nguyên Thiều để mang về Hoa Kỳ cho TT. Thích Minh Dung và Ban Bảo Trợ cũng như nhiều người khác xem cho biết. Hiện nay, những bức hình trang nghiêm có đầy đủ chư Tôn Đức Bình Định và Tăng Ni Sinh khoá I, Trường Trung Cấp Phật Học Nguyên Thiều, nơi tượng Phật Thích Ca lộ thiên, vốn xuất phát trong dịp đó.

Những năm đầu tại Hoa Kỳ, tôi ở Chùa Lục Hòa, Boston, Massachusetts. Mỗi năm, Thầy đều đến Trung Tâm Thiền Cambridge do Thiền Sư Sùng Sơn-Hàn Quốc sáng lập (Cambridge, 199 Auburn Street, Cambridge, MA, of Zen Master Seung Sahn) để tham dự khóa tu thiền và hướng dẫn các thiền sinh. Thầy liên hệ rủ tôi cùng đến trung tâm Thiền này. Thầy hướng dẫn tôi cách lên Thiền đường, cách ngồi thiền, cho đến cách ăn uống tự phục vụ, sinh hoạt... Có lần Thầy dẫn tôi vào hội trường nghe một Đạo Sư diễn thuyết về Thiền. Tôi liên tục đặt những câu hỏi, đòi hỏi sự logic, duy lý trong việc diễn giải về Thiền. Khi ra ngoài, tôi hỏi Thầy nhận xét gì về diễn giả và những thắc mắc của tôi. Thầy mỉm cười đáp: "Về mặt lý luận mà nói, Thầy thông minh, sắc sảo, lý luận vững vàng nhưng về mặt hành giả mà nói thì Thầy chưa đạt đến chỗ tinh yếu của Pháp môn Thiền này." Tôi lắng lắng ghi nhận và thầm hứa với lòng sẽ "hạ thủ công phu" nhiều hơn nữa.

Những lúc tôi về Chùa Quang Thiện, Ontario, Cali tham dự Lễ cúng giỗ Sư Phụ tôi, đệ nhất trụ trì Tu Viện Nguyên Thiều và Lễ Thọ Tang, Truy Niệm đức đệ tứ Tăng Thống GHPGVNTN, cố HT Thích ^{thượng} Huyền _{hạ} Quang, lòng tôi thật nhiều xúc cảm khi lắng đọng hòa âm với Thầy Sám Chủ Thích Chí Năng xướng lễ. Âm

điệu của Thầy trầm bổng, du dương, la thường. đậm đà âm vị Bình Định, biểu hiện được tâm tư tình cảm của Thầy dành cho các bậc Ân Sư. Sau đó, tôi có đến thăm Chùa Đại Bi Quan Thế Âm. Sở dĩ Chùa có tên như vậy ắt hẳn bởi vì Thầy y chỉ và hóa đạo với Thiền Tổ Sùng Sơn, năm 1999 ngài được Thiền Tổ Sùng Sơn Hạnh Nguyên đời thứ 78 thuộc dòng thiền Quan Âm Tào Khê ở Hàn Quốc ấn khả. Với hạnh nguyện Từ Bi Quan Âm độ sanh mà Thầy "ứng thân thị hiện", "nơi nào chúng sanh cần thì ta đến", tuy Thầy từng lưu trú nhiều chùa khác nhau nhưng không trụ chấp một nơi nào, cuối cùng Thầy chọn vùng sa mạc xa xôi ít người lui tới ở San Bernardino làm nơi cư trú, tu tập và hóa độ những ai có duyên. Nơi này phù hợp với hạnh thiếu dục, tri túc, ưa thích tịnh cư nơi vắng vẻ, chuyên sâu thực tập quán chiếu, hành trì của Thầy.

Dịp Xuân Tân Mão, tôi về thăm lại quê hương Vietnam và thăm phụ thân tôi đang lâm bệnh nặng sau khoảng thời gian dài xa cách. Tôi lại có duyên cùng ở chung với Thầy tại phòng khách số 2, Chùa Giác Uyển, Phú Nhuận, Saigon. Những ngày đó, Thầy chia sẻ, tâm tình với tôi nhiều việc về cuộc sống tu học và hoằng Pháp. Thầy có giới thiệu cho tôi về sinh hoạt Phật sự tại một cơ sở tự viện tại San Jose, Cali. Tôi có thưa với Thầy là sau chuyến đi Vietnam, trở lại Hoa Kỳ, tôi sẽ đến xem cơ sở đó thế nào rồi tùy duyên định liệu. Trong dịp này, một Sư Đệ của tôi, Thích Đồng Viên, cùng tháp tùng với TT. Thích Viên Định từ Chùa Giác Hoa đến Chùa Giác Uyển tham dự Lễ Hỷ Kỳ Giác Linh 3 Vị Hòa Thượng Tôn Túc Bình Định trong ngày mùng 06 tháng Ba, Tân Mão, Thầy có hỏi về tình hình tu học và đường hướng tương lai của Sư Đệ đó, rồi khuyến bảo: "Các Thầy trẻ học được như vậy là khá rồi đó. Việc quan trọng hơn nữa là phải tu tập. Các Thầy có thể giảng nói cho người khác về Đạo Pháp nhưng có bảo đảm là điều phục được chính mình, phiền não, khổ đau hay chưa? Nếu chưa thì hãy cố gắng tu tập". Sau đó, Thầy "lì xì" cho Đệ Đồng Viên một "chút quà" để kỷ niệm và hỗ trợ việc tu học.

Tôi được nghe kể lại, Thầy có duyên nghe được, ghi chép và ca ngợi 4 câu thơ của tôi làm khoảng 18 năm trước:

*Bất bình là lụy với trần ai
Hãy mỉm cười lên, bước bước dài
Như hoa dẫu nở trong mùa Hạ
Vẫn vẫy tay chào với gió mai.*

Tôi cũng chẳng hiểu tại sao mấy câu thơ một mực này của tôi lại được Thầy ưa thích như vậy. Có lẽ Thầy tu Thiền nên thích những điều giản dị và đoạn thơ phù hợp với hoàn cảnh đối diện thực tại, rèn luyện tự thân, vượt qua nghịch cảnh của Thầy. Phần tôi có duyên đọc được và tâm đắc với bài thơ "Cảm Đề" do Thầy sáng tác:

*Bạn tự tại dạo chơi miền Tịnh Độ
Tôi âm thầm dạo bước cõi tử sanh
Trên trời xanh thạc sư vờn vân cầu
Đáy biển sâu nề ngư giỡn thủy thần
Rời Tịnh Độ, bạn thổi tiêu không lỗ
Bỏ luân hồi, tôi đàn cầm không giây
Khắp ba cõi tánh Di Đà rực rỡ
Tận lục phàm vô lượng hoá Kim thân
Hạnh "Nam Mô" châu biến hải vi trần*

Nguyện "Chơn Ngã" vẹn phần vô sở đắc

Tâm "Chi vật" Pháp Tịnh thiên Viên Đốn

"Ta là gì" thành đạo cứu quần sanh.

Quả thật, nếu không có công phu miên mật, không thấu triệt được bản chất cuộc đời, không đạt được tự tại, thành thoi, không có đại lượng, đại bi, đại nguyện cứu độ quần sanh thì không thể cảm tác được những câu thơ đầy ý vị siêu phàm thoát tục như vậy, cũng như không thể luận giải nổi về hành trạng và tu chứng của Tổ Sư Thiền Liễu Quán như Thầy đã trình bày trong tác phẩm: "Liễu Quán Thiền Tông Pháp Môn Tu Chứng".

Trong dịp xuống Nam Cali thăm HT Thích Nguyên Lai cuối tháng 06/2011 vừa qua. Một buổi sáng, trong khi chờ đợi 2 vị Thầy từ San Diego đến Santa Ana rồi cùng tôi về lại San Jose, tôi chợt nghĩ đến Thầy nhưng lúc đó không có sẵn xe để đi thăm Thầy. Tôi tự bảo với lòng mình là đến cuối tháng 07/2011, nhân chuyến đi Phật sự tại Chùa Xá Lợi và các Chùa tại Nam Cali trong 5 ngày thì sẽ đến thăm Thầy. Nhưng dự định này mãi mãi sẽ không còn thực hiện được nữa rồi. Có chăng là thăm lại ngôi Chùa xưa, phương trường, hương án, di ảnh di vật của Thầy mà thôi.

Thế là hết. Thầy tự kết thúc hành trình kiếp nhân sinh của mình. Kể từ đây làm sao có được những giây phút hầu trà đàm đạo với Thầy để nghe Thầy nhắc nhở về lý tưởng sống của người xuất gia? Tôi có nghe kể lại việc Thầy điện thoại thăm Mẹ và gia đình báo trước sự chia ly cũng như viết di chúc căn dặn các điều cần thiết sau khi Thầy ra đi. Như vậy, Thầy rất bình tĩnh, cân nhắc và chủ động trong việc xả bỏ báo thân ngũ uẩn, vô thường tạm bợ này để bước vào một hành trình mới, một hoá thân mới trong một phương sở mới. Có thể có nhiều người bàn tán xôn xao, bình luận, thị phi, dị nghị về sự "từ trần bất thường" của Thầy nhưng Thầy xưa nay vốn không quan tâm đến dư luận thế gian, chỉ như là tiếng gió xôn xao hoặc bọt nước đầu ghềnh mà thôi. Nếu như chúng ta chưa đạt đến đẳng cấp như Thầy thì làm sao hiểu hết mà bàn về việc làm của Thầy? Trong Thiền Tông và hạnh nguyện Bồ Tát há chẳng phải là đã có những câu chuyện "bất bình thường" hay sao, như trường hợp **tiên thân Đức Phật bồ thí thân mạng cho cạp đói, Pháp Sư Cưu Ma La Thập nhận**

10 cung nữ, đòn gậy của Thiên Sư Đức Sơn, Tiếng Hét của Thiên Sư Lâm Tế, Thiền Sư Nam Tuyền giết mèo, hành hoạt của Tế Điện Hòa Thượng... Họ sẵn sàng chấp nhận những nhân quả xảy ra với họ, điều họ quan tâm là khai thị, để lại bài học cho đại chúng.

Đó chính là phong cách: "Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ", không câu nệ, chấp chặt về hình thức, lối mòn, đầy sáng tạo và ấn tượng trong Thiền Tông:

Làm trai có chí xông trời thăm,

Theo bước Như Lai lưỡng nhọc mình.

Không phải tôi tán thán và khuyến khích sự kết liễu cuộc sống và ra đi này của Thầy. Nếu ai chưa đạt được đến trình độ tu tập và không ở trong tư thế hoàn cảnh như Thầy thì không nên bắt chước làm theo Thầy. Tuy nhiên, hình ảnh suốt cuộc đời của Thầy và ngay cả phương cách Thầy chọn ra đi để lại cho chúng ta tấm gương sáng với nhiều bài học về: thế gian đầy dẫy những cam bẫy, nguy hiểm và khổ đau, cơn lốc vô thường có thể cuốn chúng ta đi bất cứ lúc nào, hãy chọn pháp môn thích hợp tu tập, tinh tấn, nhiệt tâm ngày đêm công phu, thực hành, chính Thầy nhiều năm tháng hành trì Thiền Tọa không nằm ngủ, sanh tử sự đại, phải nắm cho được giềng mối để vượt thoát, không nên để đuôi, buông lung phóng dật, chạy theo dục lạc, danh lợi, địa vị, chấp trước và ràng buộc, ...

Tôi đang trầm tư về sự thị hiện. Người mang hạnh nguyện Bồ Tát đến và đóng vai trò gì đó trong cuộc sống, khi chúng sanh cần thì đến và ra đi khi mọi việc đã xong. Giữa lúc thế cuộc phân phi, bao nhiêu tranh chấp, nhiều người đang giằng tranh thiên tướng, chen lẫn vào hàng Phật tử, Tăng già, giả điều nhân nghĩa, bày vẽ phong trào, phổ trương hình thức, mưu toan lợi tộc, củng cố địa vị, ... làm biến hoại Phật Pháp thì sự hiện diện của Thầy vẫn có nhiều ý nghĩa, tác dụng, cố sao Thầy lại chọn thời điểm này mà ra đi? Sự ra đi của Thầy là một tổn thất lớn lao, thật khó tìm ra hình ảnh ai với cốt cách như Thầy để thay thế. Tuy nhiên, quyền sách hay đến đâu rồi cũng đến hồi kết thúc, vở kịch tuyệt vời đến mấy rồi cũng đến lúc hạ màn. Dù rằng: "Thân người khó được, Phật Pháp khó gặp", chúng ta không thể đòi hỏi Thầy làm tất cả mọi việc với một thân mạng này. Duyên đã mãn, những việc cần làm đã làm xong, Thầy xả bỏ huyền thân này, qua sông bỏ thuyền, chúng



ta cũng đừng nên đòi hỏi Thầy phải như thế này hay như thế khác, làm gì nhiều hơn nữa cho chúng ta, bởi vì chúng ta không phải là Thầy thì làm sao hiểu hết được tâm sự của Thầy? Hơn nữa, nếu như Thầy an nhiên tịch tịnh thì điều này cũng đã có nhiều người từng làm, đâu có để lại những bài học đầy ấn tượng cho chúng ta? Xưa kia, Ngài La Hầu La thường có những hành động trái nghịch nhờ đó mà chúng ta có được những bài học bất hủ thể thì hôm nay Thiền Sư Chí Năng cũng thị hiện một đoạn kết éo le để nhắc nhở chúng ta về Tam Pháp Ấn - khổ, vô thường, vô ngã - về sức mạnh của nghiệp, về mong manh nguy hiểm của cõi dục, ngũ trước ác thế, về Khổ Tập Diệt Đạo...

Phật Pháp có 84.000 Pháp môn, mỗi người có một công hạnh khác nhau, có người lại có nghịch hạnh nữa. Người đã ra đi nhưng người vẫn còn ở lại. Tôi cảm thấy phần nào trống vắng mỗi khi trở lại Nam Cali mà không còn Thầy để đến thăm và hầu chuyện nữa. Thế nhưng hình bóng Người đã in đậm trong tâm khảm tôi, luôn vắng vắng bên tai tôi lời nhắc nhở thường trực: "cõi đời tạm bợ, phù du, phình phờ, hãy miệt mài, hạ thủ công phu, siêu sanh, thoát tử, tu làm sao chuyển nghiệp, quý vô thường không chờ đợi một ai, học mà không tu thì cũng như cái

đầy đựng sách, nói nhiều mà không làm thì thà rằng nói ít mà làm nhiều, phải thời thì đến, hết duyên thì đi, đừng trụ chấp, luyện tiếc mà phải bị buộc ràng, hãy tinh tiến lên để giải thoát, không ai làm thế phần cho ai, Như Lai và các bậc tiền bối Tổ Sư chỉ là những bậc Đạo Sư chỉ đường mà thôi"

"Thư bất tận ngôn", "lời quê góp nhặt dong dài" này là tấm lòng thành và nén hương đưa tiễn cho bước đường trình, trước khi di thể Thầy trở về cát bụi. Tôi mãi mãi tri ân duyên hạnh ngộ với Thầy trong cuộc sống, những bài học rút ra từ Thầy, tôi nguyện sống xứng đáng với hạnh người con Phật trong cuộc thế đầy nhiều nhương, phức tạp như những lần đã từng tâm sự với Thầy. Cầu nguyện hồng ân Tam Bảo gia bị cho Thầy: hạnh nguyện bất thối, phước độ quần sanh, công viên quả mãn, tuý sở trụ xứ thường an lạc.

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Tứ Thế, Đại Bi Quan Âm Đường Thượng Trú Trì, hỷ thượng Nguyên hạ Bàng tự Chí Năng hiệu Giác Hoàng, tân viên tịch Hoà Thượng Giác Linh.

Chùa Hồng Danh, San Jose,
ngày 14/07/2011

Khế Thủ
TK. Thích Minh Tuệ
(Thích Đồng Trí)

GHPGVNTNHK Long Trọng Cử Hành Lễ Húy Kỵ Đức Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN Thích Huyền Quang

SANTA ANA (VB) - Hàng trăm chư tôn đức Tăng, Ni, đại diện các đoàn thể Gia Đình Phật Tử, cơ quan truyền thông báo chí, và đồng hương Phật tử tham dự Lễ Húy Kỵ lần thứ 2 Đức Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN, Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ long trọng tổ chức tại Chùa Bát Nhã, trụ sở trung ương của Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, vào trưa Thứ Bảy, ngày 16 tháng 7 năm 2011.

Được biết Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN, đã viên tịch vào ngày 5 tháng 7 năm 2008, tại Tu Viện Nguyên Thiệu, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Trong Lời Khai Lễ, Thượng Tọa Thích Thánh Minh, trú xứ Chùa Bát Nhã, nói rằng hôm nay chư tôn giáo phẩm GHPGVNTNHK và tăng, ni cùng đồng hương Phật tử tề tựu về Chùa Bát Nhã để thành kính dâng lên lời tưởng niệm Ngày Húy Kỵ của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN. Ngài là người có đủ hùng tâm dũng trí như sư tử chúa giữa chốn sơn lâm.

Thượng Tọa Thích Đồng Trí, Trú Trì Chùa Viên Chiếu, Sacramento, cung tuyên tiểu sử của Đức Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN. Qua đó cho thấy Ngài là một bậc cao tăng đương đại của Phật Giáo Việt Nam. Đặc biệt, đối với GHPGVNTN, Ngài là một trong những giáo phẩm sáng lập và kiên trì bảo vệ lý tưởng và lập trường của Giáo Hội qua bao nhiêu thăng trầm của lịch

sử đất nước trên 40 năm qua.

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, Viện Chủ Chùa Bát Nhã, trong Lời Cảm Từ, nói rằng tăng, ni và Phật tử Việt Nam trong cũng như ngoài nước không bao giờ quên được những hy sinh to lớn mà Đức Đệ Tứ Tăng Thống đã cống hiến cho Đạo Pháp và Dân Tộc trong suốt hơn nửa thế kỷ hành đạo của Ngài. Hòa Thượng Thích Nguyên Trí cũng nhắc lại rằng từ Cố Đại Lão Hòa Thượng Đệ Tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu đến Cố Đại Lão Đệ Tứ Tăng Thống Thích Huyền Quang đều kêu gọi tăng, ni và Phật tử hải ngoại hòa hợp để tạo sức mạnh hậu thuẫn cho công cuộc vận động cho tự do tôn giáo, nhân quyền và phục hoạt GHPGVNTN trong nước. Chính vì vậy, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí nhấn mạnh "Chúng ta hãy bỏ tất cả những dị biệt nếu có để tạo sự hòa hợp trong Tăng Đoàn và cộng đồng Phật tử Việt Nam để tiếp tục phát huy hơn nữa nhằm mục đích làm sao để ngôi nhà Phật Giáo ngày càng được hưng thịnh."

Phần nghi thức Cung Tiến Giác Linh Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN, được diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm và đạo vị với sám chủ là Hòa Thượng Thích Nhật Quang, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghi Lễ GHPGVNTNHK cùng sự hộ niệm của đạo tràng an cư kiết hạ tại Chùa Bát Nhã.

Được biết, tại Chùa Bát Nhã, từ ngày 11 đến 19 tháng 7 năm 2011, khóa an cư kiết hạ của chư tăng, ni đang diễn ra với sự tham dự của gần 100 tăng, ni.

Chùa Bát Nhã tọa lạc tại 803 South Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704. Điện thoại liên lạc: (714) 571-0473.



Hình ảnh trong Lễ Húy Kỵ của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang tại Chùa Bát Nhã. (Photo VB)



Cảm Niệm Vu Lan 2

"Nhìn được Cha là ánh sáng tung bùng,
Hường ấm áp của mặt trời chiếu mọc ;
Nhìn được Mẹ là trắng vàng dịu ngọt,
Hiền hòa pha cho trăm cảnh nên xinh"

Ba mươi năm xưa tóc hãy đang xanh
Con còn niệm viết mấy vần thương nhớ.
Nam với Bắc giữa hai vùng cách trở,
Ngọt tám năm cha mẹ xót xa lòng.

Trong nhớ thương vẫn còn được hoài mong:
Sẽ nhìn thấy mặt trời vàng trắng ngọc.
Trà Tam Hỷ ngọt ngào hương tỏa bốc,
Mình dâng cha nhất-phẩm-vị trà xưa.

Trái cau dày trắng ruột mẹ thường ưa,
Mình sẽ lựa thếp trầu nguồn dịu lá

Ba mươi năm sau đầu con sương giá,
Ngồi thương cha nhớ mẹ tuổi hoàng hôn:
Bờ âm dương lập biển với che nguồn,
Con chỉ thấy núi xa mây trắng hiện

Hai tách trà thơm dâng vào cõi huyền,
Đĩa cau trầu nồng thắm cũng hư vô!
Những giấc chiêm bao ôm mẹ mơ hồ
Những giọt lệ mừng cha tàn ảo ảnh
Vén trí phàm phu phút giây nhập thánh,
Tâm là hoa xin hướng cội kỳ hoa.

Kính Vu Lan âm Phủ mẹ Hồn cha,
Con quý lay mình châu kim trượng chuyển
Ân Đại Hiếu Kiên-Liên muôn kiếp hiển
Xin mẹ cha mau thoát khỏi luân hồi,
Chín phẩm sen vàng ân phước vào ngôi,
Con hồi hướng với tâm lành trọn kiếp.



Thơ **TÂM TẤN**

AN CƯ KIẾT HẠ TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA TỪ NGÀY 11 ĐẾN 19.7.2011

Hình ảnh của Dũng Nguyễn



TANG LỄ CỐ HÒA THƯỢNG THÍCH CHÍ NĂNG TẠI CHÙA ĐẠI BI QUÁN ÂM, SAN BERNARDINO

Hình ảnh của hophap.net



Đài Phát Thanh Hương Sen tổ chức: Tiệc Chay Gây Quỹ Nhân Kỷ niệm 17 năm thành lập



Kỳ và phút nhập Từ Bi Quán. Tiếp theo phần giới thiệu Chư Tôn Đức và quan khách tham dự. Sau đó Thượng Tọa Thích Thánh Minh lên có thời pháp ngữ nói hạnh "Bồ Thí Pháp... Bồ Thí Pháp gồm có Tài thí, pháp thí và Bồ Ưng thí. Nhưng mà Pháp thí rất là quan trọng, bởi vì Pháp này chuyển tải những lời Phật dạy đến cho tất cả mọi người được hạnh phúc an vui. Cho nên muốn vậy chúng ta dùng lời nói hoặc là những phương tiện truyền thông để nói. Vì vậy đây là dịp để quý Phật tử ủng hộ cho đài phát thanh có điều kiện duy trì sinh hoạt lâu dài, đó cũng là phương pháp ủng hộ cho Pháp Bồ Thí. Do đó Bồ Thí Pháp rất là quan trọng trong Phật Giáo, Bồ thí là một hạnh đầu của người Phật tử thực hành Bồ Tát Đạo."

Westminster (Bình Sa): Tối Thứ Sáu ngày 15 tháng 7 năm 2011, tại nhà hàng Seafood World trên đường Brookhurst St., thành phố Westminster, California, Chương trình phát thanh Hương Sen tổ chức tiệc chay gây quỹ nhân kỷ niệm 17 Năm Thành Lập Chương Trình Phát Thanh Hương Sen.

Hơn 300 Chư Tôn Đức, Tăng, Ni, các cơ sở quảng cáo, các mạnh thường quân, một số cơ quan truyền thông, truyền hình, báo chí, cùng đồng hương Phật tử tham dự.

Đài phát thanh Hương Sen do Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ đứng ra thành lập và bảo trợ, đài ra mắt đồng hương Phật tử vào ngày 12 tháng 4 năm 1994, đây là chương trình phát thanh Phật Giáo đầu tiên trên băng tần 94,7 AM trên các thành phố vùng Nam California. Với thời gian 1 tiếng vào lúc 6 giờ chiều Chủ Nhật hàng tuần. Mục đích để thông báo đến đồng hương Phật tử những tin tức sinh hoạt Phật sự, nhất là về phương diện hoằng pháp, để đồng hương có điều kiện tu học.

Qua với những thăng trầm, nhất là tình hình kinh tế khó khăn nhưng đài cố gắng duy trì từ 1 giờ xuống còn nửa giờ, còn lại nửa giờ sau là chương trình phát thanh của Thiền Viện Sùng Nghiêm.

Điều hợp chương trình Đạo hữu Minh Lực Nguyễn Phú Hùng, Ông Nguyễn Phú Hùng cũng là người găng bó với chương trình qua nhiều năm và Ông cũng là xương sống chính thức của chương trình phát thanh Hương Sen, ngoài ra còn có Ông Vũ Khang và Sư Cô Phước Quang.

Sau phần nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo

Sau đó Đạo Hữu Minh Lực Nguyễn Phú Hùng đại diện cho ban tổ chức, Giám đốc Chương Trình Phát Thanh Hương Sen lên nói lời chào mừng và cảm ơn Chư Tôn Đức, Tăng Ni, quý vị quan khách cùng đồng hương Phật tử tham dự. Trong lời chào mừng có đoạn ông nói: "... cho đến nay, Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ luôn hãnh diện có được Chương trình Phát Thanh Hương Sen là tiếng nói chính thức của Tổng Hội để thông báo những công tác phục vụ Phật sự và cộng đồng. Ông tiếp trong Kinh Niết Bàn ghi rõ: "Chớ làm điều ác, chăm làm các điều lành, trong sạch nơi tâm ý, là lời của Đức Phật dạy". Tập thể cư sĩ trong Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo cũng như các đạo hữu phụ trách Chương Trình Phát Thanh Hương Sen luôn tâm niệm: cố gắng hết sức làm các điều lành, các điều lợi ích cho quần chúng Phật tử, với ước nguyện còn duyên để phục vụ cho Đạo Pháp và Dân Tộc."

Tiếp theo Đạo Từ của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/Hoa Kỳ, Viện Chủ Chùa Bát Nhã lên ban Đạo Từ, trong phần Đạo Từ Hòa Thượng nói: "trong 17 năm trôi qua, chúng ta đã thấy rằng Chương Trình Phát Thanh Hương Sen đã phục vụ cho đồng hương Phật tử thật là hữu hiệu. Nhưng mà thưa quý vị, có một điều chúng tôi hơi buồn vì mấy năm trước đài Hương Sen của chúng ta được phát thanh mỗi tuần 1 tiếng đồng hồ. Nhưng mà ngày hôm



Ban Đạo Ca của Tổng Hội Cư Sĩ PGVN tại Hoa Kỳ trình diễn

TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI

THÔNG BẠCH NGÀY VỀ NGUỒN V LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ và Đại Giới Đàn Quảng Đức

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Trưởng Lão
Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni Việt Nam hải ngoại,
Kính thưa quý liệt vị,

Trong Bảy Pháp Bất Thối, Đức Bốn Sư đã ân cần chỉ dạy: "Các Tỳ Kheo cần phải thường xuyên tụ họp và tụ họp đông đảo để giảng luận Chánh Pháp khiến cho có sự hòa hợp trên dưới của các Tỳ Kheo" (Pháp thứ Nhất). "Các Tỳ Kheo sống an trú trên Chánh Niệm tạo thành một cộng đồng sinh động, khiến cho các bạn đồng tu từ những phương khác, nếu chưa đến thì muốn đến, đã đến thì muốn cùng sống và cùng tu tập trong sự an lạc" (Pháp thứ Bảy).

Kính thưa Chư Tôn Đức,

Đã 4 năm qua, chúng ta ở hải ngoại đã cố gắng 4 lần sum họp, trước là Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ sư và Chư Thánh Tử Đạo và sau là có cơ hội gặp gỡ bàn thảo góp ý để xây dựng cùng cố sinh hoạt của Tăng Đoàn mỗi ngày một sinh động và bền chắc như lời của Đức Thế Tôn đã chỉ dạy hơn 25 thế kỷ qua.

Năm nay, 2011, Ngày Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư (Ngày Về Nguồn lần thứ 5) được Đại Tăng ủy nhiệm cho Hòa Thượng Thích Tánh Thiết viện chủ Chùa Thiện Minh (Lyon - Pháp quốc) đứng ra tổ chức. Đồng thời, nhân cơ hội có đây đủ Chư Tôn Trưởng Lão các Châu chốn tích quang lâm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu lấy quyết định sẽ tổ chức luôn một Đại Giới Đàn mang tên Quảng Đức để các giới tử xuất gia cũng như tại gia có cơ duyên đặc giới nhờ sự hòa hợp của Tăng Già mười phương.

Hòa Thượng Thích Tánh Thiết Trưởng Ban Tổ Chức ngày Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư năm nay được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu ủy nhiệm luôn Trưởng Ban Kiến Đàn Đại Giới Đàn Quảng Đức 2011. Hòa Thượng Trưởng Ban sẽ gửi đến Chư Tôn Đức thư cung thỉnh cũng như tất cả văn kiện liên quan đến Lễ Hiệp Kỷ và Đại Giới Đàn. Xin thưa thêm: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã tổ chức Đại Giới Đàn Liễu Quán lần thứ nhất vào năm 1990. Đây là lần thứ hai, Đại Giới Đàn Quảng Đức cũng tổ chức tại Chùa Thiện Minh (Lyon - Pháp quốc) vào những ngày 8.9.10 và 11/9/2011.

Vậy, xin kính trình Chư Tôn Đức Tăng Ni liễu tri. Và thành tâm Cung Thỉnh Chư Tôn Trưởng Lão, Chư Thiền Đức Tăng Ni quang lâm chứng minh Lễ Hiệp Kỷ và Đại Giới Đàn Quảng Đức năm nay 2011, tại Lyon, Pháp quốc.

Kính cầu nguyện Chư Tôn Đức pháp thể khinh an, huệ đăng thường chiếu, Phật sự viên thành.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Bagneux, ngày 07/03/2011

Hòa Thượng Thích Minh Tâm

Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu
Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại



nay còn có nửa tiếng thôi! Thưa quý vị thấy có đau không? Con mình, thì mình muốn mỗi ngày nó lớn, từ học lớp một lên đến lớp hai và càng ngày càng lên thêm đến lớp 12 rồi lên Đại học, rồi Cao học để lấy bằng Tiến Sĩ, Thạc Sĩ... Còn cái đài Phát thanh của mình, lúc trước thì được phát thanh một tiếng, nhưng ngày nay còn có nửa tiếng mà thôi."

Hòa Thượng nói đây là tiếng nói chung của Phật Giáo. Cho nên Thầy mong rằng toàn thể quý đồng bào Phật tử ủng hộ để duy trì chương trình. Con cháu của chúng ta ngày hôm nay rất cần những bài Pháp được dịch ra tiếng Anh cho những Phật tử trong thế hệ trẻ. Và những người già cả cần phải có những tiếng nói để an ủi trên đài bằng lời nói của quý Thầy để an ủi cho họ. Những em sinh viên Phật tử rất cần những điều thắc mắc về Phật Giáo, mình phải giải thích cho họ. Thế mà

nếu chúng ta không có đài phát thanh của Phật Giáo thì đó là một khiếm khuyết lớn của chúng ta. Vì thế đó chúng ta cần phải có đài phát thanh của Phật Giáo." Sau đó HT. Thích Nguyên Trí cũng đóng góp cho Đài Hương Sen 1000 Mỹ kim và thầy cũng kêu gọi đồng hương Phật tử mỗi người hãy cố gắng mỗi tháng bỏ ra 3 Mỹ kim để hỗ trợ cho đài. Sau lời kêu gọi sự hỗ trợ cho đài Hương Sen của Thầy Thích Nguyên Trí, có rất nhiều mạnh mẽ thường quân đồng hương Phật tử đã đóng góp cho đài. Buổi tiệc bắt đầu với chương trình văn nghệ của các nghệ sĩ thân hữu và đồng hương Phật tử trong đó có đoàn văn nghệ Lạc Hồng.

Quý đồng hương Phật tử muốn hỗ trợ cho đài xin gửi về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ (nhờ chuyển đến đài phát thanh Hương Sen) ở địa chỉ 1612 N. Spurgeon St., Santa Ana, CA 92701, điện thoại: 714-836-9242.



CHỮ HIẾU TRONG ĐẠO PHẬT

GDPTVN tại Hoa Kỳ biên soạn

Đức Phật đã dạy: tất cả chúng sanh đều có Phật tánh; nói cách khác, tất cả chúng sanh ai cũng có tâm Phật bẩm sinh như nhau. Mỗi người tùy theo hành động sáng suốt hay mê lầm của thân, miệng, ý mà làm cho tâm Phật hiển lộ hay lu mờ đi. Ví dụ khi chúng ta an lạc, hoan hỷ cùng với niềm vui và hạnh phúc của mọi người, chia sẻ nỗi buồn với họ, đó là lúc ta sáng suốt, không để mờ tâm Phật; trái lại khi ta giận dữ, ngã mạn, cuồng tín v.v... là lúc ta đã chuyển cái tâm Phật nơi ta thành một thứ lửa địa ngục rồi. Một trong những loại tư tưởng trong sáng, mát mẻ, nuôi dưỡng tâm Phật của chúng ta là lòng hiếu thảo hay hiếu đạo.

Lòng hiếu thảo là lòng biết ơn đối với cha mẹ mình, mong muốn được đền đáp công ơn ấy. Về điểm này thì loài người hơn hẳn loài vật, vì vậy lòng hiếu thảo là một đặc trưng để phân biệt loài người với súc sinh. Loài vật cũng biết thương con nhưng không biết thương cha mẹ. Có một giống chim còn ăn thịt cha mẹ khi chúng đã lớn khôn, nhưng chúng ta không thể trách chúng là bất hiếu vì chúng nó là súc sinh, chỉ biết sống theo bản năng, không thể hiểu được hiếu đạo và luân lý của loài người. Đức Phật đã ân cần dạy chúng ta rằng: Gặp thời không có Phật, thờ phụng cha mẹ chính là thờ phụng Phật. Do vậy, kinh dạy rằng: một trong những nỗi bất hạnh lớn nhất của con người là không được nghe đến những chữ Phật và Cha Mẹ. Làm tròn chữ Hiếu là coi như đã đi được nửa con đường tu đạo rồi. Ở đây có một điều đáng cho chúng ta suy ngẫm: lòng hiếu thảo thế gian thường tình có phải còn nặng về ngã chấp không? Thật vậy, người con hiếu có thể chỉ thương cha mẹ mình chứ không thương cha mẹ người khác, vì thế, cái tâm hẹp hòi này có thể gây ra đau khổ phiền não cho người và cả cho mình. Ví dụ như một người kia muốn mua tặng mẹ một món quà nhưng không có tiền, anh ta bèn ăn cắp tiền của bà nhà giàu hàng xóm, chẳng may bị bắt gặp, bà ta kêu lên, anh ta đánh bà ta bị thương và kết quả là anh bị ngồi tù. Có hiếu với mẹ đâu không thấy chỉ thấy kết quả làm mẹ đau khổ vì hành động xấu của mình, làm bà hàng xóm tự nhiên bị thương và làm mình bị tù! Nhớ có lần Sư cô Trí Hải kể cho chúng tôi nghe rằng: có một chị Phật tử kia nhân ngày giỗ mẹ chị, chị đến bàn Vong lật úp tất cả hình của các vị khác xuống, chỉ để hình của mẹ chị, ý là để một mình mẹ có thể hưởng tất cả các đồ cúng! Ngày xưa quan niệm về chữ Hiếu của ông cha ta cũng rất hẹp hòi, đó là bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại (có 3 điều bất hiếu mà không có con trai nối dõi là tội lớn nhất). Người vợ không sinh con trai được coi như có tội với gia đình chồng, mang tội đại bất hiếu, từ đó sinh ra tục lệ đa thê (nhiều vợ, để kiếm con trai; nếu người vợ không có con trai người chồng có thể lấy vợ khác; có khi có 2, 3 người vợ mà cũng chưa sinh ra con trai!); tục lệ này chúng ta đã biết là đem lại khổ đau cho nhiều người - đặc biệt là cho người đàn bà.

Chữ Hiếu trong đạo Phật đã được nâng cao thành Hiếu đạo. Người Phật tử vừa là người con hiếu thì khi cha mẹ còn sống, phụng dưỡng cha mẹ bằng tình thương, sự chăm sóc và tiền bạc hợp pháp do mồ hôi nước mắt của mình làm ra. Người con hiếu cố gắng làm vui lòng cha mẹ bằng sự dịu dàng, chiều chuộng của mình nhưng quyết không chiều theo những sở thích xấu xa tai hại nếu chẳng may cha mẹ vướng phải (như cờ bạc, rượu chè, nghiện ngập, trộm cắp v.v...); trái lại còn khuyên cha mẹ quy y Tam Bảo, làm lành tránh ác. Người con hiếu luôn làm tròn bổn phận của mình, không làm điều gì có hại cho thanh danh gia đình mình, mang tiếng xấu cho cha mẹ. Khi cha mẹ chết, lo làm các việc phước thiện như phóng sanh, bố thí, ấn tống kinh sách để phổ biến Phật Pháp để cầu nguyện và hồi hướng công đức đến cha mẹ mình. Từ lòng thương cha mẹ mình, người Phật tử trải lòng thương ấy đến cha mẹ của tất cả mọi người mọi loài, nghĩa là đến tất cả chúng sanh. Hơn ai hết, người Phật tử hiếu được rằng trong dòng luân hồi vô thì vô chung này, ai cũng đã từng làm cha mẹ mình, con cái mình. Do vậy sát sanh là hại mạng sống của cha mẹ mình ở nhiều đời nhiều kiếp trước vậy. Không những thế, người Phật tử không theo thường tình thế gian báo thù cho cha mẹ bằng cách giết kẻ thù vì suy cho cùng làm như vậy là giết cha mẹ mình ở kiếp trước để báo thù cho cha mẹ của kiếp này. Cứ như thế, oan oan tương báo cho đến bao giờ mới dứt! Kinh Phạm Võng dạy: Hiếu nghĩa là giữ giới, là ngăn các điều ác. Thật vậy, chỉ cần giữ giới và ngăn các điều ác là chúng ta đã thực hành hiếu đạo rồi, vì đó là đầu mối của các hạnh lành và cũng là căn bản của giác ngộ và giải thoát.

Hiếu đạo theo Phật giáo hướng dẫn chúng ta đi trên con đường rộng lớn thân thành thang của tình thương Vô Ngã, giúp chúng ta vượt khỏi biên giới hẹp hòi của ngã chấp hạn cuộc, nguyên nhân gây bao đau khổ cho người và cho chính mình. Đó chính là sự mâu nhiệm của Vu Lan Bồn. Nhờ năng lực chú nguyện của 10 phương Tăng sau 3 tháng an cư thanh tịnh mà mẹ của Ngài Mục Kiền Liên cùng tất cả tội nhân khác của địa ngục được giải thoát. Nhờ lòng thương mẹ, Ngài Mục Kiền Liên đã trải lòng thương đến mọi loài chúng sanh, phát lời nguyện rộng lớn: Địa ngục chưa trống thì tôi thể không thành Phật; cho đến bao giờ mà tất cả chúng sanh đều được giải thoát thì tôi mới chứng Đạo Bồ Đề.

Nguyên cho tất cả các bậc cha mẹ còn tại thế thân tâm an lạc tật bệnh tiêu trừ, đã qua đời, dù đang ở trong cõi nào cũng luôn an trú trong tâm Phật và tích cực hướng về Cực Lạc Quốc. Cầu chúc cho tất cả chúng ta đều là những người con hiếu để hưởng trọn một mùa Vu Lan

an lạc và giải thoát.

Thảo Luận:

1. Tại sao nó chẳng có tác dụng gì khi bắt các em phải hiếu thảo với cha mẹ?
2. Cho một vài suy nghĩ để bày tỏ tình thương các em dành cho cha mẹ là không phải tình thương miễn cưỡng, bắt buộc.
3. Cho một vài đặc điểm để giúp mọi người trong chúng ta trở thành những người con hiếu thảo với cha mẹ.

Being a Pious Buddhist to My Parents

I. I Hear:

I remembered having been taught that as children, we have to love, respect, and obey our parents and that's the way it must be. While there's no dispute that my parents brought me into this world and brought me up, I do have trouble thinking about them in terms of obligation. Obligation limits my freedom especially in matters concerning relationships.

II. I Contemplate:

Loving my parents is a privilege:

I never thought that having parents around is a privilege until my father passed away before I turned 6 years old. It's no surprise that I don't remember much about my father and seeing children with their fathers always touches me in a deep way. Having both parents to me is a privilege, especially if they both are young, healthy, and loving. Tomorrow we may lose them due to a divorce. And certainly some day sickness and death will eventually claim both of them. Thus it would be wise for me to treasure the time we have together here and now. When my mother gives me a little trouble nowadays, I contemplate about her liveliness and good health at the age over 80 and find comfort that I still have her around. I missed many years of not being able to feel this way while living in the same house with my mother. Instead of being grateful, I took things for granted and didn't appreciate that mothers are miraculous and magic. Now that I find treasure in my mother, loving her and expressing my love for her becomes easy.

What the Buddha taught us about piety?

The Buddha taught that when I am pious to my parents, I also pay respect to the Buddha. Buddhism teaches me to lead my life with compassion for all: people, animals, plants, and even minerals. Naturally, to love and respect my parents deepens my compassion for all. Moreover, I believe that my parents and I could share a tie in a previous life and I should do my best to honor an engagement thus previously made. In an earlier reincarnation, the Buddha was a prince whose generosity was unparalleled. He would give away anything he had just for the asking, including his own children. But he vowed not to give his parents away. To practice compassion as taught by the Buddha, I learn to truly love myself by taking care of my thought, speech, and action. Next I project my compassion to my loved ones whom naturally include my parents. Then I project my compassion to others. Thus loving my parents is most natural next to loving myself.

My parents' happiness contributes to

my happiness and vice versa:

In me, there are elements of my parents and there also are elements of my ancestors, both physical and spiritual. I cannot be happy while my parents suffer; to make my parents happy contributes to my happiness. Being pious to my parents is no longer an obligation since loving them contributes to my spiritual welfare.

Since my parents are in me, when I smile, my parents in me are happy. And when I walk-meditate, my parents in me find peace. Lucky are the youngsters who find ways to touch the parents in them since that gives them an important perspective about their bodies and minds.

III. I Practice:

Being pious to my parents in my youth:

As a young person, I often felt bound by my parents being old fashioned, controlling, and unreasonable. In fact, in a survey, a group of Vietnamese teenagers were quoted to have said that they "disliked" their parents. What brought about this startling emotion? I honestly believe that my parents love me but often such love does not get expressed nor comprehended. I vow to look deeply and listen intently to truly understand my parents because I know that true understanding reveals their love for me and also brings about my love for them. In my youth, I did not accomplish that and I now vow to overcompensate for it.

Being pious to my parents in my adulthood:

Now that I am married and have a home and my own children, I easily let my busy schedule detract from spending time with my parents. To make up for that, I intend that every minute spending with parents to be of quality. In addition, I make available the quality time that my parents share with my family. I also show my children the interconnectedness among the generations: ancestors, offspring, and ourselves.

Being pious to my parents in their later years:

When my parents get much older, their needs become more spiritual. Plus I remember the Buddha's teachings about the importance of near-death karma: their thoughts and actions as they near the end constitute the strongest force in leading them from this life. Consequently, I make available time for them to be close to the Three Jewels: the Buddha, Dharma, and Sangha. I'm committed that my parents find peace in their later years and find refuge in the Three Jewels.

Discussion:

1. Why is it not effective to tell children that they must be pious to their parents?
2. Offer some ways of thinking that make you capable of showing the love you have for your parents is not obligatory.
3. Recommend guidelines for us to be pious to our parents in our various age groups.



PHÁP THỰC SUNG MÃN, TẠI TRƯỜNG HẠ PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ, AN CƯ 2011

Huệ Trân

Mùa phương tím tháng sáu rực rỡ khắp nơi, tô điểm sắc điệp vàng và những đóa hải đường, uất kim hương đủ màu, đã khiến bức tranh mùa hạ linh động như bước chân sáo của bầy diều gọi nhau tìm về phương hẹn.

Dưới những mái cong của một ngôi chùa tại thành phố North Hill, miền Nam California cũng đang rộn rã như thế. Đó là trường hạ tại Phật Học Viện Quốc Tế, nơi 146 Chư Tôn Đức Tăng Ni và hàng trăm đồng hương, Phật tử vẫn tập về để cùng làm sống lại tinh thần An Cư Kiết Hạ như Đức Thế Tôn đã chế và khuyến tẩn các Tỷ Kheo thực hiện khi xưa.

Chương trình thời khóa 10 ngày an cư được sắp xếp vô cùng khít khao nhưng thật hài hòa cho sự lễ bái, thọ giới, tụng kinh, ăn uống, ngủ nghỉ, v.v... Đặc biệt, những thời khóa Chư Tôn Đức thuyết giảng tại Tổ đường và tại chánh điện cho Phật tử, quả là vô cùng sung mãn. Mỗi ngày giới xuất gia có 2 buổi giảng. Sáng, bắt đầu từ 8:45 đến 10:30; Chiều, sau thời kinh Thủy Sám và Mông Sơn Thí Thực, giờ giảng pháp bắt đầu lúc 7:30 tới 9:00. Phật tử thì mỗi tối đều được thính pháp và pháp đàm từ 7:30 tới 9:00.

Ai đến trường hạ vào những giờ thuyết pháp đều cảm thấy nức lòng vì hình ảnh các học trò tu sĩ luôn hào hứng, chăm chỉ vào lớp trước giờ quý Ôn giảng sư tới. Đã nhiều lần, Ôn Thăng Hoan và Ôn Tín Nghĩa tán thán: "Chu chọa, nửa tiếng nửa mới tới giờ mà học trò đã đến đầy lớp rồi ư?" Có hôm, trong khi chờ giờ học, bỗng nghe nho nhỏ tiếng rao: "Trà đá đây!", tưởng lạc về bến đò Mỹ Thuận! Nhưng không, đúng là tiếng rao "Trà đá đây" nhưng tiếng rao ấy đang ở Tổ đường PHVQT, và người rao là Đại Đức Thích Thiện Đạo, phó trụ trì chùa Phật Tổ, Long Beach. Chắc thầy cũng cảm động khi thấy học trò vào lớp sớm, nên thầy khăng khăng châm một bình trà thơm, chu đáo xếp sẵn những ly giấy nhỏ, rồi ngồi ở hàng ghế cuối, thỉnh thoảng lại cất tiếng "Trà đá đây!". Có lớp học nào, ở bất cứ trường lớp nào trên thế giới mà lại thân thương đến thế không?

Những buổi thuyết giảng dành cho giới tu sĩ là những đề tài thiết thực, lợi ích và đầy hào hứng! Ngay buổi đầu tiên, Ôn Thăng Hoan đã dẫn dắt học trò vào thế giới Duy Thức Học khi liên kết nhiệm vụ của mỗi thức để uyển chuyển tài tình, giảng về đề tài "Giá trị nhận thức theo Phật Giáo", nên Duy Thức Học mệnh mông bể sở lại trở thành thích thú, dễ hiểu khi giọng Ôn sang sảng nhân cách hóa chúng "Anh chàng Manas-thức hay thức thứ sáu, là trung tâm hoạt động của tâm, ý, thức, là một anh chàng ưa thách mắc. Nhận chúng từ nào anh ta cũng suy tư, phân biệt. Trái lại, cái họ hàng Alaya, hay là thức thứ tám thì nhẵn nại chứa đủ mọi thứ mà chẳng hề than phiền bao giờ!"

Xen giữa những lời giảng linh hoạt, vui tươi, đôi lúc Ôn trầm ngâm hẳn nhủ: "Do hoàn cảnh lịch sử, Phật Giáo Việt Nam không còn nằm trong phạm vi hình chữ S nữa, mà nay đang trải rộng khắp năm châu bốn biển. Do đó trách nhiệm các Tăng Ni sinh trẻ rất

quan trọng. Quý vị phải cầu tiến. Phải học. Học. Học. Phải luôn mở mang trí tuệ để trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai. Và phải nhớ rằng, nhà truyền giáo, khi nói về quan điểm mình thì phải có bằng chứng mới giá trị. Nếu chỉ nói khơi khơi, nói trong sách vở thì người nghe sẽ đánh giá được ngay sở học của mình tới đâu!"

Cùng với niềm ưu tư đó, H.T. Tổng Thư Ký, thầy Nguyễn Siêu khi giảng về đề tài "Sự hình thành GHPGVNTN" đã nhìn lên bàn Tổ, nơi có di ảnh của bốn vị Tăng Thống đã khai sinh và gìn giữ GHPGVNTN. Đó là:

- Đức Đệ Nhất Tăng Thống: H.T. Thích Tịnh Khiết
- Đức Đệ Nhị Tăng Thống: H.T. Thích Giác Nhiên
- Đức Đệ Tam Tăng Thống: H.T. Thích Đôn Hậu
- Đức Đệ Tứ Tăng Thống: H.T. Thích Huyền Quang.

Cả bốn vị cha già đã một đời tận tụy, hy sinh vì Đạo Pháp, đã xây đắp ngôi nhà GHPGVNTN cho huynh đệ, cho các con về nương tựa. Bây giờ, quý Ngài đều đã cao đăng Phật quốc.

Thưở các Ngài khai sinh và bảo tồn GHPGVNTN thì những nhân chứng sống, khi ấy còn là những chú điếu, những sư chú, nay là những đại lão Hòa Thượng đang hiện diện nơi đây. Danh xưng GHPGVNTN như ngôi từ đường để hàng tăng sĩ Phật Giáo tìm về, đùm bọc, che chở nhau, cùng phát huy chánh pháp, làm rạng rỡ con đường truyền đăng tục diệm, Tổ ấn trùng quang.

Những buổi thuyết trình và pháp đàm vô cùng đa dạng khi tăng chúng vừa được học nội điển vừa được thảo luận những đề tài luôn bạch hóa trước công luận để đạt sự trong sáng và ngay thẳng.

Năm nay tăng chúng được H.T. tuyền Luật Sư, thầy Thái Siêu, cho ôn kinh Thanh Tịnh trong Trường A Hàm. Hòa Thượng cũng là người nhiệt tình khuyến tấn việc đào tạo tăng tài nên đích thân Hòa Thượng đã mở những khóa huấn luyện giảng sư, kỳ 3. Năm nay, khóa học sẽ bắt đầu từ 19 tới 23 tháng bảy năm 2011 tại Phật Học Đường Fremont, địa chỉ: 4273 đường Solar, thành phố Fremont, CA 94538.

Đặc biệt, trong mùa An Cư năm nay, giới Tăng Ni trẻ được trao trách nhiệm một phần thuyết trình trong chương trình hội luận. Phía Tăng sinh đảm nhận đề tài "Phật Giáo và hạnh phúc gia đình"; phía Ni chúng nhận một đề tài vô cùng tế nhị là "Bát Kinh Pháp". Đây là một vấn đề đang gây nhiều bàn cãi, vì hiện một vài nơi trên thế giới đang đề nghị hủy bỏ.

Ni chúng hiện tiền tại mùa an cư năm nay đã họp nội bộ, bầu thuyết trình đoàn và cùng nhau góp ý về nội dung cũng như cách thức sẽ trình bày trước Nhị bộ đại tăng và toàn thể đại chúng. Sư Bà trụ trì chùa Xá Lợi đã nhắc nhở những điểm cần nắm vững sau khi quan điểm chung đã được biểu quyết đồng thuận là ni chúng một lòng y giáo phụng hành Bát kinh Pháp.

Giật mình...

*Trưa nay giấc ngủ chập chờn
Hồn bay về đó xem hồn lòng chưa?
Có gì thốn thức giữa trưa
Chuông vang báo thức cũng vừa gặp ai.
Một lời chưa nói... bao ngày
Dặn dò chưa kịp đã... hoài chiêm bao
Giật mình soi bóng... gãy hao
Trước gương nhìn tận mặt xao xuyên lòng.
(Wild Rose Country June 25th)*



Chúc nhau

*Tùng trang kính tụng đưa nhau
Đi qua những đoạn trường bao rã rời
Luân hồi quanh quẩn... chơi vơi
Đau thương chất ngất cõi đời phù hư.*

*Chúc nhau mấy cũng chẳng dư
Ta bà trường mộng thật, hư sá gì
Cam lộ tịnh thủy-dương chi
Rướn lên từng giọt sầu bi chẳng còn!
(June 30, 2011)*

Giọt trà cuối

*Giọt trà cuối, linh reo - về chánh điện
Chim hót bên hiên lộng cõi thiền
Nắng vàng xuyên qua màn sương mỏng
Người vẫn ngồi yên đáng thật hiền.
(Calgary June 28th 2011)*

HUYỀN VŨ

Thuyết trình đoàn gồm bốn vị:
Ni sư Hương Quang nói về nguyên nhân Phật chế Bát Kinh Pháp
Ni sư Giới Định phụ trách phần thảo luận về Bát Kinh Pháp
Sư cô Phước Quang đúc kết chương trình

Sư cô Thông Thành là điều hợp viên chương trình hội thảo.

Ngay khi thuyết trình đoàn trình diện, Hòa Thượng Thăng Hoan đã tán thán:

"Đây là một hình ảnh tươi mắt mà có lẽ cũng là lần đầu, bên ni chúng đã tự tin, đồng mãn, ngồi trên bàn chủ tọa, để trình bày về một chủ đề đang gây bàn tán sôi nổi khắp nơi."

Ngay phần giới thiệu thuyết trình viên, sư cô MC lập tức tạo được không khí sinh động, thoải mái, qua sự duyên dáng, hài hòa cùng trí tuệ mà bản chất sư cô đã từng có. Ni sư Hương Quang thật trẻ trung với tuổi hạ và tuổi đời, đã thỉnh mời đại chúng trở về con đường lịch sử năm xưa, theo những bước chân rớm máu của 500 thể nữ, được di-mẫu Kiều Đàm Di hướng dẫn từ thành Vương Xá về vườn Đại Lâm, thành Tỳ Xá Ly, gặp Đức Phật để cầu xin xuất gia. Sự kiện này, đa số các vị hiện diện đều đã biết, nhưng vẫn không dấu được cảm xúc khi ni sư kể lại.

Phần thảo luận, tưởng sẽ rất "gây căng" vì những tế nhị vô cùng vi tế trong Bát Kinh Pháp đối với môi trường xã hội ngày nay. Nhưng sự khéo léo của sư cô MC đã dẫn những câu hỏi hóc búa trở về lập trường của ni chúng hiện diện. Đó là

sự tri ân và tuân hành tuyệt đối Bát Kinh Pháp, vì chính nơi pháp này, Đức Phật đã thể hiện lòng từ bi, bình đẳng và xót thương, che chở thân phận nữ giới.

Sư cô Phước Quang thay lời cảm tạ bằng bài cổ nhạc "Kính nhớ ơn Thầy" đã kết thúc buổi hội thảo đầy lý thú do ni chúng chủ tọa.

Những đề tài khác trong khóa An Cư đều mang nhiều lợi lạc cho sự cầu học. Chẳng hạn như: Tứ Diệu Đế áp dụng vào đời, thích nghi vấn đề nghi lễ, Phật Giáo phát triển trên đất nước Hoa Kỳ, v.v... Về nội điển, giới xuất gia được học một số phẩm trong các kinh Trường A Hàm, Trung A Hàm, và Tăng Nhất A Hàm với sự hiện diện rất cảm động của Hòa Thượng Thích Phước Tịnh. Lịch trình thuyết giảng của Thầy hiện dày đặc khắp nơi, nhưng Thầy vẫn thu vén để về trường hạ. Thầy là hiện thân trọn vẹn của câu chú "Tùy sở trú xứ thường an lạc". Bất cứ nơi đâu, môi trường nào, mưa nắng ra sao, Thầy vẫn thông dong, bước những bước thiền hành, nhấp chén trà thiền vị, nói mà như không lời, đi mà như không tới... Vậy mà, bất cứ nơi nào Thầy ghé, khi rời đi, luôn để lại thật đầy.

Kính đa tạ quý Ôn giảng sư, quý thầy, quý ni sư, quý sư cô luôn hiện diện đầy đủ trong lớp học để thời gian an cư ngắn ngủi tại PHVQT năm 2011, đại chúng đã được hưởng pháp thực vô cùng sung mãn, đem lại rất nhiều lợi lạc trên hành trình tu học.

(Trường Hạ PHVQT 2011)



NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHẢY

Tác giả: **Lâm Thanh Huyền**

Dịch giả: **Phạm Huê**

L.T.S.: Câu chuyện được trích dẫn sau đây nhắc nhở chúng ta rằng trong việc thiền định hay trì tụng kinh chú, quan trọng là sự định tâm, lòng ý. Bản phiên âm Đại Bi Thần Chú tiếng Việt đã bị sót 5 chữ trong những bản in Kinh Nhật Tụng của hơn nửa thế kỷ trước. Tăng Ni và phật-tử Việt đã cùng nhau trì tụng thần chú Đại Bi sót 5 chữ, tính theo mỗi đầu người của 3 đến 5 thế hệ, mỗi người tụng một đời khoảng 100 ngàn biến, vị chỉ bao nhiêu tí biến Đại Bi của hàng triệu người, suốt hơn nửa thế kỷ qua. Sót 5 chữ, vẫn linh thiêng, hiệu nghiệm, đưa hành giả đến nhất tâm, đạt được những phước báo không thể nghĩ bàn. Cảm tạ những học giả hay vị Hán học nào đã so sánh và tìm thấy chỗ thiếu sót của bản Đại Bi Thần Chú tiếng Việt (so với bản Hán văn của Trung Hoa); nhưng chúng ta nên bắt đầu điều chỉnh ở một lớp người nào đó chưa từng tụng đọc qua Đại Bi Thần Chú; còn những người đã thuộc lòng và nhập tâm, để đi vào nhất tâm với bản Đại Bi tiếng Việt, xin tôn trọng, để họ tiếp tục hành trì, vì nếu ép họ phải thêm 5 chữ cho đúng (với bản Hán hay Phạn), việc trì tụng của họ sẽ khó tập trung, mất đi sự hiệu nghiệm, nếu không muốn nói là phá hoại năng lượng một đời của họ-giống như câu chuyện của bà lão trì tụng Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn sau đây. Và cũng xin đừng phát ngôn rằng phải tụng bản Hán có đủ 5 chữ kia thì mới linh nghiệm, còn bản tiếng Việt thì không linh nghiệm. Linh hay không, do ở sự chí thành, nhất tâm, không phải nơi nhiều hay ít chữ, đúng hay sai chữ. Tất nhiên đúng chữ, đủ chữ vẫn tốt hơn, nhưng trong trường hợp Đại Bi Chú Việt Nam, cũng như trường hợp “Om Ma Ni Bay May Khuya” của bà lão phật-tử trong truyện, nên tôn trọng bề dày công phu và kinh nghiệm nhất tâm của các hành giả.

Cảm ơn tác giả Lâm Thanh Huyền và dịch giả Phạm Huê, cùng nhà xuất bản Văn Nghệ đã ấn hành tác phẩm “Những Hạt Đậu Biết Nhảy” này.

Tại biên giới của tỉnh Tây Khương sát với Tây Tạng, có một bà lão sống cô độc, chồng và đứa con trai duy nhất của bà đã qua đời. Bà sống nhờ một thửa đất nhỏ trồng những hạt ngũ cốc. Vì cuộc đời đã trải qua nhiều gian truân từ nhỏ, bà lão cảm thấy nghiệp chướng trong người rất nặng nên đã cố công tìm hỏi những người chung quanh phương pháp chuộc tội để cầu xin cho tâm hồn được bình yên. Cuối cùng thì bà được một người hành hương tốt bụng truyền cho một câu thần chú của Quán Thế Âm Bồ Tát. Câu thần chú gồm có sáu chữ Om Ma Ni Bay May Hôm (1) được gọi là Lục Tự Đại Minh Chú, có thể dùng để giải trừ những nghiệp chướng. Tội nghiệp cho bà già thôn dã đã đốt nát lại không biết chữ, trên đường về nhà bà lẩm bẩm cố học thuộc lòng, nhưng đã nhớ lộn cách phát âm trở thành Om Ma Ni Bay May Khuya.

Để khích lệ cho việc đọc câu kinh sám hối này, bà bày ra hai cái chén, một cái chén không, còn một cái thì để đầy những hạt đậu nành. Mỗi khi đọc xong một câu thần chú, bà nhặt một hạt đậu từ trong chén đầy bỏ sang cái chén không, đến khi cái chén không đã đầy đậu thì bà làm ngược trở lại. Bà lão đã không ngừng nghỉ, thành tâm tụng niệm suốt 30 năm. Lòng thành kính của bà đã ứng hiện cho nên sau này những hạt đậu không còn cần đến bàn tay của bà nhặt lấu, cứ một câu thần chú vừa được phát âm ra thì một hạt đậu tự động nhảy sang cái chén bên cạnh. Bà lão thấy những hạt đậu tự động nhảy nhót, cộng hưởng với âm điệu của câu thần chú thì biết rằng sự tu hành đã đúng đường và giai đoạn sám hối sắp sửa chấm dứt cho nên bà càng phấn khởi tụng niệm hăng say hơn nữa.

Hôm nọ có vị cao tăng từ Tây Tạng vân du qua đó, khi đi ngang qua chiếc lều tranh lụp sụp của bà, nhà sư thấy có ánh hào quang tỏa ra rực rỡ. Vị cao tăng này lấy làm kinh ngạc, ông nghĩ rằng bên trong chiếc lều tranh thế nào cũng có một vị chân tu đặc đạo. Ông vội vã ghé vào thăm hỏi. Bà lão lấy làm vui mừng khi thấy vị cao tăng đến thăm, bà qui xuống đánh lễ, mà miệng thì vẫn cứ tiếp tục lẩm bẩm câu thần chú Om Ma Ni Bay May Khuya. Vị cao tăng lấy làm ngạc nhiên vì không hiểu ánh hào quang rực rỡ mà ông thấy phía bên ngoài phát xuất từ nơi đâu? Ông lần lần hỏi thăm:

- Chẳng hay nữ thí chủ tu luyện bao nhiêu năm rồi? Ở đây còn có ai khác nữa không?

- Thưa ngài, ở đây chỉ có một mình tôi sống cô độc hơn 30 năm nay. Bà lão đáp.

- Thật tội nghiệp, bà ở một mình chắc buồn lắm nhỉ?

- Không đâu, tuy chỉ ở một mình, nhưng hàng ngày tôi tu hành và tụng niệm kinh sám hối để kiếp sau có thể hưởng được nhiều phúc đức của kiếp này, nhờ vậy mà tôi không cảm thấy buồn khổ. Nhất là từ lúc được một người hảo tâm chỉ cho cách tu luyện thì tôi càng có can đảm để sống hơn.

- Bà đang tu luyện kinh sách nào vậy?

- Ô, tôi không biết chữ, cho nên chỉ tụng niệm duy nhất một câu thần chú Om Ma Ni Bay May Khuya.

Nhà sư thở dài tiếc nuối:

- Bà lão ơi, bà đã đọc sau câu thần chú đó rồi, phải phát âm là Om Ma Ni Bay May Hôm mới đúng.

Đến lúc này thì bà lão mới biết là đã đọc sai câu thần chú hơn ba mươi năm. Bà rất đau buồn vì sự nhầm lẫn trọng đại này, như vậy thì công trình 30 năm tụng niệm coi như se cát biển đông. Tuy nhiên bà cũng cảm ơn sự cải chính của nhà sư:

- Dù sao thì ngài cũng đã đích chính kịp lúc, bằng không thì tôi còn tiếp tục sai mà không biết cho đến bao giờ mới điều chỉnh đúng được.

Nhà sư từ giã bà lão để tiếp tục con đường truyền đạo của ông. Bà lão lại

tiếp tục công việc tụng niệm của bà mà lần này với câu thần chú mới. Om Ma Ni Bay May Hôm. Thế nhưng tâm tư của bà còn hỗn độn vì sự việc vừa rồi cho nên ý chí của bà không được tập trung. Mỗi câu thần chú của bà đã không còn làm cho những hạt đậu hứng khởi nhảy sang cái chén bên cạnh như lúc trước. Bà lão vừa tụng niệm mà nước mắt ứa tuôn rơi, bà thậm tiếc cho công trình tu luyện hơn ba mươi năm như trôi theo dòng nước vì đã đọc sai câu thần chú.

Nhà sư đi được một đỗi xa, ông ngoái đầu nhìn lại thấy căn nhà của bà lão không còn hào quang chói sáng. Bây giờ túp lều tranh hiện hình dốt nát mà lại âm u buồn bã. Nhà sư giật mình và nghĩ rằng chính ông đã làm hại người Phật Tử này không còn tập trung được tư tưởng như lúc trước. Ông vội vã trở lại túp lều tranh và nói với bà lão rằng:

Lúc này ta chỉ đùa với bà thôi, câu thần chú của bà tụng mới thật là đúng.

Nhưng tại sao sư phụ lại đối gạt tôi như vậy?

Ta muốn thử xem lòng thành kính của bà đối với Tam Bảo (2) như thế nào vậy thôi. Từ nay về sau, bà cứ tiếp tục tụng niệm y như cũ là phải phép rồi.

Cám ơn Phật, vậy mà con cứ tưởng rằng công lao 30 năm tụng niệm đã trôi theo dòng nước, đa tạ sư phụ chỉ điểm.

Sau khi nhà sư ra đi, bà lão lại tiếp tục công việc tụng niệm, mỗi một câu Om Ma Ni Bay May Khuya được niệm ra thì tâm hồn bà rộn rã tươi vui và một hạt đậu tự động nhảy sang cái chén bên cạnh. Nhà sư đi lên đến đỉnh núi ông ngoái đầu nhìn trở lại thì thấy hào quang phát ra từ túp lều tranh của bà lão đã làm sáng rực cả một góc trời.

Trên đây là một câu chuyện đã được lưu truyền rất rộng rãi trong thế giới Phật Giáo, tôi chỉ sửa đổi lại một vài chi tiết nhỏ. Nhớ lại lần đầu tiên khi đọc xong câu chuyện này tôi rất lấy làm cảm động. Cảm động vì tấm lòng thành kính của bà lão đối với Tam Bảo. Câu chuyện này nói lên rằng âm điệu của thần chú tuy quan trọng, thế nhưng lòng thành kính, sự tín ngưỡng, và ý chí chân thành trong lúc niệm thần chú còn quan trọng hơn nhiều.

Thật ra sáu chữ trong Lục Tự Thần Chú này khó có thể lấy một từ ngữ nào để diễn đạt cho được trọn vẹn ý nghĩa. Miễn cưỡng thì ta có thể hiểu được đại ý là “Cầu xin tự tâm thanh tịnh, Liên Hoa Phật nở rộ trong lòng”. Từ chỗ này chúng ta thấy rằng triết lý nhà Phật luôn cho rằng khi muốn tâm hồn đạt được sự thanh tịnh, tất cả phải do sự tự phát từ đáy lòng của con người mà ra. Khi bà lão tụng Lục Tự Thần Chú, tâm địa của bà trong sạch, quang minh lối lạc như bầu trời không vướng bận một áng mây, vì vậy mà cách phát âm đúng hay sai của câu thần chú lúc đó không còn là một yếu tố quan trọng. Dĩ nhiên, đối với những người phạm phu tục tử chúng ta khi mà sự chân thành tôn kính chưa đạt đến một trình độ có thể làm cho những hạt đậu nhảy được thì âm điệu chính xác của thần chú và kinh kệ hãy còn là một qui luật phải được thực thi đúng đắn.

Hiện nay Lục Tự Thần Chú của Quán Thế Âm Bồ Tát đã trở thành một câu chân ngôn được phổ biến rộng rãi trong thế giới Phật Giáo. Tuy nhiên rất ít người biết được nguồn gốc của câu thần chú này. Nếu như chúng ta biết được rằng Lục Tự Thần Chú đã nở ra từ hàng ngàn mảnh xương sọ của Quán Thế Âm Bồ Tát thì chắc chắn chúng ta sẽ ngạc nhiên và rung động hơn nữa.

Quán Thế Âm Bồ Tát là một đệ tử của đức Phật A Di Đà, ngài đã phát nguyện

trước đức Phật Đà một lời thề vĩ đại: “Tận hết sức lực, thần thông để phổ độ tất cả chúng sinh. Nếu như còn một chúng sinh nào chưa được siêu thoát, đệ tử sẽ quyết không thành chánh quả. Nếu như tất cả chúng sinh chưa siêu thoát mà đệ tử nửa đường bỏ cuộc, thì xương sọ của đệ tử sẽ nứt vỡ thành muôn ngàn mảnh.”

Sau khi lập xong lời trọng thệ, Quán Thế Âm Bồ Tát đã ứng hiện tất cả mọi thần thông, háo thân thành trăm, ngàn, vạn hình hài cứu độ được vô số chúng sinh. Trải qua vô lượng kiếp luân hồi, chúng sinh được độ đã nhiều như Hằng hà sa số (3). Thế nhưng khi nhìn lại thế gian, ngài vẫn thấy hãy còn thiên vạn chúng sinh đang ngập lặn trong si mê, trầm luân, trụ lạc; vẫn hãy còn vô số chúng sinh đang chịu những khổ nạn tai ách; và những chúng sinh đang tạo ác nghiệp cũng động như cỏ kiến. Từ đó ngài suy diễn ra, nếu cứ tiếp tục luân hồi mãi mãi, thì nỗi đau đớn của chúng sinh sẽ còn tái diễn liên miên, sự việc độ trì chúng sinh do đó sẽ không bao giờ chấm dứt. Nghĩ đến đây, Quán Thế Âm Bồ Tát cảm thấy phiền não. Ngài nghĩ rằng: “Cái khổ của chúng sinh là do chúng sinh mà ra. Khi thế gian còn tồn tại thì nỗi khổ của chúng sinh sẽ không bao giờ chấm dứt mà ta thì sẽ không bao giờ độ cho hết được. Lời thề ngày nào là do ta tự làm khổ lấy ta thôi. Nếu như đối với chúng sinh không có ích lợi, thì ta còn kiên trì với lời thề làm chi?”

Thương thay, khi ý nghĩ thối lui của Quán Thế Âm Bồ Tát vừa chợt xuất hiện thì lời thề của ngài tức thì phản ứng. Xương sọ của ngài tự nhiên nứt vỡ thành muôn ngàn mảnh, tăn mác ra như một đóa hoa sen trăm cánh. Đồng thời Phật A Di Đà cũng từ trong chiếc sọ nạn nứt này hiện thân (4) ngài nói với Quán Thế Âm Bồ Tát rằng:

“Thiện tai Quán Thế Âm, lời thề không thể bỏ, nuốt lời là đại tội. Những việc thiện trước đây, đều trôi theo dòng nước. Khuyến người tiếp tục tu, nguyện ước tự nhiên thành. Tam thế cùng thập phương (5), chư Phật cùng Bồ Tát, sẽ hết sức giúp cho, thành công đã đến gần”.

Sau đó Đức Phật A Di Đà đã truyền cho ngài khẩu huyết Lục Tự Thần Chú. Quán Thế Âm Bồ Tát sau khi nghe niệm Lục Tự Chân Ngôn, ngài đạt được đại trí tuệ, sinh đại giác ngộ, và tiếp tục giữ lấy lời thề mà không lùi bước. Chúng ta biết rằng Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Từ Bi, là vị Bồ Tát có thiên thủ thiên nhãn, cứu khổ cứu nạn, linh cảm, linh ứng. Lực lượng của ngài có được là nhờ vào quyền năng Lục Tự Chân Ngôn của Phật A Di Đà truyền cho. Cũng từ sự tích này mà Lục Tự Chân Ngôn còn được gọi là Quán Âm Tâm Chú.

Đây là một huyền thoại rất cảm động, nào bộ nứt ra trăm ngàn mảnh của Quán Thế Âm Bồ Tát nở thành đóa hoa sen ngàn cánh. Đó chính là sự tượng trưng đẹp đẽ nhất của Lục Tự Chân Ngôn. Trong số chúng sinh chúng ta, có bao nhiêu người nuôi được ý chí hủy hoại thân xác phàm trần hiện hữu thành tro bụi để nuôi dưỡng cho một đóa hoa sen được ung dung nở trong tim óc mọi người.

Nhớ lại lần đầu tiên khi nghe xương âm Lục Tự Chân Ngôn, thanh âm trầm hùng, trang nghiêm đơn thuần, thanh tịnh đó đã khiến cho tôi cảm động rơi nước mắt. Có thể nói rằng trên thế gian không có một thanh âm nào đồng đạc, tràn đầy lực lượng như câu thần chú này. Thật là:



TÂM CƯƠNG MANG THÙ HẬN CHUỐC BẤT TẬN KHỔ ĐAU

Tịnh Minh soạn dịch từ *Pháp Thoại Pháp Cú*

Thở nọ có một phụ nữ nghèo, chồng mất sớm, ở vậy nuôi đứa con trai cho đến lúc trưởng thành. Thấy mình mỗi ngày một yếu, phần con cũng đã lớn khôn, bà nói:

- Con à, con thấy đấy, nhà mình đơn chiếc, mẹ thì già rồi, một mình con cáng đáng bao nhiêu công việc trong nhà ngoài ruộng, mẹ thấy con tội nghiệp quá; mẹ đi hỏi vợ cho con nhé!

- Thừa mẹ, người con nói, con muốn ở vậy hầu mẹ suốt đời; biết đâu thêm người thì thêm chuyện rắc rối.

- Không được đâu con. Con vất vả lắm! Để mẹ hỏi vợ cho con.

Can ngăn hai ba lần không được, người con nói:

- Mẹ định tìm vợ cho con ở nhà nào?

- Thì nhà bà hai Tương hay nhà ông bốn Chánh cũng được.

- Không được đâu mẹ! Nếu mẹ thương con thì hãy cưới con gái bác sáu Phúc cho con.

Chiều lòng con, người mẹ đi hỏi dâu và chọn ngày lành tháng tốt rước dâu về nhà.

Mấy năm sau, không thấy dâu con sanh đẻ, người mẹ tìm hiểu và hay rằng nàng dâu mắc bệnh hiểm muộn, không thể sanh con. Vừa lo, vừa tức, bà gọi con, nói:

- Mà y vừa lòng rồi đấy! Một hai mà bắt tao cưới con Tâm, con gái ông sáu Phúc cho mà y, bây giờ nó trở như đá mà y thấy chưa! Nếu mà y không có con thì gia đình mình tuyệt diệt. Con hãy nghe lời mẹ, để mẹ kiếm vợ khác cho con.

- Thôi mẹ à, đủ rồi!

Nhưng người mẹ vẫn khăng khăng tìm vợ khác cho con.

Cô dâu bất hạnh nghe được ý định của mẹ chồng, bèn nảy sanh một ý:

- Con trai nào mà chẳng nghe lời cha mẹ. Nếu để bà tìm dâu khác, rồi

sanh con đẻ cháu thì mình khác gì con nô lệ; chi bằng mình cưới vợ bé cho anh ấy.

Thấy cô Thảo, con ông bà năm Định, nết na thùy mị, có thể phải lòng với chồng mình; nàng đến dạm hỏi nhưng bị ông bà từ chối. Nàng giải thích:

- Tôi vô phúc mang bệnh hiểm nghèo, không thể sanh con, nổi nghiệp dòng tộc; nay ông bà bằng lòng gả con gái cho chồng tôi, mai kia cô ấy có con, gia nghiệp sẽ thuộc về cô ấy, tôi có nghĩa gì; và lại tôi cũng rất thương yêu cô ấy.

Nghe xuôi tai, ông bà bằng lòng; nàng lựa ngày đưa dâu về nhà chồng.

Sau đó một ý nghĩ oan nghiệt xuất hiện trong đầu óc nàng:

- Nếu con hầu này sanh con, nó sẽ nghiễm nhiên thành bà chủ. Ta nhứt định không cho nó làm mẹ.

Nàng ra bộ thương yêu chiều chuộng, nói:

- Khi nào em có thai, cho chị biết nhé!

- Cảm ơn chị! Em đã có bầu, cô thứ đáp.

Thế là ngày ngày nàng tự tay chăm sóc cơm nước, và rồi một hôm trộn thuốc độc vào tô cháo làm cho cô thứ trụy thai. Nàng âm mưu làm cô thứ lần thứ ba, các bà hàng xóm thương tình, hỏi:

- Này, sao cô hư thai hoài vậy?

Cô kể qua cung cách chăm sóc của bà cả, các bà bức tức nói:

- Chỗ bà con láng giềng tụi tui mới nói nghen, có lẽ cô bị đầu độc rồi đó! Con mẹ đòu gớm lắm đấy! Lần này cô đừng để cho nó biết rằng cô có bầu, nghe chưa?

- Dạ! cảm ơn hai bác.

Cô không nói gì nhưng bà cả thấy bụng cô lớn dần nên ra vẻ lo lắng hỏi:

- Sao em có bầu mà không cho chị

biết?

- Chính bà đưa tôi về đây rồi cũng chính bà ra tay trục thai tôi hai lần. Cho bà biết làm gì nữa! Cô nói một cách giận dữ.

Lạnh lùng như băng giá, nàng âm thầm theo dõi cô thứ, rồi một hôm, lợi dụng thời cơ, nàng đổ thuốc độc vào sữa cho cô thứ uống; và, mặc dù thai nhi đã lớn, nhưng cũng bị sanh non; cô thứ đau đớn quằn quại, nói:

- Mà y đã giết tao! Chính mà y đưa tao về đây rồi cũng chính mà y giết ba mẹ con tao. Nay tao chết, tao sẽ đầu thai làm quý Dạ-xoa để ăn tươi nuốt sống các con mà y.

Thề xong, cô trút hơi thở cuối cùng trong cơn hận thù, tức tưởi.

Người chồng uất ức, bắt trời con vợ oan nghiệt lại, nói rằng:

- Chính mà y hủy hoại gia đình tao!

Nói xong, chàng lên gối, xuống chõ, dằn mụ vợ quái ác một trận chí tử. Mụ ngã bệnh và chết một cách thê thảm.

Sau đó hai bà oán thù chồng chất, vay trả trả vay liên tiếp trong ba đời. Khi thì thành mèo thành gà, lúc thì thành hươu thành báo; mục đích là quyết tâm rửa hận diệt thù. Đến đời thứ ba, bà thứ đầu thai thành quý Dạ-xoa, bà cả thành một cô gái nghèo khổ, xấu xí tại Xá-vê.

Lớn lên, cô gái lấy chồng và đến ở gần cổng thành. Sau một thời gian, cô sanh được một bé trai. Quý Dạ-xoa cải dạng thành bạn thân đến thăm và thừa cơ ăn tươi nuốt sống em bé. Hai lần bị quý Dạ-xoa ăn thịt con mình, lần mang thai thứ ba, cô nói với chồng:

- Anh à, đã hai lần con mình bị quý Dạ-xoa ăn thịt. Nay để em về bên nhà cha mẹ em sanh đẻ.

Chiều lòng vợ, người chồng đồng ý; và sau một năm mẹ tròn con vuông, hai vợ chồng làm lễ đặt tên cho con rồi đưa con về nhà lại. Trên đường qua trước tu viện có một hồ nước, người vợ trao con cho chồng rồi xuống hồ tắm; tắm xong lên bể con cho chồng xuống tắm. Trong khi đang ngồi cho con bú thì quý Dạ-xoa lù lù tiến tới, người vợ hoảng hốt hét lên:

- Anh ơi! anh ơi! Lẹ lên...! ẹ lên! Quý Dạ-xoa tới! Cô vừa la vừa bế con chạy thẳng vô tu viện.

Bấy giờ Thế Tôn đang thuyết pháp giữa Tăng chúng. Người vợ đặt con dưới

chân Ngài, nói:

- Con cho Ngài cháu này. Xin Ngài cứu lấy mạng cháu!

Quý Dạ-xoa cũng xông vào nhưng bị thần Xu-ma-na (Sumana) chặn lại tại cổng. Đức Thế Tôn bảo A-nan ra gọi Dạ-xoa vào. Vừa thấy quý dạ xoa, người vợ hét lên:

- Quý Dạ-xoa! Bạch Thế Tôn.

- Hãy để Dạ-xoa vào, đừng làm ồn. Thế Tôn nói.

Quý Dạ-xoa đứng tần ngần trước mặt Đức Thế Tôn, Ngài nói:

- Tại sao người làm thế? Người đã không đối diện với Như Lai sao? Người đã nuôi dưỡng hận thù như lòng dạ cú điều qua bao số kiếp. Sao người không trả hận thù lại cho hận thù? Hận thù không dập tắt được hận thù, chỉ có tình thương mới dập tắt được hận thù.

Ngài đọc kệ:

*Hận thù diệt hận thù,
Đời này không thể có,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật nghìn thu.*

(PC. 5)

Quay sang người phụ nữ, Đức Thế Tôn nói:

- Hãy đưa cháu cho quý Dạ-xoa.

- Con sợ lắm! Bạch Thế Tôn.

- Đừng sợ! Con không còn lý do để sợ quý Dạ-xoa nữa.

Bà mẹ trẻ đưa con cho quý Dạ-xoa. Dạ-xoa bế cháu lên, vuốt ve, âu yếm, xong trả cháu lại cho mẹ nó rồi bưng mặt khóc nức nở.

- Tại sao người khóc? Đức Thế Tôn hỏi.

- Bạch Thế Tôn, trong quá khứ con đã xoay sở trăm phương nghìn kế để kiếm được miếng ăn, nhưng vẫn không đủ. Bây giờ làm sao con sống đây!

- Đừng lo! Đức Thế Tôn an ủi.

Quay sang người mẹ, Ngài nói:

- Hãy đưa quý Dạ-xoa về nhà, mỗi tối nấu cháo loãng cho Dạ-xoa ăn.

Người vợ đưa quý Dạ-xoa về và cho ở trên mái nhà. Nhưng đến vụ mùa, cần suốt lúa đưa lên đưa xuống, quý Dạ-xoa cứ nơm nớp lo sợ đầu mình sẽ bị bửa ra làm hai, nên xin gia chủ cho ở nơi khác. Ở đâu Dạ-xoa cũng phập phồng lo sợ, hoảng hốt trong lòng. Cuối cùng gia chủ phải đưa Dạ-xoa ra ở một nơi thanh vắng ngoài đồng, và từ đó Dạ-xoa hết lòng hộ trì gia trạch và toàn thể dân làng.

*Một tấm lòng trong sáng,
Hoa sen nở rộ rạng,
Sen nở vùng đất sạch,
Trên ngự một Như Lai.*

Chú thích:

(1) Om Ma Ni Bay May Hôm: câu thần chú trên đây đã được phổ biến rộng rãi trong thế giới Phật Giáo, nhất là trong phái Mật Tông vùng Tây Tạng. Câu thần chú này đã được phiên âm ra Việt Ngữ là Án Ma Ni Bát Mê Hồng. Người ta luyện câu thần chú này như một phương thức rèn luyện nội công thiền định. Trước hết, tìm một nơi không khí lưu thông, đứng thẳng người, hai tay lật ngửa để ngang bụng, bàn tay trái đặt trên lòng bàn tay phải. Bắt đầu hít vào lồng ngực một hơi thật dài, khi lồng ngực đã chứa đầy dưỡng khí thì mở miệng thở từ từ, đồng thời phát ra âm thanh om và tưởng tượng như luồng chân khí đang ở đỉnh đầu, kế tiếp theo phát âm ma và cố gắng đưa luồng hơi chảy lại thành kinh điển. Tiếp theo đến âm ni thì luồng hơi được chuyển xuống đến cổ họng. Tương tự đến âm bay thì luồng

hơi được đưa đến lồng ngực, âm may thì chân khí trong người đã được đưa đến đan điền (bụng), tiếp tục đến âm hô thì luồng hơi được chuyển đến hậu môn và thoát ra bên ngoài cơ thể. Nên nhớ là trong lúc sáu chữ trong câu thần chú này được phát âm thì luồng hơi của cơ thể đang ở trong trạng thái thờ ra. Sau đó, sự tập luyện bắt đầu tái diễn bằng cách hít hơi vào lồng ngực... Với hình thức vừa đọc thần chú vừa vận dụng đưa làn hơi trong người tuần hoàn khắp châu thân rồi thoát ra ngoài cơ thể sẽ khiến cho cơ thể con người được giữ ở một trạng thái sạch sẽ và minh mẫn. Những lúc cơ thể mệt mỏi hoặc tinh thần cảm thấy bồn chồn không được an tâm, quý vị có thể thực hiện như lời chỉ dẫn trên đây để lấy lại được sự bình thản trong tâm hồn.

(2) Tam Bảo: Phật Pháp Tăng gọi chung là Tam Bảo. Phật tượng trưng cho từ bi chánh nghĩa. Pháp là lời của Phật dạy hay còn được ghi chép lại thành kinh điển. Tăng là người tu hành, có nhiệm vụ diễn dịch và giảng dạy những ý nghĩa trong kinh điển cho

tín đồ.

(3) Hằng hà sa số: Hằng Hà là tên một con sông lớn của xứ Phật Ấn Độ. Hạ lưu dòng sông này cũng là nơi Phật Giáo khai sinh và phát triển. Phù sa sông Hằng nhiều vô số kể và đã nuôi dưỡng không biết bao nhiêu dân chúng Ấn Độ. Vì vậy kinh điển Phật Giáo thường dùng số lượng phù sa của sông Hằng để nói lên cái số nhiều không đếm xuể được.

(4) Hiện thân A Di Đà Phật: Từ sự tích trên đây, mà bây giờ những hình tượng của Quán Thế Âm Bồ Tát đều đội mũ, và chính người chiếc mũ có một tượng Phật A Di Đà. Đây cũng là cách nhìn vào để phân biệt giữa Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát.

(5) Thập phương: từ chữ thập phương thế giới, thập phương chỉ đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, trên và dưới. Phật Giáo chủ trương có thập phương vô số thế giới gọi là Thập phương thế giới. Trong số thế giới đó có chư Phật và chúng sinh nên còn gọi là Thập phương Chư Phật và Thập phương chúng sinh.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Điều Âm lược dịch

MÃ LAI - HÀN QUỐC: Mạng Truyền hình Phật giáo (Buddhist Television Network - BTN) và Kênh Phật giáo (The Buddhist Channel) hợp tác trao đổi tin tức

Hai mạng tin tức Phật giáo lớn nhất thế giới gần đây đã ký một Bản ghi Thỏa thuận để chính thức trao đổi tin tức và cung cấp thông tin cho nhau. Theo đó, BTN (có trụ sở tại Seoul, Hàn Quốc) và Buddhist Channel (trụ sở ở Kuala Lumpur, Mã Lai) bây giờ sẽ có một phương tiện truyền thông kết hợp để tiếp cận với hơn 20 triệu người xem.

Để làm nổi bật sự hợp tác, Buddhist Channel đã thiết lập một trang web tin tức chung gọi là "BTN-Buddhist Channel".

Trang web tiếng Anh này đặc biệt dành cho các tin tức và bài báo chuyên đề liên quan đến Phật giáo từ Hàn Quốc. Mục đích của sự hợp tác là tạo ra một nền tảng để dành riêng và giới thiệu về tin tức Phật giáo Hàn Quốc, chủ yếu bằng tiếng Anh cho khán giả toàn cầu.

Nhà sáng lập kiêm giám đốc điều hành Buddhist Channel, ông Lim Kooi Fong, nói: "Buddhist Channel có 75% độc giả từ phương tây, chủ yếu là Bắc Mỹ, Tây Âu và Úc Đại Lợi. Với việc dành một trang web tin tức về Hàn Quốc, chúng tôi hy vọng Phật tử các nơi khác sẽ biết đến bạn bè của chúng tôi tại Hàn Quốc rõ hơn".

(The Buddhist Channel - July 1, 2011)

ANH QUỐC: Thời trang lấy cảm hứng từ Phật giáo

Islington, Anh quốc - Tại một show diễn thời trang tổ chức ở thành phố Islington vào cuối tháng 6-2011, các sinh viên thời trang của trường Cao đẳng Islington đã trình diễn các mẫu thiết kế lấy cảm hứng từ triết học Phật giáo.

Sinh viên Jelena Stepanenko, người hy vọng trở thành một nhà thiết kế thời trang độc lập, nói rằng triết học Phật giáo và thiền định đã truyền cảm hứng cho bộ sưu tập của cô.

Lớp vải lót một số áo khoác của cô có những bức tranh màu sắc tươi sáng, khi mặc vào thì không nhìn thấy được nhưng chúng có ý nghĩa phản ánh những quan niệm của đạo Phật. Stepanenko nói: "Mọi người đều có một hào quang và năng lượng. Bạn có thể thực sự không nhìn thấy nó, nhưng nó có ở đó".

(Islington Tribune - July 1, 2011)

NHẬT BẢN: Các di tích Phật giáo tại Tỉnh Nara

Nara là kinh đô của Nhật Bản từ năm 710 đến 184. Tại khu vực Chùa Horyu của tỉnh này có khoảng 48 di tích Phật giáo, trong đó có một số di tích có niên đại từ cuối thế kỷ thứ 7 đến đầu thế kỷ thứ 8. Được xếp hạng là một di sản thế giới UNESCO, chùa Horyu với cổng, chánh điện và ngôi chùa là những công trình bằng gỗ cổ xưa nhất thế giới còn tồn tại. Những kiệt tác của kiến trúc bằng gỗ này

minh họa cho sự thích nghi của nền kiến trúc và cách trình bày của Phật giáo Trung hoa đối với văn hóa Nhật Bản, cũng như đối với sự du nhập của đạo Phật từ Trung Hoa qua bán đảo Triều Tiên về đến nước Nhật.

Tỉnh Nara cũng là nơi tọa lạc của ngôi chùa 5 tầng Kofuku và chùa Todai - ngôi chùa bằng gỗ lớn nhất thế giới có tôn trí tượng Phật lớn nhất của Nhật Bản. Hai chùa này cũng là di sản thế giới UNESCO.

(tipsfromthelist.com - July 5, 2011)

Ba trong số những di tích Phật giáo tại Nara, Nhật Bản (Photos: Wikipedia):



Chùa Horyu, chùa bằng gỗ cổ nhất thế giới (tỉnh Nara, Nhật Bản)



Chùa Kofuku 5 tầng (tỉnh Nara, Nhật Bản)



Chùa Todai, chùa bằng gỗ lớn nhất thế giới (tỉnh Nara, Nhật Bản)

HOA KỲ: Sở Bảo tàng Hàng vải dệt hoàn thành việc bảo tồn các tranh cuộn (Thangka) Tây Tạng

Andover, Massachusetts - Vào tháng 8-2011, Sở Bảo tàng Hàng vải dệt sẽ chuyển giao bức tranh cuối cùng của 18 tranh cuộn Tây Tạng cho Viện bảo tàng Nghệ thuật Mead tại trường Cao đẳng Amherst. Các thangka này là trọng tâm của dự án bảo tồn kéo dài 2 năm.

Một cuộc triển lãm với tên gọi "Hình dung Giác ngộ: Thangka trong Viện bảo tàng Nghệ thuật Mead tại trường Cao đẳng Amherst" sẽ mở cửa vào ngày 26-8-2011. Đây sẽ là lần đầu tiên

tranh Thangka được trưng bày để công chúng thưởng lãm kể từ năm 1953.

Để các hiện vật mỏng manh này không bị những tác động của ánh sáng có khả năng gây hại, bộ sưu tập sẽ được trưng bày thành 2 phần: Nhóm 10 tranh thangka thứ nhất sẽ được triển lãm từ ngày 26-8-2011 đến 1-1-2012. Và 8 tranh còn lại sẽ trưng bày từ 20-1 đến 3-6-2012.

Tháng 8 năm nay, tranh cuối cùng của số Thangka này sẽ được trả lại cho Viện bảo tàng Nghệ thuật Mead.

(PRLog - July 6, 2011)



Một tranh Thangka Tây Tạng thế kỷ 18 đang được làm sạch - Photo: PRLog

HOA KỲ: Hàng nghìn người dự lễ sinh nhật thứ 76 Đức Dalai Lama

Ngày 6-7-2011, hàng nghìn ngoại kiều Tây Tạng đã tham dự lễ kỷ niệm sinh nhật thứ 76 của Đức Đạt lai Lạt ma, vị lãnh đạo tinh thần Phật giáo. Ngài đã nói với các tín đồ rằng ngài hạnh phúc và tự hào về việc từ bỏ quyền lực chính trị của mình.

Đức Đạt lai Lạt ma đến Washington D.C vào ngày 5-7 để chủ trì nghi lễ Phật giáo Kalachakra (Thời luân) trong 11 ngày. Sự kiện này thu hút các tín đồ đến từ châu Mỹ, châu Á và châu Âu.

Đây là chuyến thăm Washington dài ngày nhất của Đức Đạt lai Lạt ma từ trước đến nay. Ngài sẽ gặp gỡ các nhà lập pháp Hoa Kỳ. Nhưng Tòa Bạch Ốc chưa công bố Tổng thống Barack Obama sẽ gặp ngài hay không.

(urbandharma.com - July 7, 2011)

HOA KỲ: Đền thờ Phật giáo Seabrook tổ chức Lễ hội Múa Dân gian Obon năm thứ 66

Upper Deerfield TWP, New Jersey - Đền thờ Phật giáo Seabrook sẽ tổ chức Lễ hội Múa Dân gian Obon kỷ niệm năm thứ 66. Đây là một truyền thống mùa hè được tôn quý tại Seabrook kể từ năm 1945.

Obon Odori, một "vũ điệu của niềm vui", được các cộng đồng người Mỹ gốc Nhật tổ chức, để tôn vinh những người đã khuất và những hy sinh mà họ đã làm để tạo cho cuộc sống trong cộng đồng được tốt đẹp hơn.

Lễ hội Obon tại Seabrook sẽ diễn ra vào ngày 16-7-2011, với phần trình diễn trống taiko và múa dân gian truyền thống Nhật Bản.

Khán giả sẽ được khuyến khích tham gia điệu múa đơn giản này theo hướng dẫn.

Các tiết mục trống taiko sôi động sẽ được trình diễn bởi các đội trống đến

từ Seabrook, New York và Đền thờ Phật giáo Ekoji ở Virginia. Tương truyền rằng nhịp điệu mạnh mẽ của trống taiko là để rước linh hồn tổ tiên về dự hội, xua đuổi những điều xấu và truyền sức mạnh và lòng can đảm đến các chiến binh.

Seabrook được xem là khu tái định cư người Nhật lớn nhất sau Đệ nhị Thế chiến, và các gia đình này đã thành lập Đền thờ Phật giáo Seabrook vào năm 1945.

(nj.com - July 8, 2011)



Một đội trống taiko Nhật Bản - Photo: Jesse Bair

ẤN ĐỘ: Triển lãm về văn học Phật giáo

Bihar, Ấn Độ - Nhằm truyền bá việc nghiên cứu đạo Phật, trường đại học danh tiếng Đại Tịnh xá Nav Nalanda (NNM) sẽ tổ chức các cuộc triển lãm và hội thảo về văn học Phật giáo.

Việc này đã được quyết định tại một cuộc họp của Hội NNM, tổ chức vào ngày 6-7-2011 ở Raj Bhavan.

Ông Devanand Konwar, Thống đốc (bang Bihar) kiêm hiệu trưởng danh dự của trường NNM, đã chủ trì cuộc họp, với sự tham dự của một số vị chức sắc có thẩm quyền.

Với hội nghị đầu tiên được tổ chức gần đây của mình, Đại Tịnh xá sẽ thực hiện các bước cần thiết cho sự phát triển học tập toàn diện và thu hút sinh viên và các nhà nghiên cứu tài năng từ khắp thế giới.

Chi tiết của việc triển khai kế hoạch sẽ được trình trước hội đồng quản trị của Đại Tịnh xá.

(The Buddhist Channel - July 10, 2011)

TÍCH LAN: Kế hoạch xuất bản 50 cuốn sách về Phật giáo

Nhà xuất bản Magadhi thuộc Viện Nghiên cứu Pali và Phật giáo đã lập một kế hoạch xuất bản 50 cuốn sách về Phật giáo để kỷ niệm năm 2.600 Đức Phật Thành đạo.

Đến nay, 22 cuốn Giáo Pháp đã được xuất bản theo dự án này, dưới sự giám sát của Hòa thượng Mahamithwa Pannarathana - Ủy viên của Ủy ban Chỉ đạo Dự án năm 2.600 Đức Phật Thành đạo.

Ủy ban tổ chức đã đề ra một kế hoạch xuất bản 28 cuốn sách Phật giáo khác trước cuối năm Phật lịch 2.600 Đức Phật Thành đạo này.

Hòa thượng Mahamithwa Pannarathana nói rằng dự án sẽ giúp phổ biến



rong rãi kiến thức về Phật giáo.
(dailynews.lk - July 11, 2011)

MÃ LAI: Đền Kek Lok Si (Cực Lạc Tự): Kỳ quan Phật giáo của Mã Lai

Đền Kek Lok Si, tọa lạc tại ngoại ô thủ phủ Georgetown của bang Penang, được xem là đền thờ Phật giáo nổi tiếng nhất và lớn nhất châu Á. Được thành lập vào năm 1890, Kek Lok Si lưu giữ rất nhiều văn bản cổ xưa và di tích quý giá.

Ngoài số lượng hàng nghìn Phật tử chiêm bái mỗi năm, Kek Lok Si còn thu hút nhiều du khách đến tham quan vẻ đẹp tráng lệ của nơi này. Điểm thu hút chính của đền là ngôi Chùa Rama VI, thường gọi là Chùa Thiên Phật, xây xong vào năm 1930. Những yếu tố Trung Hoa, Thái và Miến Điện trong thiết kế kiến trúc của ngôi chùa là một biểu tượng của việc tu hành theo cả hai tông phái Phật giáo Đại Thừa và Nguyên Thủy.

Đền Kek Lok Si còn nổi tiếng với những tượng Thần, Phật, những sảnh điện và ao vườn đẹp.

(ArticlesBase - July 11, 2011)



Đền Kek Lok Si ở Penang, Mã Lai - Photo: Google

THÁI LAN: 84 sĩ quan quân đội trở thành tăng sĩ

Bangkok, Thái Lan - Ngày 13-7-2011, tại chùa Bechamabopit (còn gọi là chùa Cẩm Thạch), 84 sĩ quan quân đội Thái Lan trong áo cà sa vàng của tăng sĩ đã dự một lễ thọ giới chính thức.

Trong 2 ngày, các sĩ quan này đã được thọ giới, chính thức tham dự vào cộng đồng Phật giáo, và họ phải có giấy phép nghỉ công tác quân đội trong 3 tháng mùa chay của Phật giáo.

Ngoài ra, kể từ ngày đầu tiên của 3 tháng An cư kiết hạ (nhằm ngày 16-7-2011) của chư tăng, họ sẽ hành thiện và học giáo lý tại các chùa.

Chỉ với giới cấm đầu tiên (tôn trọng mọi sinh linh, không bạo lực hoặc sát sinh) của 5 giới cấm chính của Phật giáo, những sĩ quan này có thể không còn là những người lính đầy đủ chức năng được nữa, hoặc họ chỉ có thể làm những nhiệm vụ về văn thư hoặc không chiến đấu.

(thailand.prd.go.th - July 13, 2011)

TÂY TẠNG: Tu viện Palcho, nơi tu hành của 3 hệ phái Phật giáo

Tu viện Palcho nằm ở trung tâm phố cổ Gyantse, giữa Lhasa và Shigatse, là tu viện nổi tiếng vì đây là nơi tu hành của 3 hệ phái Phật giáo khác nhau - bao gồm phái Sakyapa, Kadampa và Gelugpa. Các hệ phái này cùng chia sẻ một chánh điện và các phòng nghiên cứu Phật giáo.

Một điều lạ thường nữa là tu viện được xây vào năm 1418, nhưng đến nay vẫn còn nguyên vẹn.

Tu viện Palcho có những đặc điểm kiến trúc của người Hán, Tây Tạng và Nepal.

Trong lịch sử Tây Tạng, đã có những tranh cãi giữa 3 hệ phái nói trên. Nhưng kể từ khi Tu viện Palcho được thành lập cách

đây gần 600 năm, 3 hệ phái đã cùng tồn tại dựa trên tôn giáo chung của họ cũng như trên những học thuyết khác nhau. Nhờ vậy họ đã tạo cho tu viện Palcho trở thành một nơi thân thuộc và bình yên.

(Urban Dharma - July 15, 2011)



Tu viện Palcho, nơi 3 hệ phái Phật giáo Tây Tạng cùng tu hành - Photo: CNTV



Tranh, tượng tại tu viện Palcho, Tây Tạng - Photo: CNTV

HOA KỲ: Tổng thống Obama tiếp kiến Đức Dalai Lama tại Tòa Bạch Ốc

Tại Tòa Bạch Ốc vào ngày 16-7-2011, Tổng thống Obama đã tổ chức một cuộc gặp mặt với Đức Đạt lai Lạt ma, người đồng đoạt Giải Nobel Hòa bình và là người hiện đang có mặt tại Washington trong một nghi lễ Phật giáo kéo dài 11 ngày..

Tòa Bạch Ốc nói rằng trong cuộc gặp riêng trong 45 phút tại Phòng Bàn đồ, Tổng thống Obama "đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ nhân quyền của người Tây Tạng tại Trung Quốc".

Trong một tuyên bố được đưa ra sau cuộc gặp, Tòa Bạch Ốc cũng nói rằng ông Obama đã nhắc lại sự ủng hộ của ông về việc bảo tồn các truyền thống tôn giáo, văn hóa và ngôn ngữ Tây Tạng.

Trong phần phát biểu sau cuộc gặp, Đức Đạt lai Lạt ma nói về cuộc viếng thăm của ngài: "Trước tiên chúng tôi đã tăng thêm cảm giác rất gần gũi với nhau". Ngài cho biết Tổng thống Obama đã bày tỏ sự quan tâm của ông về các giá trị cơ bản của con người, chẳng hạn như nhân quyền và tự do tôn giáo. "Vì vậy đương nhiên ông ấy biểu lộ thật sự mỗi quan tâm về sự đau khổ tại Tây Tạng và các nơi khác".

(Guardian - July 16, 2011)



Đức Đạt lai Lạt ma và Tổng thống Obama - Photo: AT

THÁI LAN: Các hoạt động của Phật tử vào ngày đầu mùa Chay

Bangkok, Thái Lan - Nhiều hoạt động của Phật tử Thái Lan đã diễn ra vào ngày đầu mùa Chay theo Phật lịch (nhằm ngày 17-7-2011): Quận Muang của tỉnh Nakhon Ratchaisima có tổ chức một cuộc thi lớn của 59 chiếc xe hoa bằng nền chạm trổ, được dự kiến sẽ thu 100 triệu Baht trong kỳ nghỉ lễ kéo dài 4 ngày này.

Tại tỉnh Suphan Buri, một cuộc thi rước 10 cây đèn cầy được chạm khắc đã thu hút rất đông người xem. Nhiều Phật tử tại đây cũng đã tham gia làm công đức tại 9 ngôi đền chính ở quận Muang.

Phật tử Thái và Miến Điện ở tỉnh Chiang Rai cũng đến chiêm bái xá lợi của Đức Phật tại Đền Phra That Doi Tung. Họ cúng dường chư tăng các nhu yếu phẩm, bao gồm nến và áo cà sa.

Tín đồ Phật giáo ở tỉnh Angthong, Phitsanulok và Surat Thani cũng đến chùa làm công đức, cúng dường thực phẩm và nhu yếu phẩm cho chư tăng.

(The Nation - July 17, 2011)



Một xe hoa bằng nền chạm trổ trong cuộc thi tại tỉnh Nakhon Ratchaisima, Thái Lan - Photo: The Nation

NEW ZEALAND: Hội Từ Tế tặng hàng cứu trợ trị giá 100 nghìn đô la

Christchurch, New Zealand - Cộng đồng Phật giáo Từ Tế đã tặng số thực phẩm, chăn mền và thuốc trị giá 100 nghìn đô la cho cộng đồng trường Cao đẳng Linwood vào ngày 16-7-2011.

Khoảng 2.300 túi hàng chăm sóc mùa đông đã được trao tặng tại trường.

Trên 30 hội viên của cộng đồng Từ Tế từ Auckland đã đem đồ cứu trợ đến giúp, bao gồm 3 xe tải chở thực phẩm và 100 áo khoác học đường.

Đây là lần thứ 6 Hội Cứu trợ Phật giáo Từ Tế đến giúp Christchurch kể từ trận động đất ngày 22-2-2011.

Hội đã chi hơn 400 nghìn đô la từ tiền do hội viên quyên góp để giúp vùng ngoại ô phía đông của Christchurch. Ngoài ra, trụ sở của hội tại Đài Loan cũng gửi 6.000 tấm chăn sang New Zealand.

Tất cả tình nguyện viên đã trả tiền cho các chuyến bay đến Christchurch cũng như chỗ ở, vì vậy toàn bộ số tiền quyên được đều dành cho việc từ thiện.

Theo kế hoạch, Hội Từ Tế sẽ trở lại Christchurch vào tháng sau để tiếp tục cứu trợ.

(Stuff - July 18, 2011)



Hai mẹ con người New Zealand nhận hàng cứu trợ, với sự giúp đỡ của một tình nguyện viên Từ Tế - Photo: Stuff

NAM HÀN: Đền Bulguksa, một điển hình của kiến trúc Silla

Đền Bulguksa, một Di sản Thế giới UNESCO tại thành phố Gyeongju (Nam Hàn), là một điển hình của nền kiến trúc Silla có niên đại hơn 1.000 năm.

Khi được triều đình Silla xây vào năm 774, Đền Bulguksa gồm có 80 tòa nhà tọa lạc trên một nền đá cao.

Nhưng ngôi đền đã bị đốt cháy trong cuộc xâm lăng của Hideyoshi Toyotomi vào năm 1592.

Đến thời quân Nhật chiếm đóng (1910-1945), đền Bulguksa được xây lại một phần. Và vào thập niên 1970, dưới thời Tổng thống Park Chung-hee, thì ngôi đền này được phục hồi hoàn toàn.

Mặc dù được xây lại toàn bộ, đền Bulguksa vẫn giữ được nét thanh nhã và tôn nghiêm.

Công trình quan trọng nhất là chánh điện - Daeungjeon (Điện Đại Giác ngộ). Phía trước chánh điện là 2 ngôi chùa Seokgatap và Dabotap, được xây theo thiết kế của nghệ nhân huyền thoại Asadal vào thế kỷ thứ 8: Chùa Seokgatap có 3 tầng, cao 8 mét, là một ngôi chùa bằng đá theo phong cách truyền thống Triều Tiên. Còn chùa Dabotap cao 10,4 mét là nơi thờ Đức Đa Bảo Như Lai.

(The Bangkok Post - July 19, 2011)



Hai ngôi chùa Seokgatap và Dabotap ở phía trước chánh điện của Đền Bulguksa - Photo: The Bangkok Post



Tranh, tượng tại tu viện Palcho, Tây Tạng - Photo: CNTV

“CÓ THỰC MỚI VỰC ĐƯỢC ĐẠO”

Thu Nguyệt

Cũng là câu thành ngữ ấy, nhưng đến khi nghe chính từ miệng ba tôi nói ra, tôi mới sáng và hiểu theo đúng nghĩa.

Một bữa, thím Bàng bưng qua cho nhà tôi một mâm bánh xèo. Thím là người làm bánh xèo rất ngon, mang ơn nghĩa nhiều với nhà tôi nên lần nào làm bánh thím cũng bưng qua cho. Hồi nhà thím còn nghèo, thím thường bọc bánh xèo trong mấy tàu lá chuối, để vô cái sàng rồi bơi xuống đem qua, xuống chưa cập bến, tay dầm còn nguy nguy thím đã kêu ới lên nhà: “Đứa nào ở nhà đó bây, xuống bưng giùm tao cái này”. Có khi người trên nhà chưa kịp xuống, thím đã để cái thúng lên cầu bến, rồi lật đặt bơi xuống về cho kịp còn làm công chuyện khác.

Hồi đó nhà thím nghèo lắm, đàn con của thím đông như bầy chim sẻ, mười hai đứa sà sà nhau, có khi phải mượn gạo nhà tôi nấu cháo ăn từng chập. Tối bữa cơm, cả nhà trải cái đệm ngoài sân, dòm vô thấy lóc nhóc đầu là đầu, đầu nào cũng hoe hoe cháy nắng. Nồi cơm bự bành ki đầy tú ụ vừa nhắc xuống, ngó qua ngó lại đã thấy đầy nồi. Mà thôi, tả làm gì cho nó sa vào vệt vật, tóm lại là nghèo thấy ông bà ông vải!

Rồi nhà thím khá lên, thôi cũng khỏi phải kể ra chi cái nguyên do cho nó dài dòng, ở đời thiếu gì những bước nhảy ngoạn mục. Thím xây nhà ngói. Những cái đầu hoe nắng ngày xưa giờ tóc đã óng mượt bằng bành như tóc mây tóc suối quảng cáo trên tivi. Đến bữa cơm, bàn ăn trải khăn nhựa ni-lông tử tế, người nào cũng để ý né những món có thể làm phá sản vóc dáng trời cho.

Thím bưng mâm bánh xèo qua cho nhà tôi, chất lượng bánh bên trong đương nhiên ngon hơn đã hẳn, mà hình thức bên ngoài cũng mát mắt cao sang. Cái mâm bằng nhôm cao cấp sáng ngời, đựng mấy cái bánh xèo như mặt trời sáng chói. Thím cột xuống bước đỉnh đạc lên bờ, đi thẳng lên nhà trên, bỏ dép, rồi quay qua kêu túi nhỏ: “Đứa nào lấy mấy cái đĩa lên sắp bánh cúng ông bà nội coi bây!” Thím đột nhang cú xá rất đàng hoàng, rồi mới bưng số bánh

còn lại xuống bếp nói chuyện với má tôi. Ở quê, đàn bà thường ít khi đứng cúng, việc cúng bái ông bà là việc của đàn ông, đàn bà chỉ chầu chực lạy qui khếp nép. Tôi ở xa, nhiều năm không gặp, thấy cảnh này giờ ngồi chết trân dòm thím thao lao. Quá bất ngờ! Thấy tôi cứ thần thừ cái mặt, ba tôi lại gần nói:

- Phải có chút ít phú quý mới thì lễ nghĩa mới xanh cành. Con người ta khi nghèo thú củ hủ, sống cắm đầu chú nhủi, ngay cả việc biết điều, phải phép đôi khi cũng phải lờ. Ông bà mình nói “có thực mới vực được Đạo” là vậy.

Nhìn nét mặt tôi, hình như chưa yên tâm về lời dạy của mình, ba tôi kéo ghế ngồi xuống, vẫn một điệu thuốc rê, thúng thảng nói tiếp:

- Phải nói ra cho nó rõ kéo con cái tui bây không hiểu tới. Hồi nào tới giờ tao thấy đa phần tui con cứ hiểu câu “Có thực mới vực được Đạo” của ông bà mình là nói về tầm quan trọng của chuyện có cái ăn. Có ăn để làm gì? Để vực dậy Đạo, đó mới là chuyện chính, là cái đích. Làm gì là cũng để ngoi tới cái Đạo. Có người, bước xuống ghe là cắm đầu chèo, chèo chết chèo sống và dòm coi xung quanh coi có ai chèo lẹ, chèo giỏi như mình không. Sa đà vào cái chuyện lo chèo mà quên rằng mình chèo là để tới cái bến nào đó. Khôn ngoan tìm đủ cách lèo lái, mục đích cũng là về bến cho mau. Người luôn nhớ đến việc mình phải tới bến thì không lạc đường, trôi nổi. Tui con được học hành, biết hết chuyện Đông Tây, chú ý đừng hiểu sai ý nghĩa lời dạy của ông bà mới vững vàng cái gốc.

Ba nói rồi gương mặt nhẹ bâng, bước lại bàn pha trà rót vào ly nước cúng. Hồi này thím Bàng cúng mà quên rót nước, nghi lễ thiếu sót chuyện nhỏ thôi, rồi sẽ quen dần, miễn là khói hương có mang lòng thành thơm thảo. Buổi trưa yên ắng, tôi nghe rõ tiếng nước ba rót vô ly. Mùi khói nhang và mùi hương trà thơm kính cẩn.

Cái “thực” dù không dễ có, nhưng chẳng ai quên, cái “đạo” luôn chực ở gần bên vậy mà quên rất dễ. Thiêm Bàng nghèo, ít học, coi vậy mà trí nhớ cũng lai rai. Thôi kệ, vậy cũng ngon rồi miễn là còn nhớ.



TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO TẠI FLORIDA
PHÁP VU BUDDHIST CULTURAL CENTRE OF FLORIDA

CHÙA PHÁP VŨ

716 N. Dean Road, Orlando, FL 32825. Tel: (407) 277-7262
www.phapvucenter.com Email: phapvucenter@hotmail.com

THÔNG BÁO LỄ HỘI VU LAN VÀ VĂN NGHỆ XỔ SỐ GÂY QUỸ XÂY CHÙA

Kính gửi : Quý Phật tử và đồng hương

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật

Kính thưa quý liệt vị,

Truyền thống hiếu đạo của dân tộc Việt nam chúng ta đã có từ lâu đời, thêm vào đó, giáo lý từ ân cũng tô đậm và triển khai thêm ý nghĩa báo hiếu cao đẹp trong tâm khảm dân Việt kể từ khi Phật giáo du nhập vào nước ta đầu kỷ nguyên.

Giữ gìn và phát huy truyền thống ấy nơi xứ người, hàng năm Chùa Pháp Vũ cũng tổ chức Đại Lễ Vu Lan. Đặc biệt năm nay, Vu Lan thắng hội sẽ được cử hành trọng thể với nhiều thiện sự như: thuyết pháp, lễ Quy Y Tam Bảo, Hội Chay Gieo Duyên, Văn Nghệ, Xổ số gây quỹ để khởi công xây chùa. Những duyên sự như thế được chư tôn thiện đức khắp nơi hứa khả quang lâm để chứng minh, hộ niệm cho con đường hoàng pháp nơi đây được thực hiện thông suốt, lợi lạc.

Thay mặt Tăng Ni, Phật tử Chùa Pháp Vũ, chúng tôi trân trọng thông báo và kính mời toàn thể quý đồng hương, Phật tử hoan hỷ thu xếp thời giờ về chùa tham dự:

Lễ Hội Vu Lan (ngày truyền thống báo ân cha mẹ) sẽ được long trọng cử hành
Địa điểm: Tại Khuôn Viên Chùa Pháp Vũ (716 N. Dean Road, Orlando, Florida).
ĐT: 407-277-7262)

Thời gian: Thứ Bảy, ngày 13 tháng 8 năm 2011 (Nhằm ngày 14 tháng 7 âm lịch năm Tân Mão)

Sự hiện diện đông đủ của quý vị trong Lễ Hội một mặt để biểu lộ niềm hiếu cảm tri ân đối với Tổ-Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ hiện đời và nhiều đời; mặt khác, chính là góp phần vào việc bảo lưu các truyền thống đẹp của dân tộc và Phật giáo. Sự góp mặt với nhiều ý nghĩa như thế của quý liệt vị, sẽ khích lệ rất nhiều cho Ban Tổ Chức, đồng thời là thiện duyên để tất cả chúng ta cùng nhất tâm cầu nguyện cho thế giới hòa bình, người quá cố được siêu thăng, cũng như để chúc lành cho người sống luôn được an lạc, cát tường.

Kính chúc quý liệt vị một mùa Vu Lan tròn đầy hiếu hạnh và an lành.

Nam mô Đại hiếu Mục-kiền-liên bồ-tát ma ha tát

PL: 2553, Orlando, ngày 1 tháng 7 năm 2011

T/M: Chư Tăng Ni, Phật tử chùa Pháp Vũ,

Viện Chủ,

Tỳ kheo Thích Nhật Trí

Đại Lễ Vu Lan: Tưởng Niệm Về Mẹ

Rồi một buổi sáng hôm nao.
Thế gian Mẹ bỏ, đi vào Thiên Thu!
Ngàn năm một giấc寐 mù!
Chúng sanh tối hậu, cho dù cao nhân,
Nào ai tránh khỏi tử trần?
Nào ai biết được người thân nơi nào?
Có chẳng trong giấc chiêm bao,
Mơ hồ gặp Mẹ, xôn xao cõi lòng!
Đời người có đó, rồi không,
Không không, có có, một vòng khó ra!
Nguyện cầu Đức Phật Di Đà,
Độ hương linh Mẹ về nhà Vô Ưu!
Con nay cố gắng tập tu,
Theo chân Từ Phụ, lần từ bước đi:
Đại Hùng, Đại lực, Từ Bi.
Sát sanh, lời dối, tham, si... xa dần!
Câu Kinh, lời Chú làm thân,
Đến ngày kết liễu thế nhân Luân Hồi!



NHỰT THANH - TUYẾT NGUYỄN

(Tưởng niệm ngày Mẹ, tức Bà Nguyễn Thị Khuyết từ trần,
lúc 8:15 sáng ngày 20 tháng 3 năm Mậu Tý, nhằm ngày 25, tháng 4 năm 2008)





CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Châu

Chủ biên: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989
- **Chi phiếu ủng hộ,** xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Số **28**
8.2011

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Chùa Pháp Vũ
www.chuaphapvu.org

ĐẠI LỄ VU LAN

Ngày Truyền Thống Báo Ân

Chương Trình Văn Nghệ Gây Quỹ Xây Dựng Chùa Pháp Vũ

Chủ đề **"Hát Cho Mẹ và QUÊ HƯƠNG"**

Từ 3:00 Chiều Thứ Bảy

Ngày 13 tháng 08 năm 2011

(Nhằm ngày 14 - 7 năm Tân Mão)

KHUÔN VIÊN CHÙA PHÁP VŨ

716 N. Dean Rd. Orlando, FL 32825

407-277-7262

VÉ SỐ ỦNG HỘ: mỗi vé \$10

- **LÔ ĐỘC ĐÁC:**
Chiếc xe Mercedes Benz (\$46.000)
- **Giải nhất:**
Cặp vé đi Vacation Hawaii (\$8.000)
- **Giải nhì:**
1 Television 3D (\$4.000)
- **Giải ba:**
1 Laptop (\$2.000)
- **Và 05 giải khuyến khích:**
mỗi giải \$200

ĐẶC BIỆT:
Trên sân khấu
"Mùa Vu Lan"
Do KT. Thích Nguyên
Thực hiện



Đội ngũ góp mặt của VC & Ca Nhạc Sĩ:

Nguyễn Ngọc Anh
Nguyễn Văn Sỹ Nguyễn
Thị Minh Lý, Tiên Nguyễn Thanh Thảo,
Tâm Ngọc Tiên Nguyễn,
Lương Minh Hồng Sơn,
Phượng Hằng Phương Trang,
Anh Dũng Nguyễn, Vũ Trung,
Trang Lê, Minh Tân Long,
Các em Tiểu đoàn Phật tử Phật tử
Ban Văn Nghệ Chùa Pháp Vũ,
Ban nhạc Tân Friends Band



Địa chỉ tòa soạn:

CHÁNH PHÁP
803 S. Sullivan Street
Santa Ana, CA 92704
Tel.: (714) 571-0473

TO: _____

Báo Chánh Pháp số 28, tháng 8 năm 2011, do Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý đạo hữu được nhiều sức khỏe và thịnh vượng, kiên cố bồ đề tâm để hộ trì Phật Pháp.